



TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Địa chỉ: Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi,
phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân,
thành phố Hà Nội
Mã số DN: 0100106440

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 29./2019/LICOGI-CBTT

(V/v CBTT Báo cáo thường niên năm
2018 của Tổng công ty LICOGI-CTCP)

Hà Nội, ngày 29 tháng 04 năm 2019

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ

**Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước
Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội**

Công ty: **TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**
Địa chỉ trụ sở chính: nhà G1, số 491 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân
Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Điện thoại: 043 8542 365
Fax: 043 8542 655

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Phan Thanh Hải
Địa chỉ: nhà G1, số 491 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh
Xuân, thành phố Hà Nội
Điện thoại: 0905955896

Loại thông tin công bố: 24 giờ 72 giờ bất thường theo yêu cầu
 định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Tổng công ty LICOGI-CTCP công bố thông tin Báo cáo thường niên năm 2018
của Tổng công ty LICOGI-CTCP.

(Có Báo cáo thường niên kèm theo).

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty vào
ngày 29/04/2019 tại đường dẫn: <http://www.licogi.com.vn/>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn
chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như đề gửi;
- HĐQT, BKS (để b/c);
- Ban TGD (để biết);
- Lưu VP HĐQT.

**NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN
TỔNG GIÁM ĐỐC TỔNG CÔNG TY LICOGI-CTCP**



Phan Thanh Hải



TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018

Cánh Chim Đầu Đàn

MỤC LỤC

Thông điệp của chủ tịch hội đồng quản trị
Tầm nhìn, sứ mệnh của Tổng Công ty
Tổng quan Tổng công ty
Tình hình hoạt động năm 2018
Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc
Báo cáo của Hội Đồng Quản Trị
Quản trị Tổng Công ty
Phát triển bền vững
Báo cáo tài chính

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

BHYT	Bảo hiểm y tế
BHTN	Bảo hiểm thất nghiệp
BHTNN	Bao hiểm tai nạn
BKS	Ban Kiểm soát
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
Tổng công ty	Tổng công ty Licogi
HĐQT	Hội đồng quản trị
BTGD	Ban Tổng Giám Đốc
BĐH	Ban điều hành
SXKD	Sản xuất kinh doanh
TGD	Tổng Giám đốc
BCTC	Báo cáo tài chính

THÔNGIỆP

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Năm 2018 chứng kiến sự phục hồi thiếu đồng đều lẫn chắc chắn của kinh tế thế giới, sự tăng trưởng này diễn ra không đồng đều giữa các nhóm và thậm chí giữa các nước trong cùng nhóm. Nền kinh tế Việt Nam cũng chịu ảnh hưởng của các yếu tố khách quan từ thị trường thế giới dẫn đến những biến động khó lường ảnh hưởng đến hoạt động SXKD của Tổng Công ty.

Năm 2018 theo Tổng cục Thống kê, tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2018 ước tính đạt 7.08%, cao hơn mức kế hoạch đề ra từ 6.5% đến 6.7% và cao hơn GDP cả năm 2017 là 6.81%. Dự báo tốc độ tăng trưởng trong đó, ngành xây dựng tăng trưởng khá với tốc độ 9.16%, đóng góp 0.65 điểm phần trăm, điều này ảnh hưởng tích cực, tạo cơ hội tăng trưởng mạnh mẽ cho ngành xây dựng nói chung và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nói riêng. Vì vậy, Tổng Công ty phải luôn giữ tư thế chủ động nắm bắt tình hình kinh tế, tránh tâm lý chủ quan để có thể sẵn sàng đương đầu với các rủi ro trong nền kinh tế trong và ngoài nước.

“

Nhận thức sâu sắc tình thế hiện tại cùng viễn cảnh tương lai, đối mặt với nhiều khó khăn và biến động khó lường của nền kinh tế toàn cầu, Ban lãnh đạo Tổng Công ty đã có những định hướng chiến lược thực tế, có những kế hoạch kịp thời và linh hoạt để tình hình hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty vẫn phát triển theo kế hoạch dài hạn đã đề ra. Với chiến lược phát triển của LICOGI trong những năm tới được xác định dựa trên ba trụ cột chính là xây lắp, sản xuất công nghiệp - vật liệu xây dựng và đầu tư khu đô thị, nhà ở, trong đó, nguồn nhân lực là khâu then chốt, quản lý bộ máy là khâu trọng yếu và phát huy văn hóa doanh nghiệp là nhiệm vụ thường xuyên. Licogi đưa ra những mục tiêu về nguồn lực hiện có để phát triển các ngành nghề: thi công xây lắp, xử lý nền móng, hạ tầng, công trình ngầm. Ngoài ra, Licogi sẽ xây dựng lực lượng cán bộ công nhân viên ổn định theo mô hình quản trị chuẩn mực, phù hợp với hoạt động thi công xây lắp và củng cố phát triển thương hiệu để tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường.

Căn cứ tình hình thị trường xây dựng hai năm 2017, 2018 và nhận định thị trường trong những năm tới, Tổng công ty tiếp tục xác định chiến lược phát triển tập trung vào các lĩnh vực chủ yếu là thi công xây lắp, xử lý nền móng, hạ tầng, công trình ngầm. Đây là những lĩnh vực truyền thống của Tổng công ty tiếp tục đã có uy tín, thương hiệu trên thị trường, thiết bị thi công có sẵn, có đội ngũ cán bộ kỹ thuật, thợ vận hành nhiều kinh nghiệm.

Năm 2019, dự báo tình hình thị trường tiếp tục có những biến động lớn mang thiên hướng bất lợi cho việc sản xuất và kinh doanh của Tổng Công ty. Thị trường trong nước cũng đối mặt với cạnh tranh khốc liệt, tỷ lệ đối thủ cạnh tranh trong và ngoài nước tăng cao, ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty. Tính đến thời điểm hiện tại, theo tổng cục thống kê, năm 2018 có tới 16,7 nghìn doanh nghiệp trong lĩnh vực xây dựng (chiếm 12.7% tổng số doanh nghiệp cả nước), tăng 4.4% so với năm 2017. Từ những nhận định rõ nét về thị trường cạnh tranh gay gắt, Ban lãnh đạo Tổng Công ty có những thay đổi trong hoạch định chiến lược phát triển, nhằm khắc phục những khó khăn và chủ động cạnh tranh trên thị trường. Với kinh nghiệm điều hành và quyết tâm cao, HĐQT và ban điều hành Tổng Công ty LICOGI sẽ phấn đấu vượt qua khó khăn thách thức, lãnh đạo Tổng công ty từng bước ổn định, phát triển để đáp lại sự tin tưởng và ủng hộ của Quý cổ đông.

HĐQT và Lãnh đạo Tổng công ty xin bày tỏ lòng cảm ơn sâu sắc tới Quý cổ đông, Quý cơ quan quản lý nhà nước, các Quý đối tác và sự tận tâm nỗ lực của toàn thể ban điều hành, toàn thể CBCNV thuộc Tổng Công ty đã đoàn kết, đồng lòng để LICOGI có thể đạt được những kết quả khả quan trong năm 2018, tạo tiền đề để phát triển trong năm 2019 và những năm tiếp theo. Hãy cùng chúng tôi đồng hành và vững bước trong tương lai, đạt được nhiều thành công mới!

Thay mặt HĐQT
Chủ tịch HĐQT

TẦM NHÌN

Nhà thầu hạ tầng kỹ thuật và nền móng công trình dẫn đầu tại Việt Nam và nhà thầu Quốc tế chuyên nghiệp bằng lợi thế công nghệ và nguồn nhân lực chất lượng cao.

Nhà sản xuất năng lượng, sản xuất công nghiệp và vật liệu xây dựng hiệu quả cao.

Nhà đầu tư, phát triển và vận hành khu đô thị mang lại môi trường sống tốt đẹp hơn cho cộng đồng.

Ông Dương Xuân Quang
Chủ tịch HĐQT

“

LICOGI cung cấp giải pháp sáng tạo và đáng giá tin cậy với giá cả hợp lý bằng ứng dụng những công nghệ tiên tiến và phương thức quản lý hiện đại.

LICOGI nỗ lực nâng cao chất lượng cuộc sống cho cộng đồng và sự phát triển bền vững của Đất nước bằng chiến lược đầu tư hiệu quả.

SỨ MỆNH CỦA CHÚNG TÔI

LICOGI xây dựng một môi trường làm việc hội tụ được nguồn nhân lực chất lượng cao, mang lại cơ hội phát triển và thành đạt cùng doanh nghiệp

01

THÔNG TIN CHUNG TỔNG CÔNG TY LICO GI

Thông tin chung

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Quá trình hình thành và phát triển

Mô hình quản trị và bộ máy quản lý

Giới thiệu ban lãnh đạo

Định hướng phát triển



THÔNG TIN CHUNG

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Tên viết tắt:	LICOGI
Tên tiếng anh	LICOGI Corporation - JSC
Giấy phép ĐKKD	Số 0100106440 cấp ngày 24/11/2010 tại Thành phố Hà Nội, thay đổi lần thứ 7 ngày 11/01/2018
Vốn điều lệ:	900 Tỷ đồng
Trụ sở chính	Nhà G1, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Tp. Hà Nội, Việt Nam
Số điện thoại:	+ 84 024 38542365
Số Fax	+ 84 024 38542655
Website	http://www.licogi.com.vn/
Email	info@licogi.vn
Mã cổ phiếu	LIC
Logo	



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1960

Bộ Kiến trúc (nay là Bộ Xây dựng) quyết định thành lập Công ty thi công cơ giới

1979

Bộ Xây dựng có quyết định chuyển Công ty thi công cơ giới thành Liên hiệp các Xí nghiệp thi công cơ giới

1995

Bộ Xây dựng có Quyết định số 998/BXD – TCLĐ thành lập Tổng Công ty xây dựng và phát triển hạ tầng

2006

Bộ Xây dựng có Quyết định số 1635/QĐ-BXD chuyển Tổng Công ty xây dựng và phát triển hạ tầng sang hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con

2010

Thủ tướng Chính phủ có Quyết định số 53/QĐ-TTg thành lập Công ty mẹ - Tập đoàn Sông Đà với nòng cốt là Tổng Công ty Sông Đà - Công ty mẹ; trong đó Tổng Công ty Xây dựng và phát triển hạ tầng là Công ty con do Tập đoàn Sông Đà nắm giữ 100% vốn điều lệ

2013

Bộ Xây dựng có Quyết định số 914/QĐBXD chuyển giao quyền và nghĩa vụ chủ sở hữu phần vốn nhà nước của Tổng Công ty xây dựng và phát triển hạ tầng từ Công ty mẹ - Tập đoàn Sông Đà về Bộ Xây dựng với vốn điều lệ là 370,000,000,000 đồng

2014

Thủ tướng phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty xây dựng và phát triển hạ tầng với mức vốn điều lệ là: 900,000,000,000 đồng

2015

Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100106440 với vốn điều lệ 900.000.000.000 đồng.

2018

Bộ Xây dựng chuyển giao quyền sở hữu vốn Nhà nước tại LICOGI sang SCIC



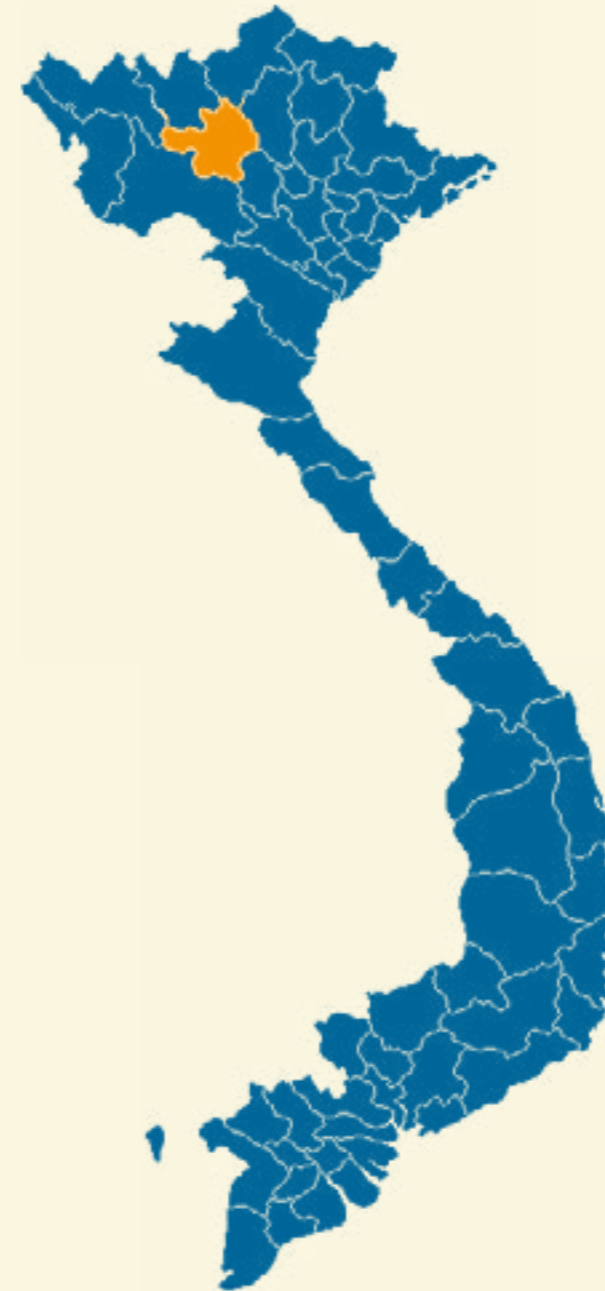
NGÀNH NGHỀ & ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH



- » Thi công và xử lý nền móng các loại công trình, khoan nổ mìn, các công trình ngầm;
- » Thi công xây lắp và tổng thầu thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp;
- » Xây dựng các công trình giao thông (đường bộ, cầu đường sắt, cầu đường bộ, sân bay, bến cảng, nhà ga, đường hầm);
- » Xây dựng các công trình thủy lợi, cấp thoát nước (đê, đập, kênh, mương, hồ chứa nước, hệ thống tưới tiêu, ống dẫn, trạm bơm), thủy điện, nhiệt điện, buru điện;
- » Thi công xây lắp các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, các công trình đường dây điện, trạm biến áp điện;
- » Lắp đặt thiết bị và hoàn thiện công trình xây dựng;
- » Đầu tư kinh doanh các dự án về nhà ở, khu đô thị, khu công nghiệp, đầu tư và kinh doanh phát triển hạ tầng kỹ thuật;
- » Sản xuất và kinh doanh điện thương phẩm;
- » Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét và sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng;
- » Kinh doanh các sản phẩm cơ khí;
- » Cung ứng và quản lý nguồn lao động;

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH



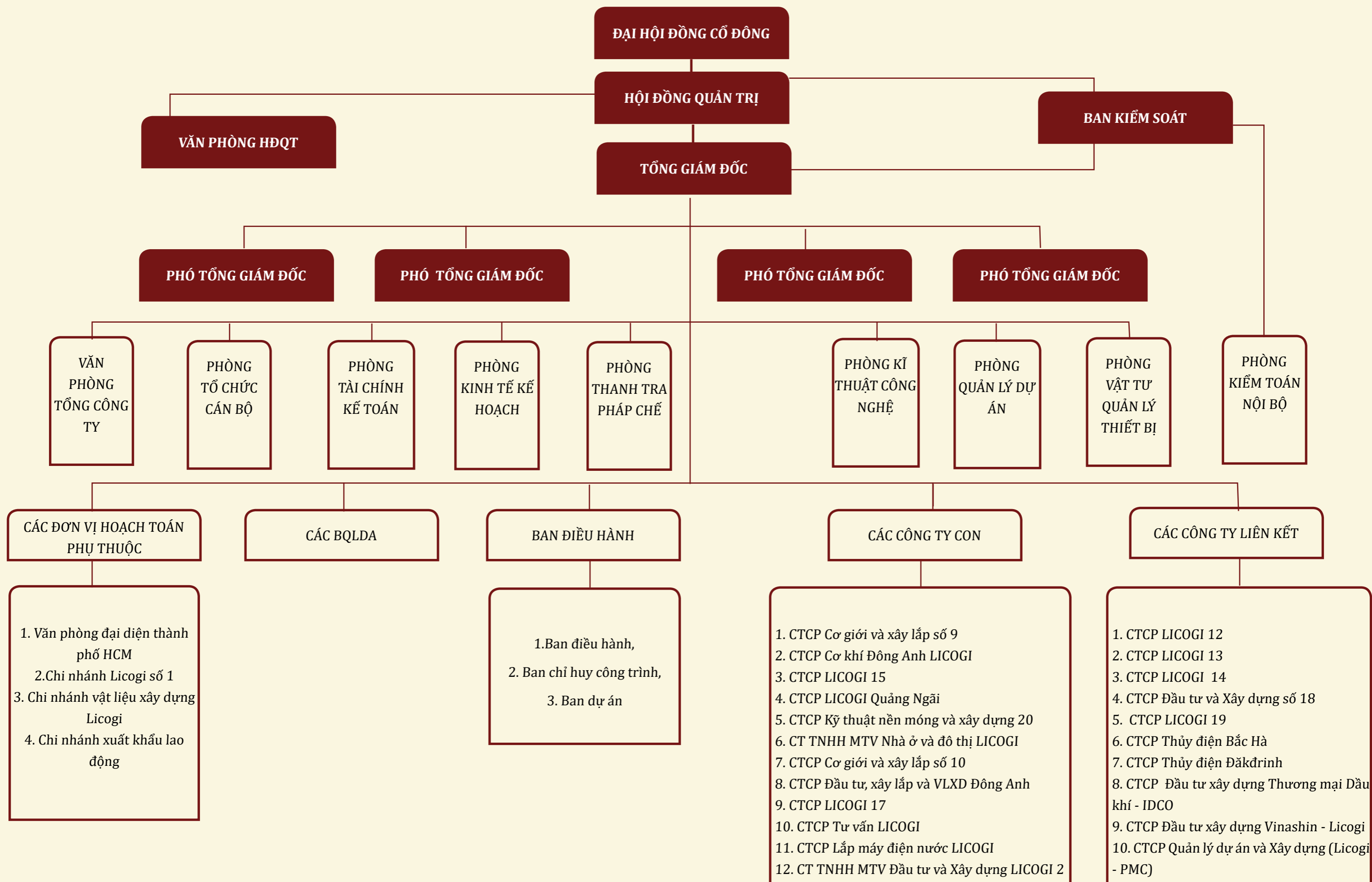
TRONG NƯỚC:

Các tỉnh, thành phố trong cả nước. Chủ yếu tập trung ở các địa bàn:

- » Thành phố Hà Nội,
- » Thành phố Hồ Chí Minh,
- » Phú Thọ,
- » Lai Châu
- » Hải Dương
- » Thái Bình
- » Quảng Ninh
- » Thanh Hóa
- » Quảng Nam
- » Đà Nẵng
- » Quảng Ngãi
- » Nha Trang
- » Kiên Giang

NGOÀI NƯỚC:

Xuất nhập khẩu máy, thiết bị, sản phẩm cơ khí; Xuất khẩu lao động và chuyên gia



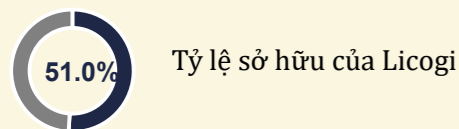
CÁC CÔNG TY CON

Cho đến ngày 31/12/2018, Tổng Công Ty LICOGI đã có 12 công ty con

Công ty cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9

- Địa chỉ: Số 2, đường 1, KCN Biên Hòa 1, phường An Bình, TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
- Hoạt động SXKD: Xây lắp.

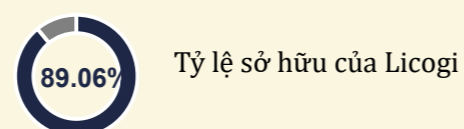
Vốn điều lệ đăng ký, thực góp:
50,266,000,000 VND



Công ty cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi

- Địa chỉ: Tổ 8, Thị trấn Đông Anh, Hà Nội.
- Hoạt động SXKD: Sản xuất cơ khí, luyện kim, đầu tư khu công nghiệp.

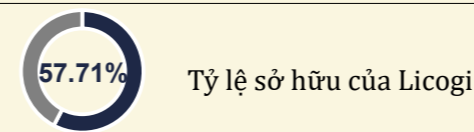
Vốn điều lệ đăng ký, thực góp:
310,000,000,000 VND



Công ty cổ phần Cơ giới và xây lắp số 10

- Địa chỉ: 382 Núi Thành, Hòa Cường Bắc, Hải Châu, Đà Nẵng.
- Hoạt động SXKD: Xây lắp.

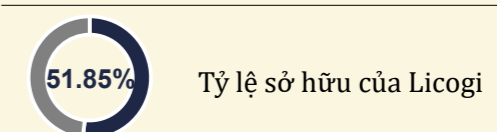
Vốn điều lệ đăng ký, thực góp:
11,700,000,000 VND



CTCP Đầu tư, xây lắp và VLXD Đông Anh

- Địa chỉ: Tổ 8, Thị trấn Đông Anh, Hà Nội.
- Hoạt động SXKD: Sản xuất vật liệu xây dựng

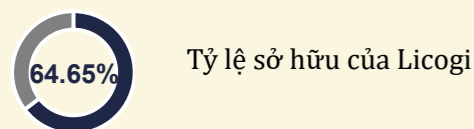
Vốn điều lệ đăng ký, thực góp:
29,500,000,000 VND



Công ty cổ phần Licogi 15

- Địa chỉ: Số 44, Trần Phú, Phường Ba Đình, Thị xã Bím Sơn, Thanh Hóa.
- Hoạt động SXKD: Xây lắp.

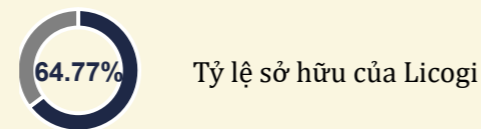
Vốn điều lệ đăng ký, thực góp:
10,200,000,000 VND



Công ty cổ phần Licogi Quảng Ngãi

- Địa chỉ: Số 35, Hai Bà Trưng, Thành phố Quảng Ngãi.
- Hoạt động SXKD: Xây lắp và sản xuất VLXD.

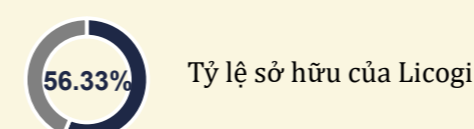
Vốn điều lệ đăng ký, thực góp:
18,935,400,000 VND



Công ty cổ phần Licogi 17

- Địa chỉ: Số 20, phố Nguyễn Thái Học II, Phường Sao Đỏ, Thành phố Chí Linh, Hải Dương.
- Hoạt động SXKD: Xây lắp.

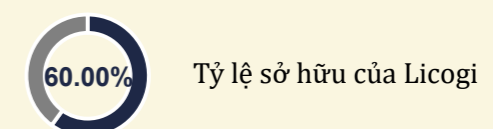
Vốn điều lệ đăng ký, thực góp:
10,000,000,000 VND



Công ty cổ phần Tư vấn Licogi

- Địa chỉ: Nhà G1, số 491, đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.
- Hoạt động SXKD: Tư vấn xây dựng.

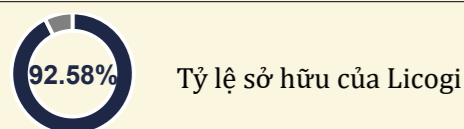
Vốn điều lệ đăng ký, thực góp:
4,800,000,000 VND



CTCP Kỹ thuật nền móng và xây dựng 20

- Địa chỉ: Số 61E, La Thành, phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Hà Nội.
- Hoạt động SXKD: Xử lý nền móng, Xây lắp.

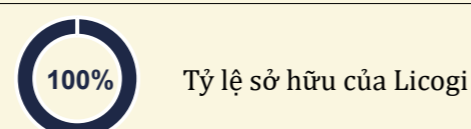
Vốn điều lệ đăng ký, thực góp:
24,380,000,000 VND



Công ty TNHH MTV Nhà ở và đô thị LICOGI

- Địa chỉ: Nhà G1, số 491 Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.
- Hoạt động SXKD: Đầu tư, kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất; Xây lắp.

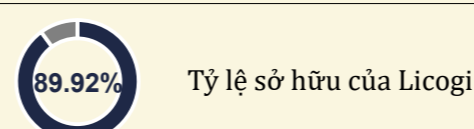
Vốn điều lệ đăng ký, thực góp:
900,000,000,000 VND



Công ty cổ phần Lắp máy điện nước Licogi

- Địa chỉ: Nhà G1, 491 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội.
- Hoạt động SXKD: Xây lắp, gia công cơ khí

Vốn điều lệ đăng ký, thực góp:
11,430,000,000 VND

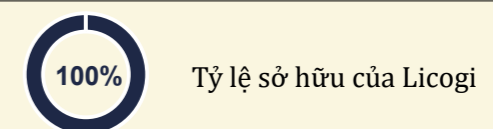


CT TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi 2

- Địa chỉ: Khu đô thị mới cột 5-cột 8, phường Hồng Hải, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.
- Hoạt động SXKD: Đầu tư, kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất; Xây lắp.

Vốn điều lệ đăng ký: **90,000,000,000 VND**

Vốn điều lệ đã góp: **60,567,849,511 VND**



CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT

Cho đến ngày 31/12/2018, Tổng Công Ty đã có 10 công ty liên kết

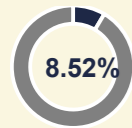
Công ty Cổ phần LICOGI 12

• Địa chỉ: Số 21, phố Đại Từ, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, TP Hà Nội.

• Hoạt động SXKD: Xây lắp, sản xuất VLXD

Vốn điều lệ đăng ký, thực góp:

70,000,000,000 VND



8.52% Tỷ lệ sở hữu của Licogi

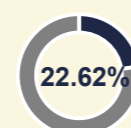
Công ty cổ phần LICOGI 19

• Địa chỉ: Đường Lê Văn Lương, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội.

• Hoạt động SXKD: Xây lắp.

Vốn điều lệ đăng ký, thực góp:

8,400,000,000 VND



22.62% Tỷ lệ sở hữu của Licogi

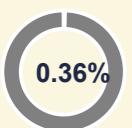
Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng Thương mại Dầu khí - IDCO

• Địa chỉ: Số 67, đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bến Thành, Quận 1, TP Hồ Chí Minh.

• Hoạt động SXKD: Đầu tư khu đô thị, khu công nghiệp.

Vốn điều lệ đăng ký, thực góp:

827,222,000,000 VND



0.36% Tỷ lệ sở hữu của Licogi

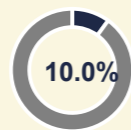
Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng Vinashin - Licogi

• Địa chỉ: P 1502, Nhà 17 tầng, HACINCO, số 99 Ngụy Như Con Tum, P. Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, TP Hà Nội.

• Hoạt động SXKD: Xây lắp.

Vốn điều lệ đăng ký, thực góp:

10,000,000,000 VND



10.0% Tỷ lệ sở hữu của Licogi

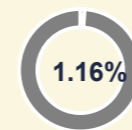
Công ty cổ phần Thủy điện Đăkdrinh

• Địa chỉ: Xã Sơn Tân, huyện Sơn Tây, tỉnh Quảng Ngãi.

• Hoạt động SXKD: Đầu tư, sản xuất và kinh doanh điện.

Vốn điều lệ đăng ký, thực góp:

1,184,216,000,000 VND



1.16% Tỷ lệ sở hữu của Licogi

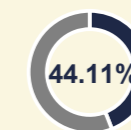
Công ty cổ phần Thủy điện Bắc Hà

• Địa chỉ: Xã Cốc Ly, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai.

• Hoạt động SXKD: Đầu tư, sản xuất và kinh doanh điện.

Vốn điều lệ đăng ký, thực góp:

660,000,000,000 VND



44.11% Tỷ lệ sở hữu của Licogi

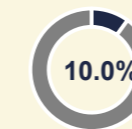
Công ty cổ phần Quản lý dự án và Xây dựng (Licogi - PMC)

• Địa chỉ: Tầng 1, Chung cư ngõ 130, phố Đốc Ngữ, quận Ba Đình, TP Hà Nội.

• Hoạt động SXKD: Xây lắp và quản lý dự án.

Vốn điều lệ đăng ký, thực góp:

3,000,000,000 VND



10.0% Tỷ lệ sở hữu của Licogi

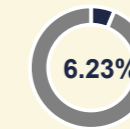
Công ty Cổ phần LICOGI 13

• Địa chỉ: Tòa nhà Licogi 13, đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội.

• Hoạt động SXKD: KD bất động sản, quyền sử dụng đất; Đầu tư, sản xuất, KD điện; Xây lắp, sản xuất VLXD.

Vốn điều lệ đăng ký, thực góp:

435,980,320,000 VND



6.23% Tỷ lệ sở hữu của Licogi

Công ty cổ phần LICOGI 14

• Địa chỉ: Số 2068 đường Hùng Vương, phường Nông Trang, TP Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

• Hoạt động SXKD: Đầu tư, kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất; Xây lắp.

Vốn điều lệ đăng ký, thực góp:

149,991,800,000 VND



26.42% Tỷ lệ sở hữu của Licogi

Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18

• Địa chỉ: Nhà H2A, đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội.

• Hoạt động SXKD: Xây lắp; Đầu tư, kinh doanh nhà ở và đô thị.

Vốn điều lệ đăng ký, thực góp:

81,000,000,000 VND



18.75% Tỷ lệ sở hữu của Licogi

GIỚI THIỆU BAN LÃNH ĐẠO

HỘI ĐỒNG QUẢN TRI

01

Ông DƯƠNG XUÂN QUANG

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư đô thị,
Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết:
Cá nhân: 0 cổ phần

Chức vụ tại các tổ chức khác:

- Chủ tịch HĐQT Công ty CP LICOGI 12.

03

Ông HOÀNG QUỐC QUÂN

Thành viên Hội đồng quản trị

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế - Thạc sỹ kinh tế MBA

Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết: Cá nhân: 0 cổ phần

Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác: Không

05

Ông PHAN THANH HẢI

Phó chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Công nghệ chế tạo máy

Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết: Cá nhân: 0 cổ phần

Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác:

- Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu tư, Xây lắp và VLXD Đông Anh;

02

Ông ƯNG TIẾN ĐỖ

Thành viên Hội đồng quản trị

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng

Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết: Cá nhân:
68,279 cổ phần

Chức vụ tại các tổ chức khác: Không

(Từ ngày 1/11/2018 Ông Ưng Tiến Đỗ nghỉ hưu theo chế độ)

04

Ông NGUYỄN THANH HỢP

Thành viên Hội đồng quản trị

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng.

Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết: Cá nhân: 0 cổ phần

Chức vụ tại các tổ chức khác:

- Thành viên Hội đồng Thành viên Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị LICOGI

- Chủ tịch HĐQT Công ty CP CG và Xây lắp số 9;

- Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng LICOGI 2;

- Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Cơ khí Đông Anh LICOGI;

- Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Thủy điện Bắc Hà.

02

Bà NGUYỄN THỊ KHÁNH PHƯƠNG

Thành viên Ban kiểm soát

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết: Cá nhân:
200 cổ phần

Chức vụ tại các tổ chức khác: Không

02

Ông PHAN ĐỨC HÙNG

Phó Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng

Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết: Cá nhân:
16,796 cổ phần

Chức vụ tại các tổ chức khác:

- Thành viên HĐQT Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị LICOGI

03

Bà PHAN LAN ANH

Phó Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Nga, Cử nhân Tài chính Kế toán, Thạc sỹ Kinh tế

Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết: Cá nhân:
19,594 cổ phần

Chức vụ tại các tổ chức khác:

- Chủ tịch HĐQT Công ty CP LICOGI Quảng Ngãi;
- Chủ tịch HĐQT Công ty CP Tư vấn LICOGI;
- Thành viên HĐQT Công ty CP LICOGI 14;
- Thành viên HĐQT Công ty CP Cơ khí Đông Anh LICOGI.

01

Bà LÊ THANH HUYỀN

Trưởng Ban kiểm soát

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ tài chính ngân hàng

Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết:
Cá nhân: 0 cổ phần

Chức vụ tại các tổ chức khác:

- Kiểm soát viên Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị LICOGI

01

Ông PHAN THANH HẢI

Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Đã giới thiệu ở phần Thành viên Hội đồng quản trị

04

Ông LÊ KHẮC DUY

Phó Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Thủy lợi, Thạc sỹ Kỹ thuật

Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết: Cá nhân: 6,500 cổ phần

Chức vụ tại các tổ chức khác:

- Chủ tịch HĐQT Công ty CP Lắp máy điện LICOGI
- Ủy viên HĐQT Công ty CP Kỹ thuật nền móng và xây dựng 20

GIỚI THIỆU BAN LÃNH ĐẠO

05

BAN
ĐIỀU
HÀNH

Ông NGUYỄN DANH QUÂN

Phó Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế
Xây Dựng, Thạc sỹ Kinh tế

Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết:
Cá nhân: 469,664 cổ phần

Chức vụ tại các tổ chức khác:

- Thành viên HĐQT Công ty CP Thủy điện Bắc Hà
- Thành viên HĐQT Công ty CP Cơ khí Đông Anh LICOGI
- Chủ tịch HĐQT Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 10.
- Chủ tịch HĐQT Công ty CP Kỹ thuật nền móng và Xây dựng 20 (LICOGI 20)

06

Ông NGUYỄN ANH DŨNG

Kế toán trưởng

Trình độ chuyên môn: Kế toán doanh nghiệp, Thạc sỹ
kinh tế

Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết: Cá nhân: 5,400
cổ phần

Chức vụ tại các tổ chức khác:

- Trưởng BKS Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 9
- Trưởng BKS Công ty CP LICOGI 15
- Trưởng BKS Công ty CP Cơ khí Đông Anh LICOGI
- Trưởng BKS Công ty CP Kỹ thuật nền móng và xây dựng 20 (LICOGI 20)
- Thành viên BKS của Công ty CP Thủy điện Bắc Hà
- Thành viên HĐQT Công ty CP Đầu tư và Xây dựng số 18
- Thành viên HĐQT Công ty CP Licogi 19

TRIỂN VỌNG PHÁT TRIỂN NGÀNH

Theo Quyết định số 445/QĐ-TTg ngày 07/04/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh định hướng Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050, từ năm 2015 đến 2025 ưu tiên phát triển các vùng đô thị hóa cơ bản, giảm thiểu sự phát triển phân tán, cục bộ; giai đoạn từ năm 2026 đến năm 2050 chuyển dần sang phát triển theo mạng lưới đô thị.

Mặt khác, theo Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 của Chính phủ, tỷ lệ nhà ở kiên cố toàn quốc đạt khoảng 62%, trong đó, tại đô thị đạt 65%, tại nông thôn đạt 60%; giảm tỷ lệ nhà ở đơn sơ xuống dưới 5%; nâng tỷ lệ hộ gia đình có công trình _ phụ hợp vệ sinh lên 70% (gồm 95% tại đô thị và 50% tại nông thôn); tỷ lệ nhà ở chung cư trong 3 các dự án phát triển nhà ở tại đô thị loại đặc biệt (Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh) đạt trên 80%, đô thị từ loại I đến loại II đạt trên 50%, đô thị loại III đạt trên 30% tổng số đơn vị nhà ở xây dựng mới; tỷ lệ nhà ở cho thuê đạt tối thiểu khoảng 20% tổng quỹ nhà ở tại các đô thị loại III trở lên.

Đây là những tiền đề thuận lợi giúp các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng dân

dụng nói chung và kinh doanh bất động sản nói riêng bứt tốc để phát triển nhanh và bền vững. Tuy nhiên, theo Báo cáo ngành Xây dựng của CTCP chứng khoán FPT phát hành 2018, tăng trưởng xây dựng sẽ tiếp tục giảm tốc, chủ yếu do xây dựng nhà ở, nhà không để ở và cơ sở hạ tầng đều kém khả quan so với 2018, duy nhất xây dựng công nghiệp sẽ tăng tốc (tuy nhiên, lĩnh vực này chiếm tỷ trọng nhỏ nhất trong xây dựng, chỉ ở 12% trong 2016). Theo dự phóng của BMI, ngành xây dựng sẽ tăng trưởng 7.23% trong năm 2019.

FPTS cho rằng, những động thái hạn chế bong bóng bất động sản đã làm giảm đà tăng trưởng lĩnh vực kinh doanh bất động sản trong năm 2018 và dự tính sẽ tiếp tục trong năm 2019. Do đó, giá lĩnh vực xây nhà ở và nhà không để ở sẽ tăng trưởng chậm lại trong năm tới. Tuy nhiên, với việc Việt Nam đang trở thành điểm đến đầu tư hấp dẫn hơn trong năm 2019, FPTS đánh giá tăng trưởng xây dựng công nghiệp có thể tăng tốc trong năm 2019, và cũng là lĩnh vực xây dựng duy nhất có triển vọng khả quan trong năm tới.

Do vậy, Tổng Công ty sẽ luôn trong tư thế sẵn sàng, chủ động để nắm lấy những cơ hội trong tương lai.

OUR PIONEER
LEADER



VỊ THẾ

Licogi có thể mạnh truyền thống trong lĩnh vực thi công cơ giới, xử lý nền móng, xây dựng các công trình ngầm quy mô lớn, garage của các tòa nhà cao ốc,... với lực lượng thiết bị hiện đại được nhập khẩu từ nhiều nước tiên tiến trên thế giới như: Mỹ, Nhật Bản, Đức, Hàn Quốc... Trải qua 60 năm xây dựng và phát triển, hiện nay, Licogi sở hữu đội ngũ nhân sự có kinh nghiệm, trong đó, có nhiều cán bộ có trình độ đại học, trên đại học và công nhân kỹ thuật lành nghề được đào tạo chính quy trong và ngoài nước, với bề dày kinh nghiệm trong quản lý, tổ chức thi công đặc biệt là các công trình đòi hỏi ứng dụng công nghệ thi công hiện đại theo tiêu chuẩn quốc tế. Từ hiệu quả thi công công trình lớn, trọng điểm trên khắp mọi miền của Tổ quốc, thương hiệu Licogi đã được các chủ đầu tư trong và ngoài nước đánh giá cao. Tên tuổi của Licogi gắn với nhiều công trình, dự án quan trọng của quốc gia như: Các công trình thủy điện: Hòa Bình, Sơn La, Bản Chát, Lai Châu, Hàm Thuận – Đa Mi, Đăk my, A Vương, Đăkđrinh; nhiệt điện Uông Bí, nhiệt điện Phả Lại 1 và 2, nhiệt điện Mông Dương, Apatit Lào Cai; nền móng Trung tâm hội nghị quốc gia, Nhà quốc hội, Tổng lãnh sự quán

Mỹ tại TP Hồ Chí Minh, cao ốc Petro Landmark; hạ tầng giao thông cảng hàng không quốc tế Nội Bài, đê chắn sóng Dung Quất, kênh thủy lợi Phước Hòa – Bình Phước dài nhất Đông Nam Á, âu tàu nhà máy công nghiệp tàu thủy Dung Quất...

Trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp và vật liệu xây dựng, Licogi cũng nắm giữ vị trí dẫn đầu thị trường. Đối với sản phẩm thép hợp kim, bi đạn, Tổng công ty là nhà cung cấp số 1, với 80% thị phần bi đúc cho ngành xi măng và 40-50% thị phần của sản phẩm hợp kim đúc. Sản phẩm nhôm định hình chiếm khoảng 8% thị phần do chỉ hướng và phân khúc thị trường cao cấp. Đối với sản phẩm tấm lợp fibro xi măng, thị phần của Licogi chủ yếu ở khu vực phía Bắc, với 30% thị phần, tương đương 20% thị phần toàn quốc. Các công trình tiêu biểu sử dụng sản phẩm của Tổng công ty như: nhà máy Kyocera (Hải Phòng), tổng kho dự trữ quốc gia (Đông Anh), nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1 (Hà Tĩnh)... Riêng sản phẩm giàn không gian khớp cầu, Licogi là nhà cung cấp đứng đầu thị trường đối với các công trình có mái đòi hỏi khẩu độ lớn như nhà thi đấu, trung tâm triển lãm, kho chứa (chiếm khoảng 80% thị phần).

Điểm mạnh:

Chất lượng công trình, sản phẩm được Tổng công ty đặt lên hàng đầu, tạo được niềm tin nơi khách hàng. Đây cũng là một trong những yếu tố thuận lợi giúp Tổng công ty thu hút thêm lượng khách hàng tiềm năng.

Đội ngũ cán bộ năng động, có trình độ chuyên môn, nhiệt huyết cao, tập thể đoàn kết, nhất trí phát huy sức mạnh tập thể.

Cơ hội:

Nhu cầu đầu tư phát triển nhà ở, các khu đô thị mới và các công trình cơ sở hạ tầng, năng lượng ngày càng cao sẽ tạo ra nhiều cơ hội kinh doanh cho Tổng công ty trong tương lai.

Thách thức:

Mức độ cạnh tranh ngày càng gay gắt, trên thị trường hiện tại.

Giá cả nguyên vật liệu biến động làm giảm tính chủ động và ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

ĐỊNH HƯỚNG CHUNG

Chiến lược phát triển của LICOGI trong những năm tới được xác định dựa trên ba trụ cột chính là (i) Xây lắp, (ii) Sản xuất công nghiệp - vật liệu xây dựng và (iii) Đầu tư khu đô thị, nhà ở, khu công nghiệp, trong đó, nguồn nhân lực là khâu then chốt, quản lý bộ máy là khâu trọng yếu và phát huy văn hóa doanh nghiệp là nhiệm vụ thường xuyên.

Việc kiện toàn, sắp xếp lại nhân sự, bộ máy quản lý, điều hành được thực hiện từ Công ty mẹ đến các công ty con, cụ thể:

01

Công ty mẹ sẽ thực hiện chức năng chủ yếu là đầu tư đồng bộ, có chiều sâu hệ thống máy móc, thiết bị thi công hiện đại, đào tạo, xây dựng phát triển nguồn nhân sự để đủ năng lực đấu thầu, ký kết các hợp đồng thi công xây lắp, quản lý và triển khai các gói thầu/dự án quy mô lớn, làm cơ sở giao lại cho các công ty con, Công ty liên kết.

02

Tiếp tục triển khai Đề án tái cấu trúc toàn diện Tổng Công ty, nâng cao hiệu quả hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con, tăng cường hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý, điều hành, kiểm tra giám sát, quản trị rủi ro thông qua việc hoàn thiện hệ thống quy trình, quy chế quản trị nội bộ, phân tách rõ nhiệm vụ các đơn vị tại trụ sở chính của Công ty mẹ phù hợp thông lệ quốc tế theo ba khối chức năng: trực tiếp kinh doanh - hỗ trợ kinh doanh - trực tiếp thi công xây lắp, vận hành.

03

Củng cố và tăng cường mối liên kết chặt chẽ, hiện diện giữa Công ty mẹ và các công ty Con trên các mặt: nhân sự, quản lý, điều hành, quan hệ kinh tế và phân chia lợi ích. Thực hiện cử nhân sự có trình độ, kinh nghiệm làm đại diện phần vốn góp của LICOGI tại các công ty con, công ty liên kết. Tiếp tục rà soát, hoàn thiện quy chế quản lý vốn đầu tư của Tổng Công ty vào doanh nghiệp khác, trong đó, quy định rõ trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện phần vốn góp, nhằm đảm bảo hiệu lực, hiệu quả của việc giám sát các khoản đầu tư ra bên ngoài



ĐỊNH HƯỚNG CHI TIẾT

Định hướng phát triển công nghệ

Tiếp tục tăng cường, làm giàu kinh nghiệm và công nghệ thi công cọc khoan nhồi, tường vây thông qua việc ứng dụng công nghệ hiện đại và không ngừng cải tiến, đổi mới, trong đó, chú trọng ứng dụng máy khoan cọc nhồi theo công nghệ tuần hoàn cho các cọc khoan nhồi có đường kính và độ sâu lớn, thành hố khoan đòi hỏi khắt khe về độ thẳng đứng; khoan xoay AUGER, ACCELERATOR áp dụng cho nền địa chất cứng như: sét kết, đá.

Đẩy mạnh áp dụng công nghệ thi công công trình ngầm, tiến tới làm chủ công nghệ xây dựng các công trình ngầm quy mô lớn như: tàu điện ngầm, đường giao thông ngầm... Tăng cường áp dụng công nghệ thiết kế, thi công sàn bóng, móng Top-base.

Nghiên cứu phát sản xuất tấm lợp theo công nghệ mới không sử dụng Amiăng; nâng cao chất lượng các sản phẩm đúc kim loại, nhôm thanh định hình, giàn không gian cho phù hợp yêu cầu về bảo vệ môi trường và hiệu quả kinh doanh.



Chiến lược quản lý và điều hành sản xuất

Tăng cường đào tạo, nâng cao năng lực quản lý, điều hành cho các cấp quản lý, trình độ tay nghề cho công nhân kỹ thuật để chủ động chuyển đổi, thích ứng với thị trường, đi đôi với việc đổi mới trong công tác tuyển dụng, bổ nhiệm.

Tập trung tìm kiếm các nguồn việc có nguồn thanh toán chắc chắn, rõ ràng; không ký các hợp đồng thi công công trình, dự án có giá thấp, khả năng thanh toán kém. Ưu tiên chú trọng đấu thầu các công trình, dự án xử lý nền móng, hạ tầng thuộc phân khúc thế mạnh, lợi thế cạnh tranh cốt lõi của LICOGI so với các doanh nghiệp cùng ngành.

Nâng cao hiệu quả quản lý tài chính, đặc biệt trong việc huy động, giám sát và sử dụng vốn, cũng như đẩy mạnh công tác thu hồi công nợ. Thực hiện tái cấu trúc toàn diện danh mục, cơ cấu nợ vay theo nguyên tắc giảm sự lệ thuộc vào các nguồn vốn giá cao, giảm mất cân đối giữa vay nợ và đầu tư từ nguồn vốn ngắn hạn.

Tăng cường công tác quản lý giá thành, định mức kinh tế kỹ thuật. Nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản lý ở tất cả các khâu, từ đấu thầu, quản lý hợp đồng, thi công, nghiệm thu, thanh - quyết toán. Hoàn thiện công tác giao khoán thầu thi công xây lắp đến từng đội sản xuất, chủ công trình, chi nhánh theo hướng quản lý tập trung, đảm bảo phân bổ và tính đủ chi phí của từng công trình nhằm khai thác, sử dụng và tiết kiệm có hiệu quả các nguồn lực để nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Coi trọng công tác quản lý chất lượng, đảm bảo an toàn lao động. Khuyến khích đổi mới, sáng tạo, cải tiến kỹ thuật nhằm làm giảm chi phí, nâng cao hiệu quả, hiệu suất hoạt động.

Chiến lược sản xuất xây lắp

Tập trung phát huy ngành nghề mũi nhọn về hạ tầng kỹ thuật và xử lý nền móng đòi hỏi kỹ thuật cao. Ngoài việc tiếp tục tham gia thi công hạ tầng kỹ thuật các khu công nghiệp, khu đô thị, xử lý nền móng các công trình ngầm, công trình cao tầng, nhà máy điện, xi măng..., ưu tiên bố trí nguồn lực đi sâu nghiên cứu và tham gia thi công các công trình giao thông ngầm trong nội thị, đặc biệt là các đường hầm giao thông, tuyến đường sắt đô thị, metro.

Nghiên cứu và tăng cường các hoạt động liên doanh, liên kết với cổ đông chiến lược và các doanh nghiệp FDI là tổng thầu lớn như: HYUNDAI, OBAYASHI, HAZAMA, SHIMIZU, SUMITOMO... Chiến lược sản xuất công nghiệp và vật liệu xây dựng

Chiến lược sản xuất công nghiệp và vật liệu xây dựng

Tiếp tục củng cố, đổi mới và phát triển các mặt hàng truyền thống, thế mạnh như: sản xuất vật liệu xây dựng (tấm lợp các loại, nhôm thanh định hình...), sản xuất sản phẩm cơ khí (bi đạn cho ngành xi măng, đúc thép, dàn khung không gian, gia công lắp dựng kết cấu phi tiêu chuẩn...) với mục tiêu nâng cao chất lượng và duy trì vị thế, thị phần đã xác lập. Định hướng đến 2020 duy trì năng lực sản xuất và tiêu thụ trên 10.000 tấn sản phẩm cơ khí đúc thép, 5.000 tấn nhôm thanh định hình, tiến tới đảm nhận trọn gói các dự án sử dụng vật liệu nhôm.

Nghiên cứu chuyển dịch cơ cấu sản phẩm theo hướng thân thiện với môi trường, trong đó, chú trọng phát triển các sản phẩm tấm phẳng (tấm lợp không sử dụng amiăng thay thế), gạch không nung, bê tông đúc sẵn.

Chiến lược đầu tư và xây dựng

Đầu tư các dự án đô thị và khu công nghiệp: đẩy mạnh triển khai các dự án: Khu đô thị mới Thịnh Liệt, Nam ga Hạ Long, Trụ sở Tổng Công ty tại lô E7 Phạm Hùng; G1 Thanh Xuân Nam.

Nghiên cứu đầu tư nâng cao năng lực máy móc, thiết bị phục vụ thi công các công trình ngầm.



CÁC RỦI RO:

Rủi ro kinh tế

Hoạt động chính trong lĩnh vực đầu tư và xây dựng, những biến động của nền kinh tế và sự thay đổi của các chính sách kinh tế vĩ mô của Nhà nước có tác động không nhỏ tới hoạt động của Tổng công ty. Kinh tế càng phát triển, tốc độ tăng trưởng ổn định kéo theo nhu cầu xây dựng hạ tầng, nhà ở và trang bị cơ sở vật chất kỹ thuật, qua đó đẩy mạnh nhu cầu về sản phẩm xây dựng, đem lại cơ hội phát triển và thị phần tiêu thụ cho Tổng công ty. Ngược lại, khi nền kinh tế gặp khó khăn, tốc độ tăng trưởng giảm sút cũng sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến các kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng, sẽ tác động ngược lại đến sự phát triển của ngành Xây dựng nói chung trong đó có Tổng công ty

Năm 2018, kinh tế thế giới tiếp tục đà phục hồi và phát triển. Hoạt động đầu tư, thương mại toàn cầu có xu hướng cải thiện, tổng sản phẩm trong nước (GDP) cả năm 2018 tăng 7.08%, là mức tăng cao nhất kể từ năm 2008 cho đến nay, cho thấy kinh tế Việt Nam đang có dấu hiệu tăng trưởng tốt, các chính sách kinh tế vĩ mô đang đi đúng hướng

Rủi ro pháp luật:

Là doanh nghiệp hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần, hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty chịu sự điều chỉnh của các văn bản pháp luật về Luật doanh nghiệp, các văn bản pháp luật về thị trường chứng khoán. Những năm gần đây hệ thống pháp luật đã được quan tâm bổ sung, sửa đổi song vẫn còn nhiều bất cập. Điều này đòi hỏi doanh nghiệp phải thường xuyên cập nhật, nắm bắt các thay đổi để thực hiện cho chính xác. Tuy nhiên, thủ tục hành chính vẫn còn gây nhiều khó khăn cho doanh nghiệp khi có quá nhiều thủ tục, nhiều khâu.



Rủi ro hoạt động:

Về thị trường, đối thủ cạnh tranh:

Thị trường xây dựng phụ thuộc nhiều vào kế hoạch đầu tư, khối lượng và tiến độ thi công các công trình, trong khi đó số lượng doanh nghiệp tham gia hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực này ngày càng nhiều dẫn đến sự cạnh tranh gay gắt trong quá trình cung cấp sản phẩm, dịch vụ. Cạnh tranh không thể tránh khỏi áp lực phải hạ giá thầu, doanh số và lợi nhuận, mặt khác lại đòi hỏi các doanh nghiệp xây dựng phải có giải pháp hợp lý để tiếp cận thị trường, duy trì và gia tăng thị phần tiêu thụ nhưng đồng thời vẫn phải đảm bảo được chất lượng và tiến độ bàn giao thành phẩm.

Về lao động:

Với đặc thù ngành thường xuyên di chuyển theo các dự án tại các tỉnh thành nên ngoài các nhân sự ổn định sẽ có một lượng lớn lao động tạm thời, khó quản lý hơn. Tổng Công ty cũng thuộc ngành đòi hỏi nguồn lao động lớn, nếu không đáp ứng đủ, kịp thời, nhất là trong mùa cao điểm sẽ gây xáo trộn hoạt động của Doanh nghiệp.

Về an toàn lao động:

Trong các hoạt động thi công xây lắp, LICOGI luôn coi an toàn lao động là vấn đề quan trọng hàng đầu. Tuy nhiên, với đặc thù của ngành xây lắp là phải lao động trong nhiều điều kiện khó khăn (làm việc trên cao, tại khu vực địa hình hiểm trở,...) và đặc thù vận chuyển khối lượng nguyên vật liệu lớn, nguy cơ xảy ra mất an toàn rất có thể xảy ra.

Rủi ro tài chính:

Rủi ro tín dụng: Để thực hiện kinh doanh, doanh nghiệp có thể huy động vốn từ nhiều nguồn khác nhau, trong đó một lượng vốn lớn được tài trợ từ vốn vay ngân hàng. Đồng thời, thị trường bất động sản có đặc thù chu kỳ phát triển dự án kéo dài 2-3 năm thậm chí 3-5 năm. Vì vậy, bất kỳ sự thay đổi nào của Ngân hàng Nhà nước và các ngân hàng thương mại về chính sách tiền tệ, lãi suất sẽ ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Trong năm 2018, mặt bằng lãi suất huy động và cho vay giữ ổn định. Điều này tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty khi tiếp cận nguồn vốn vay ngân hàng với một chi phí hợp lý.

Rủi ro tỷ giá: Trong năm 2018, tỷ giá trung tâm được giữ ổn định và dự báo sẽ duy trì sang năm 2019. Điều này sẽ tạo thuận lợi cho Công ty trong hoạt động giao thương với các đối tác nước ngoài.

Rủi ro khác:

HĐKD của Tổng công ty bị ảnh hưởng bởi những rủi ro khác như: Rủi ro thiên tai (hạn hán, bão lũ), biến động giá cả, sự ảnh hưởng những biến động chính trị, xã hội trên thế giới, chiến tranh, bệnh dịch,... làm giảm lợi nhuận của Tổng Công ty hoặc làm cho các khách hàng truyền thống có thể bị giảm sút và các thị trường tiềm năng có thể mất ổn định. Những rủi ro này dù ít hay nhiều cũng sẽ có những tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến HĐKD của Tổng Công ty.

Rủi ro đặc thù ngành:

Công tác nghiệm thu, quyết toán công trình

Đặc thù của ngành Xây dựng và nhất là trong hoạt động thi công công trình là việc thi công trong thời gian dài, việc nghiệm thu, quyết toán, bàn giao thường bị kéo dài (khoảng 2-3 tháng), trong khi nhiều chủ đầu tư chưa hoàn thiện đủ các thủ tục pháp lý, giải ngân chậm trễ, ảnh hưởng không ít đến tiến độ thanh quyết toán, dẫn tới không phản ánh đúng hiệu quả kinh doanh cũng như kết quả doanh thu, lợi nhuận của Tổng công ty giữa các quý và các năm tài chính.

Rủi ro môi trường:

Các hoạt động kinh doanh của Tổng công ty luôn tác động trực tiếp đến môi trường. Các dự án đang xây dựng có thể phát sinh ô nhiễm không khí, nguồn nước, ô nhiễm tiếng ồn cho môi trường xung quanh. Ngoài ra các dự án phức hợp quy mô lớn khi đã đi vào sử dụng có thể làm thay đổi môi trường sinh thái của các vùng lân cận. Điều này đòi hỏi mỗi một dự án đầu tư của Tổng công ty cần phải phân tích đánh giá kỹ lưỡng các tác động đến môi trường. Áp dụng các tiêu chuẩn tiên tiến, nguyên vật liệu ít gây ô nhiễm trong quá trình xây dựng.

02

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2018

Tổng quan kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018

Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án

Tổ chức và nhân sự

Tình hình tài chính



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

KẾT QUẢ SXKD TRONG NĂM 2018

Năm 2018 chứng kiến sự tăng trưởng thần kì của nền kinh tế Việt Nam so với 10 năm qua: tốc độ tăng trưởng GDP năm 2018 ước tính đạt 7.08%, cao hơn mức kế hoạch đề ra từ 6.5% đến 6.7% và cao hơn GDP cả năm 2017 là 6.81%; trong đó, ngành xây dựng tăng trưởng khá với tốc độ 9.16%, đóng góp 0.65 điểm phần trăm, điều này ảnh hưởng tích cực, tạo cơ hội tăng trưởng mạnh mẽ cho ngành xây dựng nói chung và hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty nói riêng.

Năm 2018, đối với Tổng công ty LICOGI- CTCP bên cạnh những tác động tích cực từ nền kinh tế, tuy nhiên Tổng công ty vẫn phải đối mặt với những khó khăn mà nó đem lại. Thị trường xây

dựng Việt Nam chứng kiến sự phân hóa mạnh và cạnh tranh gay gắt: sự tăng nhanh của số lượng doanh nghiệp lớn, rào cản gia nhập thấp. Theo tổng cục thống kê, năm 2018 có tới 16,7 nghìn doanh nghiệp trong lĩnh vực xây dựng (chiếm 12.7% tổng số doanh nghiệp cả nước), tăng 4.4% so với năm 2017.

Trong bối cảnh đó, Tổng Công ty vẫn kiên định với mục tiêu chiến lược của mình, nỗ lực đầu tư để không ngừng duy trì và mở rộng, vượt qua khó khăn thách thức để phát triển. Do vậy, năm 2018, một số chỉ tiêu sản xuất kinh doanh của Tổng công ty chưa đạt mức kế hoạch do ĐHCĐ đề ra, các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị	2016	2017	2018	CARG giai đoạn 2016-2018
Doanh thu thuần	Triệu đồng	2,891,004	2,606,452	2,600,189	-3.47%
Giá vốn hàng bán	Triệu đồng	2,675,670	2,361,509	2,325,127	-4.57%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	(418,024)	(43,648)	60,618	
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	(427,125)	(56,628)	46,527	



Kết quả thực hiện kế hoạch năm 2018

Nội dung	Đơn vị	Thực hiện năm 2017	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	TH2018/ TH2017	TH/KH 2018
Giá trị sản lượng	Triệu đồng	2,895,651	4,127,284	3,035,221	105%	74%
Doanh thu thuần	Triệu đồng	2,606,452	3,411,170	2,600,189	(0.24%)	76%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	(43,648)	96,462	60,618	238.88%	63%

- » Doanh thu thuần đạt 2,600 tỷ đồng, giảm 0.24% so với 2017 và đạt 76% kế hoạch đề ra.
- » Lợi nhuận trước thuế, đạt 61 tỷ đồng, tăng 239% so với năm 2017 và đạt 63% kế hoạch đề ra.

Kết quả kinh doanh năm 2018, nhìn chung lợi nhuận trước thuế và sau thuế của Tổng công ty đã cải thiện đáng kể, chuyển từ lỗ sang lãi, một số công ty con, công ty liên kết của Tổng công ty phát triển khá tốt trong giai đoạn này. Cụ thể, doanh thu từ hoạt động tài chính tăng 35.15% chủ yếu do nhận lợi nhuận được chia từ Công ty CP Cơ khí Đông Anh LICOGI, Công ty CP Đầu tư, Xây lắp và VLXD Đông Anh, Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 9, Công ty CP LICOGI 14, Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng LICOGI 2...

Tuy nhiên, doanh thu thuần của Tổng Công ty chưa thấy có sự tăng trưởng do năng lực tài chính của LICOGI trong báo cáo tài chính năm 2017 không đáp ứng được yêu cầu của Chủ đầu tư cũng như của nhà Thầu chính nên gặp khó khăn trong công tác tiếp thị đấu thầu.



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN DỰ ÁN

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ BẤT ĐỘNG SẢN

02 căn hộ tại số 81/6 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, tp. Hồ Chí Minh được mua chờ tăng giá để bán với Nguyên giá và hao mòn lũy kế lần lượt là 2,745,140,454 đồng và 81,837,700 đồng và Tổng công ty không tiếp tục trích khấu hao đối với tài sản này.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Đơn vị	31/12/2017	31/12/2018
Đầu tư tài chính ngắn hạn	Triệu đồng	20,330	20,818
Đầu tư tài chính dài hạn	Triệu đồng	619,070	675,729
Đầu tư vào công ty con	Triệu đồng	-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	Triệu đồng	578,453	632,973
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	Triệu đồng	59,261	63,011
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	Triệu đồng	(18,644)	(20,254)
Tổng cộng	Triệu đồng	639,400	696,547

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Dự án đầu tư xây dựng Trụ sở Tổng công ty tại ô đất 07-E7 Phạm Hùng

a. Quy mô:

- » Chức năng sử dụng đất: Cơ quan, văn phòng và dịch vụ thương mại;
- » Diện tích: khoảng 6,500 m²;
- » Diện tích xây dựng: khoảng 2,260 m²;
- » Mật độ xây dựng: 34.8%;
- » Tầng cao công trình: 30 tầng;
- » Tầng hầm: Dự kiến 04 tầng hầm.
- » Tổng diện tích sàn: khoảng 67,800 m²;
- » Hệ số sử dụng đất: khoảng 10.43 lần;

Dự án được UBND TP. Hà Nội phê duyệt Quy hoạch chi tiết Khu vực trụ sở các Tổng công ty

tại Khu ĐTM Cầu Giấy tỷ lệ 1/500 tại quyết định số 4377/QĐ-UBND ngày 1/9/2015. Tổng công ty đã đặt cọc tiền sử dụng đất từ năm 2008 (8.45 tỷ đồng), hiện tại Tổng công ty chưa được giao chủ đầu tư và giao đất chính thức.

b. Tình hình thực hiện năm 2018:

- » Lập bảng đo đạc địa hình hiện trạng khu đất tỷ lệ 1/500;
- » Xin cấp thông tin quy hoạch và chỉ giới đường đỏ, cấp số liệu hạ tầng kỹ thuật của lô đất;
- » Lựa chọn đơn vị tư vấn lập thiết kế tổng mặt bằng và phương án kiến trúc công trình; Đã tuyển chọn xong phương án thiết kế Tổng mặt bằng và phương án kiến trúc công trình; Hiện đang tiến hành hoàn

chỉnh phương án chọn để trình cấp có thẩm quyền chấp thuận.

- » Đã được Sở Quy hoạch Kiến trúc cho ý kiến hoàn chỉnh về phương án quy hoạch tổng mặt và phương án kiến trúc sơ bộ;
- » Đã lập hồ sơ đề xuất dự án trình Sở Kế hoạch Đầu tư xin chấp thuận chủ trương đầu tư trình UBND thành phố phê duyệt theo đúng các quy định của pháp luật của nhà nước về đầu tư, đất đai, kinh doanh bất động sản. Hiện nay, Tổng công ty đã hoàn thiện hồ sơ đề xuất theo ý kiến của Sở Kế hoạch và Đầu tư và được các Sở, Ngành chức năng thông qua.

c. Dự kiến kế hoạch năm 2019:

- » Được UBND Thành phố Hà Nội chấp thuận chủ trương đầu tư dự án;
- » Được Sở Quy hoạch Kiến trúc chấp thuận phương án kiến trúc và Tổng mặt bằng;
- » Hoàn thành việc lập và phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi, hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công và các hồ sơ pháp lý khác có liên quan để đảm bảo khởi công vào cuối năm 2019.

Dự án đầu tư xây dựng Tòa nhà hỗn hợp Văn phòng và Nhà ở CBCNV LICOGI

a. Quy mô:

- » Diện tích khu đất: 1,928m²
- » Số tầng: 23 tầng (gồm 03 tầng hầm; Khối thương mại dịch vụ 5 tầng); Khối văn phòng gồm có 8 tầng; 10 tầng nhà ở căn hộ.

b. Tình hình thực hiện năm 2018 và Dự kiến kế hoạch năm 2019

Đang nghiên cứu phương án đầu tư và tính khả thi của việc điều chỉnh cục bộ quy hoạch phân khu H2-3 làm cơ sở lập hồ sơ quy hoạch tổng mặt bằng và phương án kiến trúc trình Sở Quy hoạch Kiến trúc chấp thuận và tiến tới lập hồ sơ đề xuất dự án trình cấp có thẩm quyền phê duyệt chấp thuận chủ trương đầu tư.

Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị mới Thịnh Liệt

a. Chủ đầu tư: Công ty TNHH MTV Nhà ở và đô thị LICOGI.

b. Cơ cấu vốn:

- » Tổng vốn đầu tư: 5,936.450 tỷ đồng trong đó vốn góp của Công ty: 900 tỷ đồng tương ứng 15.16% tổng vốn đầu tư;
- » Vốn vay, vốn huy động hợp pháp khác: 5,036.45 tỷ đồng chiếm 84.84% tổng vốn đầu tư.

c. Thu xếp tài chính cho dự án:

- » Dự án được Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (Ngân hàng VP Bank) tài trợ vốn theo các Hợp đồng tín dụng. Hợp đồng tín dụng ký giữa Ngân hàng VP Bank và Tổng công ty LICOGI-CTCP đã hết thời hạn rút vốn ngày 19/9/2018. Công ty phải huy động nguồn vốn từ tổ chức khác nhằm đủ nguồn tài chính phục vụ việc chi trả tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng; tiền thanh toán cho các Nhà thầu và thanh toán chi phí thường xuyên, đảm bảo Công ty hoạt động liên tục.
- » Trong năm 2018, Công ty đã tiếp xúc và làm việc với các tổ chức tín dụng như Ngân hàng VP Bank, Ngân hàng MB Bank, Ngân hàng Techcombank... đề nghị tài trợ cho dự án tuy nhiên kết quả đạt được rất hạn chế, do Dự án chưa đáp ứng được đủ các điều kiện tín dụng của Ngân hàng. Đồng thời phương án huy động vốn ứng trước từ khách hàng có nhu cầu đối với sản phẩm của Dự án như nhà ở thấp tầng, nhà ở chung cư... chưa thực hiện được theo quy định của Luật kinh doanh bất động sản. Vì vậy, phương án phát hành trái phiếu đầu tư dự án được lựa chọn làm kênh huy động vốn.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN DỰ ÁN (Tiếp theo)

Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị mới Thịnh Liệt

d. Tình hình thực hiện năm 2018

Năm 2018, Công ty TNHH MTV Nhà ở & Đô thị LICOGI đã thực hiện dự án với tổng giá trị là 111,81 tỷ đồng, các công việc chủ yếu như sau:

- » Tiếp tục làm việc với Sở TNMT và UBND quận Hoàng Mai để hoàn thiện hồ sơ trình UBND Thành phố Hà Nội điều chỉnh Quyết định thu hồi đất và giao đất theo Quyết định chủ trương đầu tư Dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt số 6429/QĐ-UBND ngày 15/9/2017 của UBND Thành phố Hà Nội.
- » Tiếp tục hoàn thiện các thỏa thuận chuyên ngành đấu nối, cung cấp điều kiện hạ tầng kỹ thuật theo quy mô đầu tư xây dựng mới.
- » Tập trung chủ yếu vào công tác GPMB dự án để có thể hoàn thành giai đoạn 1 với phần diện tích khoảng 27.75 ha chủ yếu thuộc phường Thịnh Liệt và 01 hộ thuộc phường Hoàng Văn Thụ. Thi công phá dỡ công trình kiến trúc và tái lấn chiếm tại các phường Thịnh Liệt, Tương Mai..

Đối với quỹ nhà tái định cư phục vụ GPMB: Ngoài quỹ nhà tái định cư với diện tích từ 60m2 đến 70m2 thuộc Dự án Valencia Garden tại Khu đô thị Việt Hưng, quận Long Biên, Hà Nội được Sở Xây dựng phê duyệt; Theo yêu cầu của UBND quận Hoàng Mai, để thực hiện cưỡng chế thu hồi đất đối với 14 hộ dân, Công ty đã tìm kiếm và ký hợp đồng mua 11 căn hộ tại Dự án Hồng Hà Tower số 89 Thịnh Liệt

để bố trí tái định cư cho các hộ được tái định cư trong 14 hộ cưỡng chế. Ngày 04/10/2018, Sở Xây dựng Hà Nội đã có Quyết định số 703/QĐ-SXD về việc phê duyệt giá bán nhà chung cư tái định cư năm 2018 đối với công trình nhà ở cao tầng và văn phòng làm việc tại số 89 Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai để phục vụ tái định cư Dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt.

Dự án đầu tư Xây dựng - Kinh doanh hạ tầng Khu đô thị mới Nam Ga Hạ Long

a. Chủ đầu tư: Công ty TNHH MTV LICOGI số 2

b. Dự án chia thành 2 khu vực, trong đó:

- » Khu phía Bắc Quốc lộ 18A: Đã thi công xong và bàn giao đưa vào sử dụng các hạng mục HTKT, riêng hạng mục cấp điện đang làm thủ tục để bàn giao tài sản cho Điện lực Quảng Ninh;
- » Khu phía Nam Quốc lộ 18A: Đã giải phóng mặt bằng và triển khai thi công các hạng mục san nền, thoát nước mưa, nước thải và nền đường giao thông.

Dự án Nhà chung cư Đồi T5

Chủ đầu tư: Công ty TNHH MTV LICOGI số 2
Dự án đã cơ bản hoàn thành các gói thầu xây lắp (97%), đã đăng ký thủ tục nghiệm thu với Sở Xây dựng tỉnh Quảng Ninh và chuẩn bị bàn giao nhà cho các hộ dân.

TỔ CHỨC & NHÂN SỰ

Những thay đổi trong Ban lãnh đạo của Công ty năm 2018

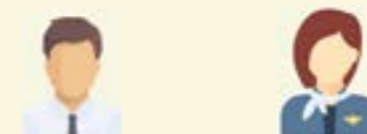
- Ngày 11/01/2018, HĐQT có Quyết định số 07/2018/QĐ-HĐQT miễn nhiệm Tổng giám đốc đối với ông Dương Xuân Quang và Quyết định số 08/2018/QĐ-HĐQT bổ nhiệm ông Phan Thanh Hải giữ chức Tổng giám đốc;
- Ngày 07/06/2018, HĐQT có Quyết định số 78/2018/QĐ-HĐQT miễn nhiệm Phó tổng giám đốc đối với ông Phùng Văn Thanh;
- Ngày 27/06/2018, ĐHĐCĐ có Nghị quyết số 111/2018/NQ-ĐHĐCĐ về việc miễn nhiệm Thành viên BKS đối với ông Nguyễn Trường Sa và bầu bà Nguyễn Thị Khánh Phương tham gia vào BKS .
- Ngày 23/10/2018, ĐHĐCĐ có Nghị quyết số 169/2018/NQ-ĐHĐCĐ miễn nhiệm thành viên BKS đối với bà Trần Thị Kim Hoa; Miễn nhiệm thành viên HĐQT đối với ông Vũ Nguyên Vũ và bầu ông Nguyễn Thanh Hợp vào HĐQT.
- Từ ngày 01/11/2018, ông Ưng Tiến Đỗ - Người đại diện vốn của Nhà nước, Thành viên HĐQT về nghỉ chế độ hưu trí đương nhiệm mất tư cách thành viên HĐQT theo quy định tại Điều 48 Điều lệ LICOGI.
- Từ ngày 01/01/2019 ông Dương Xuân Quang - Người đại diện vốn của Nhà nước, Thành viên HĐQT về nghỉ chế độ hưu trí đương nhiệm mất tư cách thành viên HĐQT theo quy định tại Điều 48 Điều lệ LICOGI.

Lao động

Tổng số cán bộ, công nhân viên và người lao động của Tổng Công ty LICOGI tính đến ngày 31/12/2018 là 243 người, được phân loại như sau

SỐ LƯỢNG NHÂN SỰ

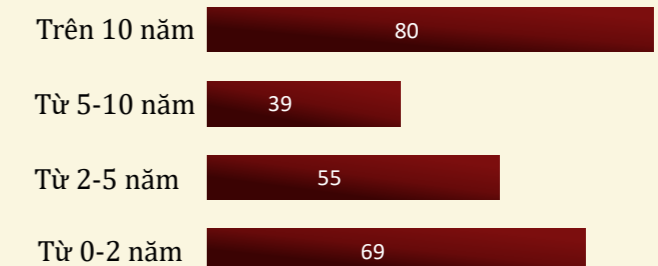
243 người



194

49

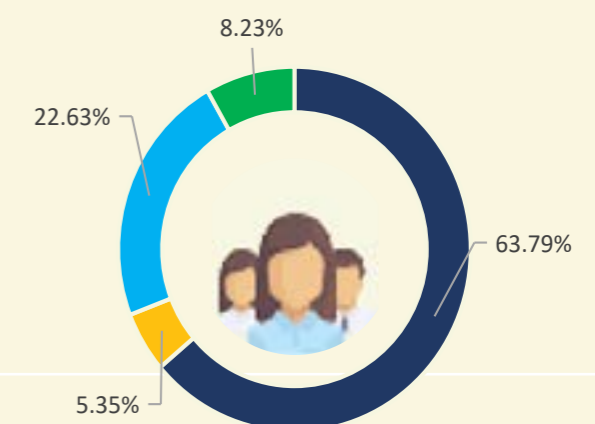
(Tại thời điểm 31/12/2018)



Số lượng nhân sự theo thời gian làm việc

CƠ CẤU NHÂN SỰ

- Đại học & trên đại học
- Cao đẳng, trung cấp
- Sơ cấp & công nhân kỹ thuật
- Lao động phổ thông



Chính sách đối với người lao động

Xác định nguồn nhân lực là chìa khóa cốt lõi trong sự thành công của doanh nghiệp, Ban lãnh đạo luôn dành sự quan tâm thích đáng để duy trì và phát triển năng lực của mỗi cá nhân, từ đó tạo dựng sự vững chắc trong quá trình phát triển Công ty.

Bên cạnh việc thu hút nhân tài, Công ty luôn duy trì hướng đến một môi trường lao động tốt, tạo điều kiện tối đa để mỗi cá nhân phát huy kinh nghiệm, năng lực của mình.

Chế độ làm việc:

Về thời gian làm việc: công ty tổ chức làm việc 8 tiếng/ngày, 5 ngày/tuần. Người lao động được nghỉ phép, nghỉ lễ, Tết, ốm đau thai sản thực hiện theo quy định của Bộ luật Lao động.

Đối với lực lượng lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, các nguyên tắc an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt.

Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

Việc phân phối tiền lương, tiền thưởng từ quỹ lương được gắn liền với hiệu quả làm việc của người lao động, kết quả sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty, đảm bảo tuân thủ đúng quy định của Nhà nước.

- Tổng Công ty thực hiện chính sách trả lương theo chức danh công việc cho người lao động.

Người lao động làm việc theo chức danh công việc gì thì hưởng lương theo chức danh công việc đó. Khi thay đổi công việc, thay đổi chức vụ thì hưởng lương theo công việc mới, chức vụ mới.

- Quy định về xét tăng lương hàng năm cho người lao động đảm bảo tính minh bạch công khai.

- Tổng Công ty đã thực hiện khen thưởng hàng kỳ, đột xuất cho cá nhân, tập thể tiên tiến và xuất sắc. Tiêu chuẩn để xét thi đua và khen thưởng căn cứ vào việc chấp hành nội quy quy chế của Tổng Công ty, thành tích của cá nhân hoặc tập thể trong việc thực hiện tiết kiệm, sáng kiến cải tiến kỹ thuật, về phương pháp tổ chức kinh doanh, tìm kiếm được khách hàng mới, thị trường mới, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, đạt được hiệu quả cao trong kinh doanh, có thành tích chống tiêu cực lãng phí.

- Thực hiện các chế độ bảo đảm xã hội cho người lao động theo luật định và thỏa ước lao động tập thể.

- Tổng Công ty luôn tuân thủ các quy định của Luật lao động, thực hiện nghiêm túc các chế độ về BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động

- Luôn quan tâm đến đời sống và cải thiện điều kiện làm việc của người lao động, có chế độ bồi dưỡng đối với các lao động làm việc trong điều kiện nắng nóng, nặng nhọc, có chế độ tham quan nghỉ mát hàng năm, quan tâm tới người lao động trong các ngày lễ tết.



Chính sách đào tạo, tuyển dụng

Trong môi trường kinh doanh ngày càng cạnh tranh và hội nhập, Tổng Công ty coi lực lượng lao động là nguồn lực thiết yếu, không thể thiếu trong quá trình phát triển. Doanh nghiệp cần lực lượng lao động phải đáp ứng được các tiêu chí như: Thái độ tích cực, đúng đắn trong công việc; các kiến thức nền tảng, kỹ năng cứng liên quan tới công việc chuyên ngành; kỹ năng mềm như giao tiếp, xử lý tình huống...

Việc tuyển dụng, đào tạo và sử dụng cán bộ, nhân viên có hiệu quả cùng với công tác quy hoạch cán bộ theo cơ chế hiện đại để những người trẻ tuổi có điều kiện phát triển tố chất lãnh đạo. Đầu tư nâng cao năng lực đội ngũ quản lý, năng lực điều hành và trình độ chuyên môn. Tuyển dụng và giữ chân những nhân viên thích hợp, loại bỏ những nhân viên làm việc không hiệu quả và cung cấp cho các nhân viên những nguồn lực cần thiết để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

01

Tuyển dụng: Mục tiêu tuyển dụng của Tổng Công ty là thu hút người lao động có năng lực vào làm việc cho Tổng Công ty, đáp ứng nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh. Tuỳ thuộc vào từng vị trí đảm nhận mà có những tiêu chuẩn quy định phù hợp. Chính sách tuyển dụng của Tổng Công ty không phân biệt giới tính và địa vị, phù hợp với các quy định của Nhà nước.

Đào tạo: Tổng Công ty chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là nắm bắt các yêu cầu về kỹ năng tác nghiệp hoàn thành tốt công việc được giao. Việc đào tạo tại Tổng Công ty được thực hiện theo hướng sau:

02

Đào tạo nhân viên mới: Sau khi được tuyển dụng, nhân viên mới sẽ được Tổng Công ty tổ chức đào tạo để nắm rõ về nội quy lao động, trách nhiệm quyền hạn được giao, phương pháp và kỹ năng thực hiện công việc.

Đào tạo thường xuyên: Căn cứ vào nhu cầu phát triển của Tổng Công ty, năng lực, trình độ cán bộ, mức độ gắn bó với Tổng Công ty, Tổng Công ty định ra kế hoạch đào tạo dưới nhiều hình thức: cử đi đào tạo, đào tạo tại chỗ bằng các khoá huấn luyện v.v... Kết quả sau mỗi khoá học được báo cáo đầy đủ và đánh giá hiệu quả của các phương pháp và hình thức đào tạo.

CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG VÀ CỔ PHIẾU

CỔ PHẦN

Tính đến ngày 31/12/2018, Tổng Công ty LICOGI đã phát hành 90,000,000 cổ phiếu. Trong đó:

- * Số lượng cổ phần: 90,000,000 cổ phiếu
- * Mệnh giá cổ phiếu: 10,000 đồng
- * Số lượng cổ phiếu ưu đãi cho người lao động khi CPH DNNN: 171,000 cổ phiếu
- * Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 58,265,900 cổ phiếu
- * Số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 31,734,100 cổ phiếu
- * Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu

Cơ cấu cổ đông

STT	Tên cổ đông	Số lượng (cổ đông)	Số lượng (cổ phần)	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)
I	Cổ đông trong nước				
1	Tổ Chức	05	88,216,579	882,165,790,000	98.02
2	Cá nhân	261	1,783,421	17,834,210,000	1.98
	Tổng cộng	266	90,000,000	900,000,000,000	100

Danh sách cổ đông lớn

Tên tốt chức/ Cá nhân	Số CMND/ Hộ chiếu/ ĐKKD	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Giá trị ('000 VND)	Tỷ lệ/ VĐL (%)
Nhà nước (Đại diện là Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước - Công ty TNHH)	Giấy chứng nhận ĐKKD số 0101992921 do Sở kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 5 ngày 05/05/2016	Số 117 đường Trần Duy Hưng, Phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội	36,640,691	366,406,910	40.71
Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh bất động sản khu Đông	Giấy chứng nhận ĐKKD0309344729 Sở kế hoạch và đầu tư TP Hồ Chí Minh cấp ngày 22/08/2009	Lầu 11, tòa nhà Pax Sky, số 34A Phạm Ngọc Thạch, phường 6, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh	31,500,000	315,000,000	35.00
Công ty TNHH Đầu tư Gia Cường	Giấy chứng nhận ĐKKD 0106901910 do Sở kế hoạch và đầu tư TP Hà Nội cấp ngày 16/07/2015	41A Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội	20,012,888	200,128,880	19.24
Tổng cộng			85,453,579	854,535,790	94.95

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

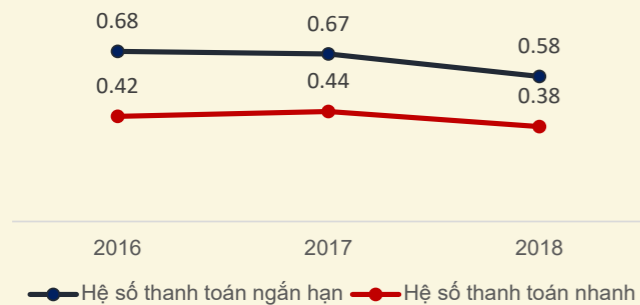
Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017	Năm 2018	% Tăng trưởng
Tổng giá trị tài sản	Triệu đồng	4,395,674	4,428,402	1.01
Doanh thu thuần	Triệu đồng	2,606,452	2,600,189	1.00
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Triệu đồng	(25,905)	83,779	(3.23)
Lợi nhuận khác	Triệu đồng	(17,743)	(23,161)	1.31
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	(43,648)	60,618	(1.39)

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

Các chỉ tiêu	ĐVT	2017	2018	(2018) - (2017)
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán ngắn hạn	lần	0.67	0.58	-0.09
Hệ số thanh toán nhanh	lần	0.44	0.38	-0.06
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	89.73%	89.17%	-0.56%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	873.83%	823.05%	-50.77%
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	3.13	3.24	0.11
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Vòng	0.59	0.59	-0.01
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
Hệ số lợi nhuận sau thuế/DTT	%	-2.17%	1.79%	3.96%
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH (ROE)	%	-12.55%	9.70%	22.24%
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng TS (ROA)	%	-0.99%	1.37%	2.36%
Hệ số lợi nhuận từ hoạt động KD/DTT	%	-0.99%	3.22%	4.22%

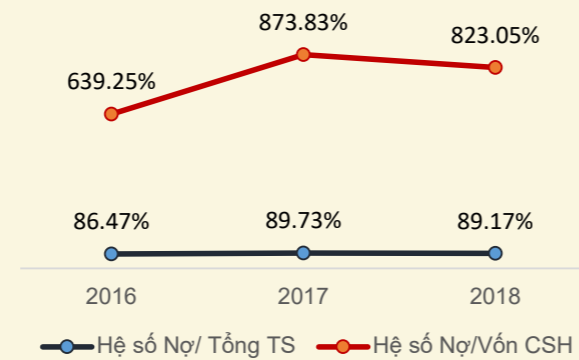
CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN (TIẾP THEO)

Khả năng thanh toán



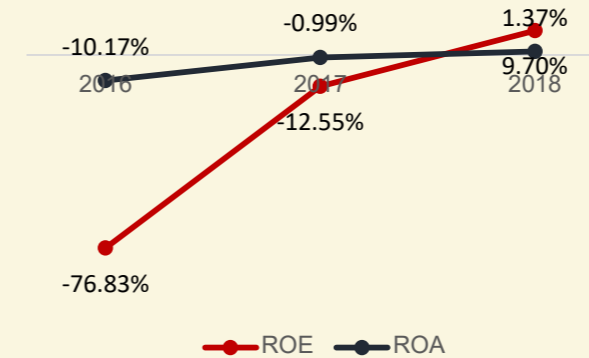
Cả 2 hệ số thanh toán đều giảm nhẹ trong năm 2018: Hệ số thanh toán ngắn hạn giảm từ 0.68 xuống 0.58 trong khi hệ số thanh toán nhanh giảm từ 0.42 xuống còn 0.38 trong vòng 3 năm. Nguyên nhân chính đến từ việc giảm mạnh từ khoản tiền và tương đương với tiền của công ty, giảm hơn 30% so với năm 2017. Trong năm 2018, Tổng Công ty đầu tư tài chính vào các công ty liên kết, mảng đầu tư mang lại hiệu quả cao trong lợi nhuận của công ty trong năm 2018. Bên cạnh đó, do 2 hệ số thanh toán của Tổng công ty đều không đảm bảo lớn hơn 1, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Tổng công ty đã thông qua kế hoạch thoái toàn bộ phần vốn góp tại 16 doanh nghiệp (trong đó có 06 công ty con và 10 công ty liên kết) để khắc phục tình trạng thiếu hụt trong dòng tiền của Tổng công ty.

Cơ cấu vốn



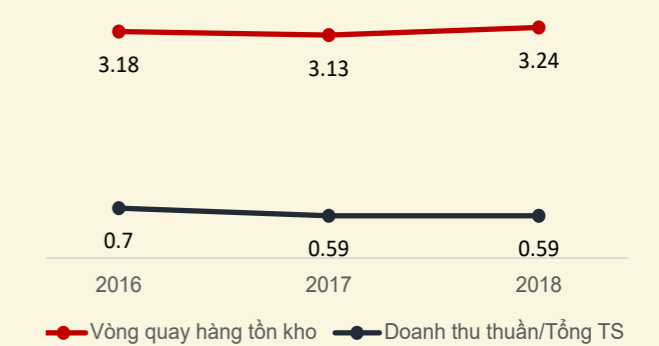
Hệ số nợ/ Tổng TS giảm 0.63% trong khi hệ số nợ/vốn chủ sở hữu giảm 5.81%, cho thấy cơ cấu vốn của công ty đang có xu hướng giảm tỷ trọng của các khoản nợ trong năm 2018. Nguyên nhân chính đến từ tình hình tài chính khả quan trong năm 2018 của Tổng công ty. Thứ nhất, tổng tài sản của công ty tăng lên, phần lớn đến từ chi phí từ sản xuất kinh doanh và xây dựng cơ bản dở dang tăng khoảng 20% so với năm 2017, cho thấy tín hiệu khả quan trong việc đấu thầu các công trình của tổng công ty LICOGI. Bên cạnh đó, do tình hình hoạt động năm nay của các công ty liên kết khả quan khiến cho doanh thu từ lợi nhuận của Tổng công ty cũng tăng theo, tổng LNST chưa phân phối năm 2018 khoảng 46 tỷ đồng, tăng 183% so với năm 2017.

Năng lực hoạt động



Tất cả các hệ số về khả năng sinh lời năm 2018 của Tổng Công ty đều được cải thiện đáng kể do mức Lợi nhuận tăng mạnh trong năm 2018 (LNST đạt 47 tỷ đồng). Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/DTT của Tổng Công ty vẫn tăng trưởng từ năm 2016 đến nay, đạt 3.22%. Hai chỉ tiêu quan trọng là ROE và ROA đều đạt những tín hiệu tăng trưởng tích cực đặc biệt là hệ số ROE tăng 113% từ năm 2016 đến nay. Năm 2018, ROE đạt 1.37% và ROA đạt 9.70%. Trong năm công ty đã đang cố gắng tối đa hóa hoạt động của tài sản giúp nâng cao hiệu quả kinh doanh, góp phần tối đa hóa lợi ích cổ đông.

Khả năng sinh lời



Vòng quay hàng tồn kho liên tục tăng từ năm 2016 đến nay, năm 2018 đạt 3.24 lần, tăng 1.04 lần so với năm 2017 cho thấy tiến độ công trình của công ty đang được đẩy nhanh hơn và hàng tồn kho không bị ứ đọng nhiều. Chỉ tiêu DTT/Tổng TS năm 2017 và 2018 đạt 0.59 lần. Trong năm 2018, doanh thu thuần và tổng tài sản không có sự thay đổi quá nhiều, doanh thu thuần giảm 0.27% trong khi tổng tài sản tăng 0.27%.

03

BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá tổng quát kết quả kinh doanh năm 2018

Phân tích kết quả kinh doanh năm 2018

Tình hình tài chính

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý



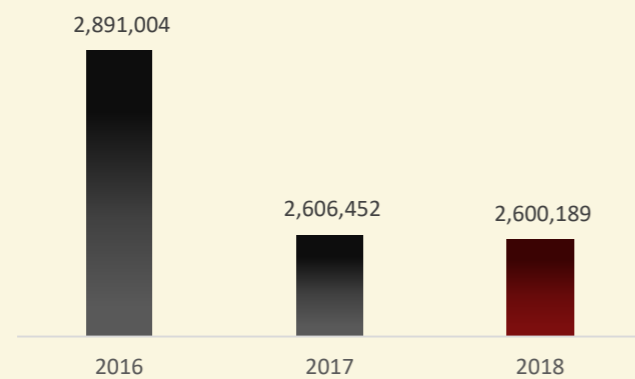
ĐÁNH GIÁ TỔNG QUÁT KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2018

Tổng Công ty là đơn vị có truyền thống trong lĩnh vực thi công xây lắp công nghiệp, dân dụng và đặc biệt là các công trình xử lý nền móng và hạ tầng kỹ thuật, có đội ngũ cán bộ kỹ thuật dày kinh nghiệm và công nhân lành nghề. Sở hữu công nghệ thi công hiện đại, tiên tiến đảm bảo thi công được các dự án lớn, có yêu cầu kỹ thuật phức tạp. Tuy nhiên, công việc còn ít do các công trình thủy điện, nhiệt điện lớn mà Tổng Công ty giữ vai trò tổng thầu và tham gia trong tổ hợp nhà thầu đã hoàn thành và hiện đang trong giai đoạn quyết toán, các dự án đầu tư của Tổng Công ty chưa được triển khai thi công. Hơn nữa, tình hình cạnh tranh ngày càng gay gắt ở hầu hết các lĩnh vực sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty, sản xuất kinh doanh năm 2016, 2017 của Công ty mẹ bị thua lỗ đã gây khó khăn cho việc đấu thầu tìm kiếm công việc làm ảnh hưởng đến các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh. Sự biến động của giá cả thị trường gây ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình sản xuất chung.

DOANH THU, CƠ CẤU DOANH THU THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

DOANH THU THUẦN (triệu đồng)

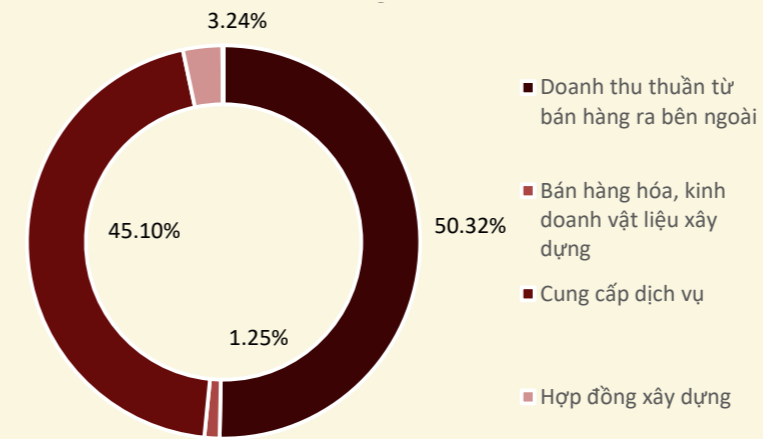
CAGR = -3.5%



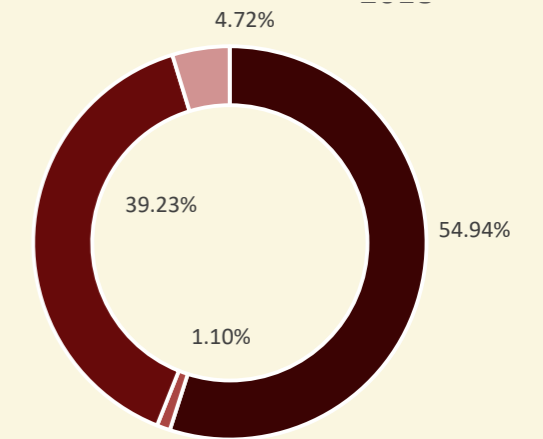
Giai đoạn 2016 – 2018, Doanh thu thuần của Tổng Công ty đạt tốc độ tăng trưởng kép (CAGR) là âm 3.5%. Năm 2018, doanh thu thuần đạt 2,600 tỷ đồng, giảm 0.24% so với năm 2017.

CƠ CẤU DOANH THU THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

CƠ CẤU DOANH THU 2017



CƠ CẤU DOANH THU 2018



Xét về cơ cấu doanh thu chi tiết, kết quả kinh doanh 2018, doanh thu từ bán hàng hóa, kinh doanh vật liệu xây dựng đóng góp tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu doanh thu hợp nhất của LICOGI, chiếm 55% của tổng doanh thu hợp nhất, với sự vượt trội của hai Công ty con là CTCP cơ khí Đông Anh LICOGI và CTCP đầu tư, xây lắp và vật liệu xây dựng Đông Anh. Theo sau đó là doanh thu từ hợp đồng xây dựng, mặc dù doanh thu từ giảm khoảng 10% chỉ trong vòng 1 năm nhưng vẫn chiếm khoảng 30% cơ cấu doanh thu năm 2018, cũng là mảng dịch vụ chính, mang lại doanh thu cao cho Tổng Công ty.

Nguyên nhân dẫn đến tỷ lệ doanh thu từ hợp đồng xây dựng đến từ những khó khăn trong công tác tiếp thị đấu thầu cho năm 2018 do năng lực tài chính của LICOGI trong báo cáo tài chính năm 2017 không đáp ứng được yêu cầu của Chủ đầu tư cũng như Thầu chính, khiến cho số lượng công trình giảm, số lượng gói thầu do LICOGI trúng ít. Hơn nữa, đối thủ cạnh tranh trong ngành tăng cao cả ở trong nước và nước ngoài cũng là yếu tố lớn ảnh hưởng xấu đến tình hình hoạt động kinh doanh của Tổng công ty LICOGI.

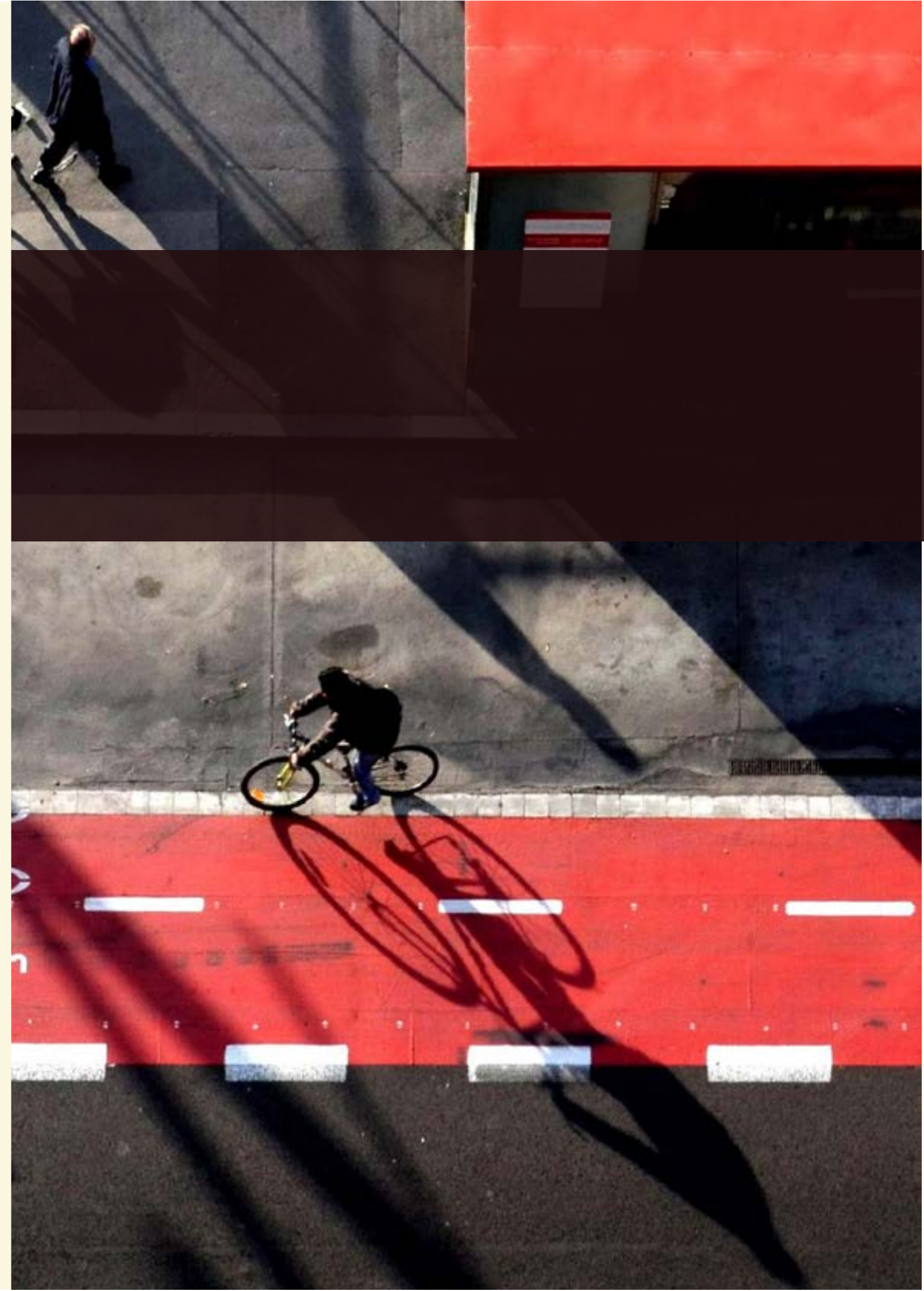
KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2018

Ban Tổng Giám đốc đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh 2018 của Tổng Công ty nhìn chung là chưa cao và chưa đạt chỉ tiêu lợi nhuận đề ra:

Nội dung	Đơn vị	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	TH/KH 2018
Giá trị sản lượng	Triệu đồng	4,127,284	3,035,221	74%
Doanh thu thuần	Triệu đồng	3,411,170	2,600,189	76%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	96,462	60,618	63%

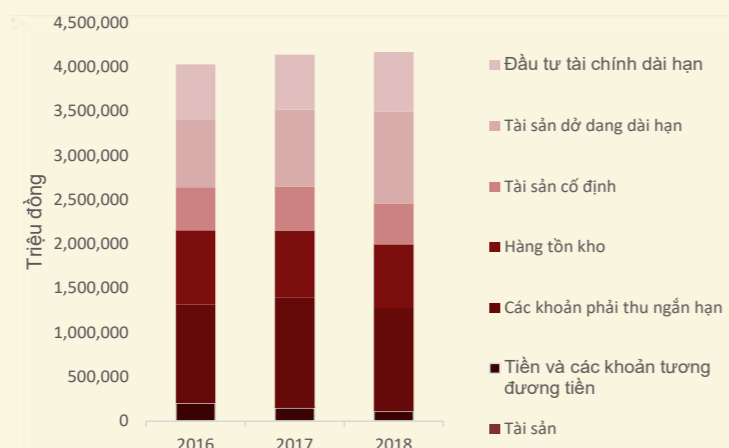
- » Doanh thu thuần đạt 2,600 tỷ đồng, giảm 0.24% so với 2017 và đạt 76% kế hoạch đề ra.
- » Lợi nhuận trước thuế, đạt 61 tỷ đồng, tăng 239% so với năm 2017 và đạt 63% kế hoạch đề ra.

Bước sang năm 2019, được dự báo tình hình thị trường tiếp tục có những biến động lớn mang lại thiên hướng bất lợi cho việc SXKD, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng sẽ tiếp tục vượt qua những khó khăn để mang lại lợi nhuận cho Tổng Công ty, đồng thời tạo ra những bước tăng trưởng mới.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI SẢN



Tổng tài sản Công ty năm 2018 đạt 4,428 tỷ đồng, giảm 2% so với năm 2017. Tốc độ tăng trưởng kép (CAGR) giai đoạn 2016 – 2018 của tổng tài sản là 2.5%.

Đặc thù là doanh nghiệp thuộc ngành xây dựng, tài sản chủ yếu của Tổng Công ty là các khoản phải thu ngắn và dài hạn của khách hàng, do đặc thù của Tổng Công ty là xây dựng với các công trình lớn, có thể kéo dài qua các năm, cơ cấu tài sản giữ ở mức ổn định trong năm 3 năm liên tiếp từ 2016 đến 2018.

BẢNG CẤU TRÚC TÀI SẢN NĂM 2017 - 2018

Tài sản	Đơn vị	2017	2018	% Tăng/giảm
Tài sản ngắn hạn				
Tiền và các khoản tương đương tiền	Triệu đồng	147,359	108,778	(26.18)
Đầu tư tài chính ngắn hạn	Triệu đồng	20,330	20,818	2.40
Các khoản phải thu ngắn hạn	Triệu đồng	1,248,748	1,168,217	(6.45)
Hàng tồn kho	Triệu đồng	755,070	717,765	(4.94)
Tài sản ngắn hạn khác	Triệu đồng	29,274	28,833	(1.51)
Tài sản dài hạn				
Các khoản phải thu dài hạn	Triệu đồng	166,332	166,109	(0.13)
Tài sản cố định	Triệu đồng	497,524	461,661	(7.21)
Bất động sản đầu tư	Triệu đồng	2,663	2,663	0.00
Tài sản dở dang dài hạn	Triệu đồng	869,351	1,036,176	19.19
Đầu tư tài chính dài hạn	Triệu đồng	619,070	675,729	9.15

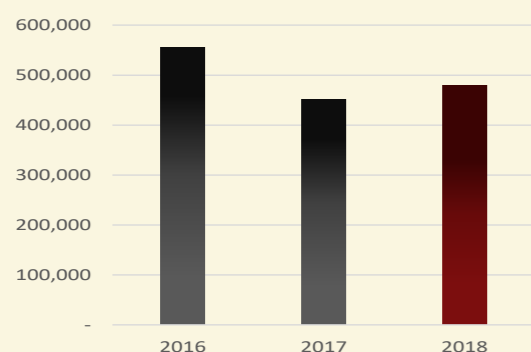
Tài sản dài hạn: Tài sản dài hạn năm 2018 đạt 2,384 tỷ đồng tăng 8.62% so với năm 2017. Trong năm doanh nghiệp hầu như không có phát sinh khoản chi ngoài dự kiến cho tài sản cố định có giá trị lớn, do đó nguyên nhân chính khiến giá trị tài sản dài hạn tăng là do tài sản dở dang tài sản tăng cao, tăng 19.19% so với năm 2017. Trong đó ghi nhận sự tăng nhanh từ chi phí sản xuất kinh doanh dở dang từ dự án KĐTMT Thịnh Liệt (do Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị LICOGI thực hiện), và từ dự án dây chuyền làm khuôn đúc phụ tùng công nghệ ALPHASET.

Tài sản ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn năm 2018 đạt 2,044 tỷ đồng, giảm 7% so với năm 2017. Các khoản phải thu ngắn hạn của Tổng Công ty chiếm tỷ trọng lớn nhất, giảm 6.5%, đạt 57% trong năm 2018, Trong đó khoản phải thu khó đòi chiếm khoảng 30% trong tổng khoản phải thi ngắn hạn của doanh nghiệp, điều này ảnh hưởng trực tiếp đến vốn lưu động của Tổng Công ty.

TÌNH HÌNH NGUỒN VỐN

VỐN CHỦ SỞ HỮU (triệu đồng)

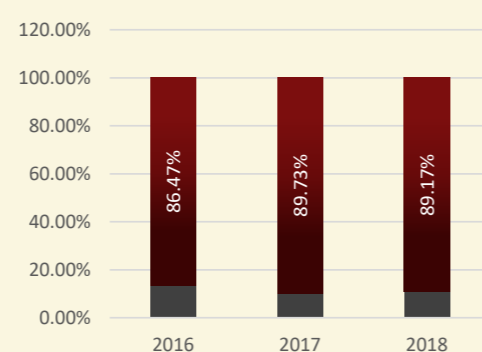
CAGR = (4.8%)



CƠ CẤU NGUỒN VỐN của Tổng Công ty đang có sự thay đổi, giảm tỷ trọng vào nợ, có thể thấy được qua 3 năm 2016 đến 2018. Vốn chủ sở hữu năm 2018 đạt 480 tỷ đồng, tăng 6.3% so với năm 2017. Nợ phải trả năm 2018 tăng 0.11%, đạt gần 3,949 tỷ đồng, trong đó:

NỢ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN: năm 2018 đạt 3,515 tỷ đồng tăng 6.62%. Khoản nợ của Tổng Công ty chủ yếu đến từ người mua trả tiền trước và khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn chiếm lần lượt 21% và 46% tổng nợ tài chính, trong đó Công ty mẹ chiếm tỷ lệ khá

CƠ CẤU VỐN (%)



lớn trong khoản này, với mục đích chủ yếu là bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất và kinh doanh trong đó khoản phải thu của khách hàng còn lớn cũng là một nguyên nhân khiến cho Tổng Công ty phải đi vay thêm để tăng vốn lưu động.

NỢ PHẢI TRẢ DÀI HẠN: năm 2018 giảm, đạt 433 tỷ đồng tương đương giảm 33% so với năm 2017 do doanh nghiệp đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với các khoản nợ đến hạn.

ĐÁNH GIÁ KHÁC

ẢNH HƯỞNG CỦA TỶ GIÁ HỐI ĐOÁI

Hoạt động SXKD của Tổng Công ty không chịu sự ảnh hưởng lớn bởi các biến động của tỷ giá hối đoái do Tổng Công ty chỉ xuất nhập khẩu máy, thiết bị, sản phẩm cơ khí. Tính đến thời điểm cuối tháng 11/2018, đồng Việt Nam đã mất giá khoảng 2.7% so với thời điểm đầu năm (theo Bloomberg). Tuy nhiên, do Tổng Công ty đã chỉ đạo và tìm cách tối ưu thời hạn thanh toán của các khoản nợ: dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản; cùng với việc nợ thuần ngoại tệ của Tổng Công ty có giá trị khá nhỏ nên không có ảnh hưởng lớn từ biến động tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty.

CẤU TRÚC NỢ PHẢI TRẢ NĂM 2017 - 2018

Triệu đồng

NỢ PHẢI TRẢ	2017	2018	% Tăng/ Giảm
I. Nợ ngắn hạn			
1. Phải trả người bán ngắn hạn	846,487	832,623	(1.64%)
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	438,475	293,139	(33.15%)
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	173,560	165,789	(4.48%)
4. Phải trả người lao động	73,492	75,672	2.97%
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	185,587	155,137	(16.41%)
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	7,774	-	(100.00%)
7. Phải trả ngắn hạn khác	146,510	170,942	16.68%
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	1,403,716	1,813,117	29.17%
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	3,173	1,398	(55.93%)
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	18,045	7,122	(60.53%)
II. Nợ dài hạn			
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	1,634	2,104	28.75%
2. Phải trả dài hạn khác	318,842	321,088	0.70%
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	318,969	102,606	(67.83%)
4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	2,291	2,142	(6.53%)
5. Dự phòng phải trả dài hạn	5,738	5,769	0.54%

ĐÁNH GIÁ KHÁC

ẢNH HƯỞNG CỦA BIẾN ĐỘNG LÃI XUẤT VAY

Khoản nợ của Tổng Công ty chủ yếu đến từ khoản vay nợ và cho thuê tài chính ngắn hạn chiếm 46% tổng nợ tài chính, với mục đích chủ yếu là bổ sung vốn lưu động sản xuất và kinh doanh. Trong năm 2018, lãi suất huy động và cho vay của các tổ chức tín dụng là tương đối ổn định, nên mức độ ảnh hưởng do biến động lãi suất đối với doanh nghiệp là không đáng kể. Đối với các khoản vay dài hạn, mặc dù các khoản vay được áp dụng mức lãi suất thả nổi, tuy nhiên khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn chỉ chiếm khoảng 3% tổng nợ tài chính, nên tình hình tài chính sẽ không ảnh hưởng lớn bởi tỷ giá.

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

CÔNG TÁC PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

- 01** Tổ chức đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chuyên nghiệp có chất lượng cao về chuyên môn nghiệp vụ, kỹ thuật, ngoại ngữ và kiến thức ở các lĩnh vực liên quan khác đáp ứng yêu cầu và mục tiêu phát triển của Tổng công ty;
- 02** Tiếp tục cải tiến chế độ tiền lương, thu nhập của người lao động theo hướng phát huy năng lực, trí tuệ, kinh nghiệm và hiệu quả công tác. Động viên, khuyến khích người lao động nỗ lực học tập nâng cao trình độ chuyên môn. Phối hợp với các tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho người lao động

PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN

- 01** Tập trung nguồn lực hiện có, phát huy lợi thế, phát triển các ngành nghề: thi công xây lắp, xử lý nền móng, hạ tầng, công trình ngầm.
- 02** Phát triển và phát huy thế mạnh về thi công hạ tầng. Đặc biệt là các công trình hạ tầng về giao thông, hạ tầng đô thị.
- 03** Tập trung nguồn lực để làm tổng thầu các công trình xây dựng đô thị lớn mà Chủ đầu tư là đối tác chiến lược của Tổng công ty LICOGI.
- 04** Xây dựng lực lượng CBCNV ổn định tư tưởng, hoàn thiện tổ chức, hoạt động một cách hiệu quả, đổi mới quản trị theo chuẩn mực và thông lệ tiên tiến, phù hợp với đặc thù hoạt động thi công xây lắp.
- 05** Củng cố và phát triển thương hiệu, tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường về các lĩnh vực: Thi công xây lắp, xử lý nền móng, hạ tầng, công trình ngầm. Phần đầu đạt và vượt kế hoạch doanh thu, lợi nhuận, hoàn thành nghĩa vụ đối với Nhà nước được ĐHĐCĐ thường niên 2019 thông qua



04

BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá chung về nền kinh tế và ngành
Đánh giá các mặt hoạt động của công ty
Đánh giá về hoạt động của Ban Tổng Giám Đốc
Kế hoạch năm 2019



ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ MỌI MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH KINH TẾ VĨ MÔ, NGÀNH

Kinh tế- xã hội nước ta năm 2018 diễn ra trong bối cảnh nền kinh tế thế giới trên đà phục hồi; tuy nhiên, các nền kinh tế lớn như Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản, Liên minh Châu Âu đạt vẫn chưa thực sự ổn định. Nền kinh tế vẫn bị ảnh hưởng bởi những thay đổi trong chính sách lãi suất hay chiến tranh thương mại của nước lớn trên thế giới. Tăng trưởng của nền kinh tế Việt Nam nói chung cao hơn so với năm trước và so với 10 năm qua: tốc độ tăng trưởng GDP năm 2018 ước tính đạt 7.08%, cao hơn mức kế hoạch đề ra từ 6.5% đến 6.7% và cao hơn GDP cả năm 2017 là 6.81%; tuy nhiên chưa thực sự tạo

ơ hội tăng trưởng mạnh mẽ cho ngành xây dựng nói chung và hoạt động SXKD của Tổng Công ty nói riêng.

Bên cạnh đó, thị trường xây dựng Việt Nam chứng kiến sự phân hóa mạnh và cạnh tranh gay gắt: sự tăng nhanh của số lượng doanh nghiệp lớn, rào cản gia nhập thấp đã ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư, đấu thầu triển khai các hoạt động khác của Tổng Công ty. Theo tổng cục thống kê, năm 2018 có tới 16,7 nghìn doanh nghiệp trong lĩnh vực xây dựng (chiếm 12.7% tổng số doanh nghiệp cả nước), tăng 4.4% so với năm 2017.

KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2018

Nội dung	Đơn vị	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	TH/KH 2018
Giá trị sản lượng	Triệu đồng	4,127,284	3,035,221	74%
Doanh thu thuần	Triệu đồng	3,411,170	2,600,189	76%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	96,462	60,618	63%

- » Doanh thu thuần đạt 2,600 tỷ đồng, giảm 0.24% so với 2017 và đạt 76% kế hoạch đề ra.
- » Lợi nhuận trước thuế, đạt 61 tỷ đồng, tăng 239% so với năm 2017 và đạt 63% kế hoạch đề ra.

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ SXKD NĂM 2018

Kết quả và hiệu quả sản xuất kinh doanh của Tổng công ty: Nhìn chung, năm 2018, Tổng công ty không đạt được mục tiêu kế hoạch ĐHCĐ thường niên 2018 đề ra, đặc biệt các chỉ tiêu về: Giá trị sản lượng, doanh thu. Tuy nhiên, lợi nhuận sản xuất kinh doanh của Công ty mẹ đã có lãi kể từ khi chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần. Một số nội dung về đổi mới, tái cấu trúc doanh nghiệp được triển khai còn chậm như: Quy chế chi trả thu nhập gắn với năng suất, hiệu quả lao động, hệ thống chỉ tiêu đánh giá mức độ hoàn thành công việc (KPI); Công tác quyết toán, bàn giao vốn từ doanh nghiệp cổ phần hóa sang công ty cổ phần và bàn giao đại diện chủ sở hữu vốn Nhà nước từ Bộ Xây dựng về Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước – SCIC hoàn thành vào cuối tháng 12/2018 sau 3 năm chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần. Việc thoái vốn tại một số công ty con, công ty liên kết, phát hành trái phiếu cho Dự án Đầu tư Khu đô thị mới Thịnh Liệt của Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị LICOGI theo Nghị quyết ĐHCĐ chưa triển khai được do vướng về cơ chế, chính sách của nhà nước, ảnh hưởng đến khả năng cân đối, tạo dòng tiền nhằm giảm bớt áp lực, khó khăn về tài chính cho Tổng công ty, cũng như giúp giải quyết các tồn tại về tài chính cần tiếp tục xử lý sau bàn giao;



ĐÁNH GIÁ HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BTGD

Mối quan hệ quản trị - điều hành doanh nghiệp: Tổng giám đốc phối hợp tốt với HĐQT theo quy chế hoạt động, thực hiện đúng quyền hạn theo điều lệ công ty. Ban Tổng giám đốc đã chấp hành chế độ báo cáo và thông tin kết quả sản xuất kinh doanh theo yêu cầu của HĐQT.

Nhìn chung các Cán bộ quản lý đã có sự mẫn cán trong công việc và đã tham mưu cho Tổng Giám đốc kịp thời và hiệu quả. Công tác tổ chức bộ máy quản lý dần được kiện toàn, nhân sự dần được sắp xếp một cách hợp lý, khoa học cho từng vị trí. Công việc được bố trí, phù hợp với trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

Công tác đầu tư xây dựng được thực hiện theo đúng tinh thần chỉ đạo của HĐQT và theo đúng quy định của Điều lệ và Pháp luật; Tình hình tài chính, các khoản chi phí được kiểm soát tốt, không để xảy ra thiệt hại; Thực hiện tốt các chính sách về lương, thưởng, cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động

Trong năm qua, Ban Tổng Giám đốc đã tiếp thu và tuân thủ một cách nghiêm túc những chỉ đạo từ các Nghị quyết và Quyết định của HĐQT để triển khai hoạt động SXKD của Tổng Công ty.

Năm 2018 quả thực là 1 năm khó khăn cho LICOGI khi gặp phải những hạn chế trong hoạt động đấu thầu dự án. Năng lực tài chính của LICOGI không đáp ứng được yêu cầu của Chủ đầu tư cũng như Thủ chính (cạnh tranh khốc liệt, các chỉ tiêu yêu cầu cao về tài chính, năng lực kinh nghiệm các công trình tương tự...). Do đó, Tổng công ty LICOGI chỉ tham gia chào giá các gói thầu giá trị nhỏ hoặc làm thầu phụ thi công. Tuy nhiên, Ban Tổng giám đốc cùng các nhân sự chủ chốt đã có nhiều nỗ lực, phấn đấu vượt qua nhiều khó khăn đưa Tổng Công ty từng bước ổn định, phát triển làm tiền đề cho những năm tiếp theo (doanh thu đạt 76% so với kế hoạch, lợi nhuận sau thuế đạt 76% so với kế hoạch).

KẾ HOẠCH , ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2019

ĐÁNH GIÁ THỊ TRƯỜNG NĂM 2019

Năm 2019, được dự báo là năm tiếp tục có những khó khăn đối với LICOGI trong hoạt động kinh doanh, việc làm. Sự xuất hiện ngày càng nhiều hơn những nhà sản xuất mới trong cùng ngành gây ra áp lực cạnh tranh rất lớn trên thị trường, tính đến cuối năm 2018 có tới 16.7 nghìn doanh nghiệp trong lĩnh vực xây dựng (chiếm 12.7% tổng số doanh nghiệp cả nước), tăng 4.4% so với năm 2017.

Xác định năm 2019 tới đặc biệt khó khăn đối với hoạt động SXKD của Tổng Công ty, vì vậy, HĐQT LICOGI với vai trò là cơ quan quản lý Tổng Công ty quyết tâm tập trung mọi nguồn lực để tăng cường công tác quản lý, chỉ đạo hoạt động, bảo đảm thực hiện có hiệu quả Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty năm 2019. Đặc biệt, Tổng Công ty vẫn sẽ quan tâm đến các chỉ tiêu cơ bản như sản lượng, doanh thu, lợi nhuận, cổ tức, lương và các chế độ của CBCNV, bảo vệ quyền lợi hợp pháp tối đa cho các cổ đông, tạo một thương hiệu tốt trên sàn chứng khoán và các khách hàng.

CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2019

Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch năm 2019
Giá trị sản lượng	Triệu đồng	3,035,221	3,665,088
Doanh thu thuần	Triệu đồng	2,600,189	2,853,566
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	60,619	79,971
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	46,527	69,115
Đầu tư	Triệu đồng	328,519	1,265,586

VỀ MỤC TIÊU

Quyết liệt trong công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành, phấn đấu hoàn thành các mục tiêu mà ĐHĐCĐ thường niên 2019 đề ra, đặc biệt là các chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận, nộp ngân sách nhà nước, tạo tiền đề phát triển cho những năm tiếp theo.

VỀ ĐỊNH HƯỚNG

Tiếp tục triển khai định hướng và giải pháp thực hiện đã được HĐQT đề ra trong báo cáo tại ĐHĐCĐ thường niên 2018; trong đó bổ sung và tập trung một số định hướng và giải pháp cụ thể về một số lĩnh vực sau:

Về công tác tổ chức.

- » Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của từng phòng, ban đơn vị để xác định số lao động thực tế cần sử dụng, vị trí đảm nhiệm công việc làm cơ sở để trả lương cho người lao động gắn với hiệu quả công việc theo hướng “làm công việc gì thì hưởng lương theo công việc ấy”, phát huy tinh thần trách nhiệm của người lao động, từng bước tinh giản bộ máy kết hợp đào tạo, tuyển dụng cán bộ có kinh nghiệm để quản lý, điều hành, tuyển dụng công nhân lành nghề vận hành thiết bị để có đủ nguồn nhân lực thi công các công trình khi Tổng công ty tham gia thi công.
- » Tổ chức Hội nghị, hội thảo, tập huấn về việc thực hiện Quy chế quản lý Người đại diện vốn của Licogi tại doanh nghiệp khác nhằm giúp cho Người đại diện nắm được được đầy đủ quyền hạn, nghĩa vụ, trách nhiệm, quyền lợi của người đại diện. Xây dựng Quy chế giám sát, đánh giá người đại diện; ký hợp đồng với tất cả người đại diện nhằm đảm bảo hiệu lực, hiệu quả của việc giám sát các khoản đầu tư ra bên ngoài; có chế độ thù lao, phụ cấp đối với Người đại diện không tham gia HĐQT, bộ máy điều hành của danh nghiệp có vốn góp hoặc tham gia HĐQT, bộ máy điều hành nhưng doanh nghiệp không có thù lao, phụ cấp. Tổ chức họp với người đại diện của Tổng công ty tối thiểu 6 tháng/1 lần.
- » Kiên trì định hướng cơ cấu lại tổ chức, định rõ ba khối chức năng: kinh doanh, hỗ trợ kinh doanh và vận hành, gắn với việc triển khai Đề án tái cấu trúc toàn diện Tổng công ty. Tiếp tục rà soát, ban hành đồng bộ hệ thống quy trình, quy chế nội bộ của Tổng công ty.
- » Rà soát, đánh giá hiệu quả hoạt động của Người đại diện, cử cán bộ có năng lực làm người đại diện, đặc biệt là đại diện tại các công ty con hoặc công ty liên kết có vốn đầu tư lớn.
- » Đánh giá hiệu quả hoạt động của các chi nhánh để có phương án sắp xếp, kể cả biện pháp giải thể, chấm dứt hoạt động, hạch toán báo số tiến tới không còn mô hình đơn vị phụ thuộc nhưng hạch toán độc lập.

Về công tác đấu thầu, tìm kiếm việc làm.

- » Tăng cường công tác tiếp thị, đấu thầu, tìm kiếm việc làm để khai thác tối đa máy móc, thiết bị, lao động hiện có vẫn là mục tiêu số một của Tổng công ty trong giai đoạn hiện nay; xây dựng, củng cố lực lượng làm hồ sơ đấu thầu và chỉ tham gia đấu thầu các công trình có nguồn vốn rõ ràng; không ký các hợp đồng thi công công trình, dự án có giá thấp, khả năng thanh toán kém. Ưu tiên, chú trọng đấu thầu các công trình, dự án về thi công san nền, xử lý nền móng, hạ tầng, giao thông, thủy điện là thế mạnh, lợi thế cạnh tranh cốt lõi của LICOGI so với các doanh nghiệp cùng ngành nghề và các công trình, dự án do nước ngoài làm chủ đầu tư cũng như làm nhà thầu xây lắp.
- » Đẩy mạnh triển khai các Dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt tạo việc làm cho Tổng công ty và doanh nghiệp thành viên.
- » Đi sâu nghiên cứu, ứng dụng công nghệ mới về thi công xử lý nền móng (cọc khoan nhồi, tường vây...) nhằm nâng cao năng suất lao động, hạ giá thành và tăng khả năng cạnh tranh, nhất là đối với các công trình, dự án đòi hỏi kỹ thuật cao, địa chất phức tạp.
- » Khai thác triệt để máy móc, thiết bị hiện có để trích khấu hao tài sản, giải quyết việc làm cho người lao động nhưng phải đảm bảo không bị lỗ.
- » Đẩy mạnh công tác xuất khẩu lao động bằng việc tìm kiếm mở rộng thị trường xuất khẩu lao động, chuyển đổi, nâng cấp Chi nhánh Xuất khẩu lao động thành Công ty TNHH Một thành viên do LICOGI sở hữu 100% vốn Điều lệ.
- » Đối với các công trình trúng thầu, phải tổ chức thi công thật tốt, quản lý chặt chẽ, đảm bảo tiến độ, chất lượng, an toàn, hiệu quả, có tính chuyên nghiệp, tạo niềm tin đối với khách hàng, từng bước củng cố thương hiệu và uy tín của Licogi.



VỀ ĐỊNH HƯỚNG (TIẾP THEO)

Công tác tài chính

- » Tổ chức triển khai thực hiện chủ trương phát hành trái phiếu đầu tư Dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt của Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị LICOGI; tổ chức giám sát Công ty trong việc sử dụng trái phiếu đúng mục đích, có hiệu quả.
- » Quyết liệt trong công tác nghiệm thu, thanh quyết toán và thu hồi vốn; thành lập bộ phận thu hồi vốn dưới sự chỉ đạo của một Phó tổng giám đốc; đối với những khoản nợ lâu năm, khó đòi cần củng cố hồ sơ pháp lý đề nghị các cơ quan pháp luật can thiệp để thu hồi nợ.
- » Tiếp tục nâng cao chất lượng quản trị tài chính - kế toán, gắn với ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động, đảm bảo tăng cường tính minh bạch, phản ánh và cung cấp kịp thời, đúng tiến độ thông tin kế toán, quản trị hàng quý, 6 tháng và 01 năm theo yêu cầu và quy định đối với công ty đại chúng.
- » Tăng cường công tác quản lý giá thành, định mức kinh tế - kỹ thuật. Nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản lý ở tất cả các khâu, từ đấu thầu, quản lý hợp đồng, thi công, đến nghiệm thu, thanh - quyết toán, khuyến khích đổi mới, sáng tạo, cải tiến kỹ thuật nhằm kiểm soát tốt và tiết giảm chi phí. Hoàn chỉnh, ban hành quy chế quản lý các khoản đầu tư, góp vốn và giám sát tài chính; Quy định thu - chi nội bộ và quản lý công nợ, Quy trình tổ chức và quản lý mua sắm tập trung.



Công tác đầu tư phát triển, thanh lý tài sản.

- » Tập trung mọi nguồn lực đẩy nhanh tiến độ đầu tư các dự án về đô thị, nhà ở; chỉ đầu tư máy móc, thiết bị trong trường hợp thật sự cần thiết hoặc thuê ngoài.
- » Tổ chức thanh lý những thiết bị cũ nát, lạc hậu, chưa cần dùng, khó khai thác hiệu quả để bổ sung vốn phục vụ sản xuất kinh doanh và tái đầu tư đã được HĐQT Tổng công ty thông qua từ năm 2017 tại các Nghị quyết số 116/2017/NQ-HĐQT, ngày 18/5/2017 và Nghị quyết số 240/2017/NQ-HĐQT ngày 10/10/2017; việc thanh lý tài sản phải đảm bảo đúng các quy định của pháp luật.

Công tác tái cấu trúc, đổi mới phát triển doanh nghiệp

- » Quyết liệt trong việc thực hiện thoái vốn ở một số doanh nghiệp đã được ĐHCĐ thông qua nhằm đảm bảo cân đối tài chính của Tổng công ty để có nguồn trả nợ các khoản vay của các cá nhân, tổ chức và vốn cho sản xuất kinh doanh; trong đó ưu tiên cho các khoản vay của các cá nhân. Việc thoái vốn phải đảm bảo đúng các quy chế, quy định, trình tự thủ tục theo quy định của Chính phủ, đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả

Công tác quản trị rủi ro và kiểm toán nội bộ.

- » Thường xuyên rà soát để bổ sung, sửa đổi các quy chế, quy định, quy trình đã ban hành, xây dựng các quy chế mới phù hợp với quy định của pháp luật và hoạt động của LICOGI nhằm đảm bảo đủ công cụ hữu hiệu cho quản lý theo thông lệ và yêu cầu áp dụng với công ty đại chúng.
- » Nâng cao hiệu quả hoạt động của Phòng Kiểm toán nội bộ để tăng cường công tác kiểm tra, kiểm toán, giám sát nhằm phát hiện kịp thời để đề xuất, cảnh báo, ngăn ngừa rủi ro. Tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả khắc phục sau kiểm toán nội bộ.

Công tác phát triển thương hiệu LICOGI và quan hệ với các cổ đông.

- » Rà soát sổ tay thương hiệu và quy chế sử dụng thương hiệu LICOGI, gắn trách nhiệm của các doanh nghiệp trong hệ thống trong việc xây dựng và củng cố thương hiệu.
- » Tiếp tục quan tâm, củng cố mối quan hệ với cổ đông và công chúng đầu tư thông qua việc công bố thông tin kịp thời, minh bạch, đúng quy định.

05

BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát

Giao dịch và thù lao của HĐQT, BKS, BTGD



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

DANH SÁCH THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU HĐQT

STT	Họ và Tên	Chức danh	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	
			Cá nhân	Tỷ lệ (%)
1	Ông Dương Xuân Quang	Chủ tịch HĐQT	0	0
2	Ông Ưng Tiến Đỗ	Thành viên HĐQT (Đến 31/10/2018)	68,279	0.075
3	Ông Hoàng Quốc Quân	Thành viên HĐQT	0	0
4	Ông Nguyễn Thanh Hợp	Thành viên HĐQT	0	0
5	Ông Phan Thanh Hải	Thành viên HĐQT	0	0

CÁC CUỘC HỌP VÀ QUYẾT ĐỊNH CỦA HĐQT

Hoạt động của Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị thực hiện quy chế họp định kỳ hàng quý và đột xuất; trong năm 2018 đã tổ chức được 06 phiên họp, để trực tiếp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá các hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty. Quyết định các công việc định kỳ và các công việc phát sinh theo thẩm quyền như: phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh; phê duyệt các dự án đầu tư; báo cáo tài chính hàng quý, năm; kiện toàn cơ cấu nhân sự. Bên cạnh đó, để hoạt động kinh doanh của Tổng công ty được quyết đáp nhanh chóng, không bỏ lỡ thời cơ nhưng cũng vẫn đảm bảo yêu cầu quản trị độc lập, thận trọng, các thành viên HĐQT đã chủ động, trách nhiệm, tăng cường giải quyết công việc thông qua hội ý, trao đổi, xin ý kiến bằng văn bản và thư điện tử. Kết quả, HĐQT đã giải quyết và ký ban hành 162 Nghị quyết, quyết định.

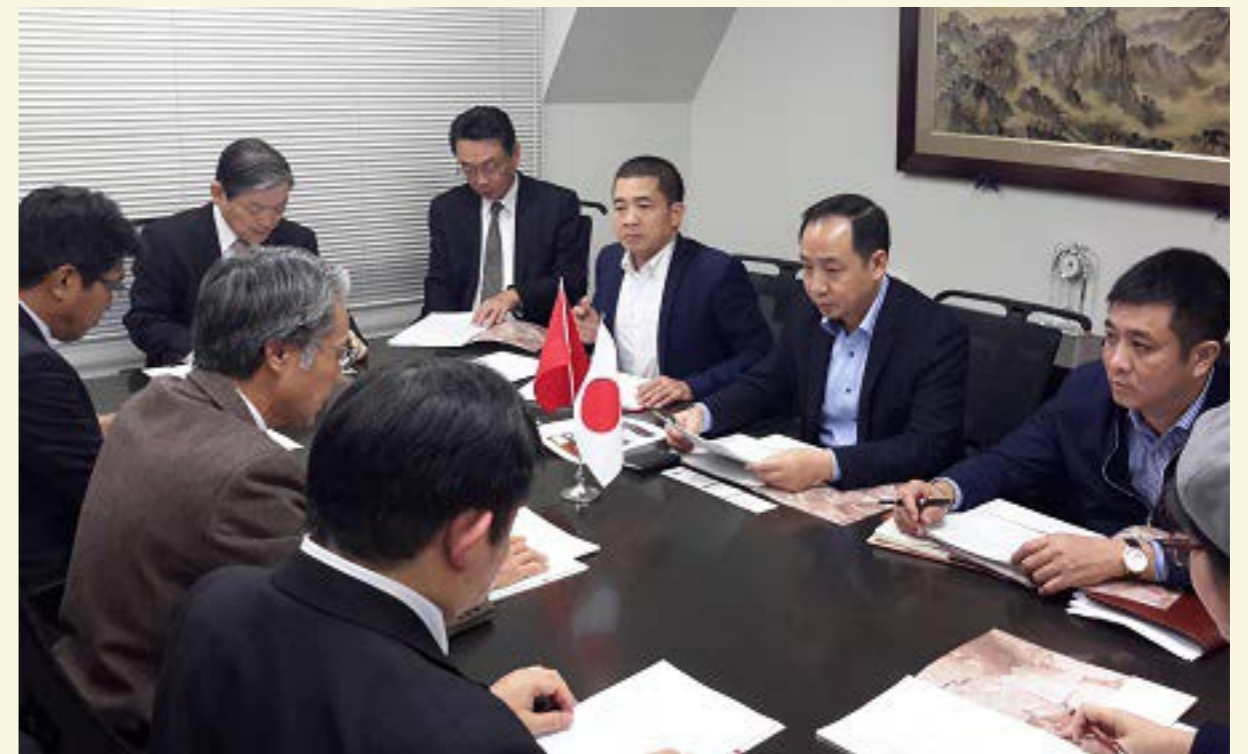
STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Dương Xuân Quang	Chủ tịch HĐQT	06	100%.	
2	Ông Phan Thanh Hải	Phó Chủ tịch HĐQT - TGĐ	06	100%.	
3	Ông Hoàng Quốc Quân	Thành viên HĐQT	06	100%.	
4	Ông Ưng Tiến Đỗ	Thành viên HĐQT	05	100%.	TV HĐQT đến 31/10/2018
5	Vũ Nguyễn Vũ	Thành viên HĐQT	04	100%.	TV HĐQT đến 23/10/2018
6	Ông Nguyễn Thanh Hợp	Thành viên HĐQT	02	100%.	TV HĐQT từ 23/10/2018

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HĐQT ĐỐI VỚI BTGD ĐƯỢC THỰC HIỆN:

- » Kiểm tra giám sát hồ sơ quyết toán năm 2018
- » Thực hiện kế hoạch SXKD năm 2018
- » Trong suốt nhiệm kỳ, HĐQT đã thực hiện nghiêm túc Nghị quyết của đại hội đồng cổ đông về các vấn đề mà đại hội giao phó.

CÁC NGHỊ QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CỦA HĐQT BAN HÀNH TRONG NĂM:

Trong năm 2018, Hội đồng quản trị đã ban hành tổng cộng 162 Nghị quyết và Quyết định



BAN KIỂM SOÁT

DANH SÁCH THÀNH VIÊN BKS

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu năm giữ	Tỷ lệ sở hữu
1	Bà Lê Thanh Huyền	Trưởng BKS	0	0
2	Bà Nguyễn Thị Khánh Phương	Thành viên BKS	200	200

TỔNG KẾT CÁC CUỘC HỌP VÀ NỘI DUNG CÁC CUỘC HỌP CỦA BKS

Trong năm 2018, BKS đã thực hiện 05 phiên họp với 100% số lượng thành viên tham dự. Ngoài ra các thành viên BKS còn thường xuyên trao đổi công việc qua điện thoại, email, ... để làm rõ những vấn đề chuyên môn liên quan và giải quyết kịp thời các công việc đột xuất.

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Bà Lê Thanh Huyền	Trưởng BKS	05	100%	
2	Ông Nguyễn Trường Sa	Thành viên BKS	01	100%	Từ nhiệm từ 06/2018
3	Bà Trần Thị Kim Hoa	Thành viên BKS	02	100%	Chuyển công tác từ 10/2018
4	Bà Nguyễn Thị Khánh Phương	Thành viên BKS	04	100%	Bổ nhiệm từ 06/2018

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BKS:

Kiểm soát công tác quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh sản xuất của HĐQT và BĐH đã tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ Tổng Công ty, Nghị quyết HĐQT. Đảm bảo kế hoạch SXKD được triển khai theo đúng mục tiêu chiến lược kế hoạch đã đưa ra trong các kỳ Đại hội và các cuộc họp của HĐQT. Các vấn đề mang tính chiến lược hoặc vấn đề lớn của Tổng Công ty đều được HĐQT thông qua các cuộc họp HĐQT và nhận được sự thống nhất rất cao từ các thành viên HĐQT. Giám sát việc thực thi công bố thông tin của Tổng Công ty theo các quy định của Luật Chứng khoán, xem xét tính minh bạch của quá trình công bố thông tin để đảm bảo quyền lợi của các cổ đông. Thực hiện nhiệm vụ giám sát,

Ban kiểm soát đã tham dự các cuộc họp HĐQT, kiểm tra các văn bản nội bộ của HĐQT, BTGD ban hành trong quá trình quản trị Công ty nhằm đảm bảo việc xây dựng các định hướng và chủ trương điều hành Tổng Công ty tuân thủ pháp luật và phù hợp với chủ trương của Đại hội cổ đông. Trong các cuộc họp, BKS tham gia ý kiến đóng góp với những nội dung về công tác SXKD, công tác đầu tư và một số công tác khác của Tổng Công ty.

Đối với cổ đông BKS không nhận được một khiếu nại nào của cổ đông về hoạt động của Tổng Công ty, về điều hành của HĐQT và Ban Tổng Giám Đốc.

KIẾN NGHỊ CỦA BKS

Để Tổng Công ty hoàn thành các chỉ tiêu năm 2019 được Đại hội đồng cổ đông thường niên biểu quyết thông qua, đồng thời tăng cường tính công khai, minh bạch, BKS đưa ra một số kiến nghị, giải pháp cụ thể như sau:

- » Tiếp tục nâng cao vai trò của Hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm đảm bảo sự tuân thủ các quy định, giảm thiểu sai sót, nguy cơ rủi ro tiềm ẩn trong SXKD;
- » Trong công tác điều hành, Ban Tổng Giám đốc cần có biện pháp thay đổi cấu vốn để nâng cao hiệu quả đầu tư, mang lại hiệu quả sản xuất hơn nữa cho Tổng Công ty.
- » Tăng cường công tác kiểm tra chất lượng dự án, tránh phát sinh sản phẩm lỗi phải bồi thường cho khách hàng.
- » Đẩy mạnh công tác đào tạo, huấn luyện và phát triển nguồn nhân lực, xây dựng chính sách cán bộ và luân chuyển cán bộ hợp lý, phù hợp với hiện tại và yêu cầu phát triển của Tổng Công ty.
- » Tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của BKS theo đúng quy định trên nguyên tắc phòng ngừa, hạn chế sai sót trong mọi hoạt động nhất là hoạt động tài chính.
- » Thường xuyên phối hợp giữa chính quyền và các tổ chức đoàn thể, công đoàn chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động, thực hiện tốt công tác thi đua khen thưởng và công tác xã hội.

PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA BKS ĐỐI VỚI 2019

Trong năm 2019, BKS tập trung vào các nhiệm vụ trọng tâm sau:

- » Tiếp tục kiểm tra, giám sát các hoạt động quản lý điều hành của Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, hợp lý, tính trung thực và cẩn trọng trong quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng cơ bản, quản lý vốn, vật tư, tài sản... của Tổng Công ty.
- » Thẩm định báo cáo tài chính 6 tháng và cả năm của Tổng Công ty : Kiểm tra và tính chính xác, trung thực, hợp pháp của việc ghi chép, lưu trữ chứng từ kế toán, báo cáo tài chính của Tổng Công ty;
- » Xem xét các kế hoạch, báo cáo của Tổng Công ty về: Tình hình tài chính, SXKD, đầu tư XDCB, các phương án phát triển, các công tác quản lý về tổ chức lao động, tiền lương, các chế độ khác liên quan đến công ty và tập thể người lao động ;
- » Tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và một số cuộc họp khác của Tổng Công ty;
- » Duy trì sự phối hợp chặt chẽ trong hoạt động giữa Ban kiểm soát với HĐQT, BTGD và các phòng ban trong Tổng Công ty với mục đích chung là thực hiện thắng lợi Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
- » Thực hiện các công tác khác theo chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát.

GIAO DỊCH, THÙ LAO

Lương, thưởng, thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị

Thù lao năm 2018 của HĐQT đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua (đối với 05 thành viên) là 1,596 triệu đồng/năm;

Chi phí hoạt động của HĐQT được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về chi phí quản lý doanh nghiệp.

Thù lao của Ban Kiểm soát

Thù lao của Ban Kiểm soát được chi trả theo đúng phê duyệt của ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 (đối với 03 thành viên) là 583.6 triệu đồng/ năm. (Đã có Nghị quyết miễn nhiệm thành viên BKS đối với bà Trần Thị Kim Hoa; việc bầu bổ sung thành viên BKS sẽ thực hiện tại ĐHĐCĐ thường niên 2019)

Lương, thưởng của Ban Tổng Giám đốc

Tiền lương, tiền thưởng của các thành viên trong Ban Tổng giám đốc được thực hiện theo đúng Quy chế trả lương của Tổng công ty.

Giao dịch với các bên có liên quan

Chi tiết các giao dịch và số dư trọng yếu được ghi tại trang 60, 61 trong Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018 của Tổng Công ty.



06

BÁO CÁO
PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Mục tiêu phát triển bền vững

Chỉ tiêu phát triển bền vững



CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



Năm 2018 Tổng Công ty tiếp tục tích cực thông qua các sáng kiến sử dụng tiết kiệm năng lượng điện và nước hiệu quả. Quán triệt cho toàn thể người lao động và công nhân viên ý thức tiết kiệm điện, nước tại cơ quan và gia đình: Tổng chi phí sử dụng điện năm 2018 giảm 7.21% chi phí sử dụng nước giảm 8.33% so với năm 2017.

Tổng Công ty đã chú trọng xây dựng các giải pháp và quy định sử dụng điện như:

- » Ngắt nguồn điện nếu không sử dụng các thiết bị khi hết giờ làm việc
- » Tận dụng tối đa ánh sáng và hệ thống thông gió tự nhiên
- » Chỉ sử dụng điều hòa khi nhiệt độ thật cần thiết
- » Nhiệt độ làm mát thấp nhất được cho phép là 25 độ C
- » Lựa chọn sử dụng, mua mới các thiết bị có hiệu suất năng lượng cao hơn theo nhãn tiết kiệm năng lượng khi buộc phải đầu tư, trang bị phương tiện, dụng cụ mới
- » Nghiên cứu thiết kế hệ thống tuần hoàn nước để giảm tiêu hao nước ở mức thấp nhất
- » Thường xuyên kiểm tra thiết bị máy móc, dây dẫn, thiết bị điện đảm bảo không rò rỉ, thất thoát và an toàn trong sản xuất

Trong năm Tổng công ty tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

- » Số lần bị xử phạt do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: 0
- » Tổng số tiền phạt do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: 0

CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

Xác định nguồn nhân lực là chìa khóa cốt lõi trong sự thành công của doanh nghiệp, Ban lãnh đạo luôn dành sự quan tâm thích đáng để duy trì và phát triển năng lực của mỗi cá nhân, từ đó tạo dựng sự vững chắc trong quá trình phát triển Tổng Công ty. Nhân sự Tổng Công ty chiếm đa số là công nhân lao động có kỹ thuật, đòi hỏi sức khỏe và làm việc trong môi trường nguy hiểm và độc hại, chính vì vậy số lượng lao động được đào tạo buộc phải chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu trình độ lao động của Tổng Công ty

Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe an toàn và phúc lợi của người lao động:

- Tổ chức mua bảo hiểm thân thể, Bảo hiểm tai nạn lao động 24/24h, Bảo hiểm y tế đầy đủ cho người lao động. Tổ chức phục vụ bữa ăn giữa ca đảm bảo chất lượng cho CBCNV làm việc ở cơ quan và trên công trường. Thường xuyên tổ chức học tập an toàn lao động trên công trình thi công, cung cấp, lắp đặt các biển báo an toàn trên công trường đặc biệt những vị trí nguy hiểm dễ xảy ra tai nạn lao động cho người và máy móc thiết bị.
- Trích quỹ phúc lợi thưởng cho CBNV nhân dịp Lễ, Tết.

Chính sách đào tạo

Nhân viên tại Tổng Công ty được chú trọng đào tạo nâng cao tay nghề và tham gia các hoạt động tập huấn, đảm bảo tiêu chuẩn lao động đáp ứng tốt nhất yêu cầu chuyên môn của công việc tại Tổng Công ty.

- Đào tạo cán bộ kỹ thuật, quản lý: 2,920 giờ
- Đào tạo phát triển kỹ năng, nâng cao tay nghề công nhân: 21,220 giờ

CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG, ĐỊA PHƯƠNG VÀ MÔI TRƯỜNG

Trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương là một trong những sứ mệnh của Tổng Công ty, Công ty hành động và luôn đồng hành cùng các hoạt động thiết thực với xã hội với mong muốn nâng cao tay nghề và trình độ chuyên môn của lực lượng lao động trẻ của đất nước, duy trì nghĩa vụ và trách nhiệm với cộng đồng địa phương nơi Doanh nghiệp có lợi ích hoạt động.

- Trong năm Tổng công ty đã tổ chức quyên góp được số tiền 279,301,000 đồng trong đó chuyển về địa phương là 143,200,000 đồng.



07

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo kiểm toán độc lập

Bảng cân đối kế toán

Báo cáo kết quả kinh doanh

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Bản thuyết minh báo cáo tài chính





TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Địa chỉ: Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mã số DN: 0100106440

Số: 245./2019/LICOGI-CBTT

Hà Nội, ngày 10 tháng 04 năm 2019

(V/v CBTT Báo cáo tài chính hợp nhất (đã được kiểm toán) năm 2018 của Tổng công ty LICOGI-CTCP)

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ

Digitally signed by TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP
DN: c=VN, st=HÀ NỘI, l=Thanh Xuân, cn=TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP, o.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0100106440
Date: 2019.04.10 18:13:41 +07'00'

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Kính gửi:

**Ủy ban chứng khoán Nhà nước
Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội**

Công ty:

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Địa chỉ trụ sở chính:

nhà G1, số 491 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Điện thoại:

043 8542 365

Fax:

043 8542 655

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Phan Thanh Hải

Địa chỉ: nhà G1, số 491 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Điện thoại: 0905955896

Loại thông tin công bố: 24 giờ 72 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Tổng công ty LICOGI-CTCP công bố thông tin Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 (đã được kiểm toán) và Giải trình biến động lợi nhuận.

(Có Báo cáo TC và Giải trình kèm theo).

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty vào ngày 10/04/2019 tại đường dẫn: <http://www.licogi.com.vn/>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như đề gửi;
- HĐQT, BKS (để b/c);
- Ban TGĐ (để biết);
- Lưu VP HĐQT.

**NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN
TỔNG GIÁM ĐỐC TỔNG CÔNG TY LICOGI-CTCP**



Phan Thanh Hải

Số: 244./CV-LICOGI

"V/v: Giải trình biến động lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2018 của BTCT hợp nhất sau kiểm toán và điều chỉnh hồi tố"

Hà Nội, ngày 10 tháng 4 năm 2019

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện Thông tư số 155/2010/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 về hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Tổng công ty LICOGI-CTCP giải trình kết quả kinh doanh của Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018 như sau:

1. Giải trình biến động lợi nhuận trước và sau kiểm toán năm 2018

Nội dung	ĐVT	Số liệu trước kiểm toán	Số liệu sau kiểm toán	Biến động (%)
		(Triệu đồng)	(Triệu đồng)	
Tổng doanh thu	Tr. đồng	2.831.354	2.775.620	-1,97%
Tổng chi phí	Tr. đồng	2.748.451	2.715.002	-1,22%
Lợi nhuận trước thuế	Tr. đồng	82.903	60.618	-26,88%
Thuế TNDN	Tr. đồng	10.711	14.091	31,56%
Lợi nhuận sau thuế	Tr. đồng	72.192	46.527	-35,55%

Lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018 sau kiểm toán giảm 25,66 tỷ đồng so với số trước kiểm toán chủ yếu do các nguyên nhân sau:

- Điều chỉnh hồi tố theo quyết định số 1456/QĐ-BXD ngày 12/11/2018 của Bộ xây dựng về quyết toán phần vốn nhà nước bàn giao sang công ty cổ phần.
- Kiểm toán viên điều chỉnh hồi tố giá vốn công trình thi công các năm trước tại Công ty Licogi 15 và Công ty Licogi 10.
- Một số công ty con, công ty liên kết điều chỉnh kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh sau kiểm toán.

2. Giải trình kết quả kinh doanh năm 2018 so với cùng kỳ năm 2017

Nội dung	Năm 2018	Năm 2017	Biến động (%)
	(Triệu đồng)	(Triệu đồng)	
Tổng doanh thu	2.737.251	2.707.899	1%
Tổng chi phí	2.680.413	2.763.793	-3%
Thu nhập khác	11.428	13.293	-14%
Chi phí khác	34.589	31.035	11%
Lợi nhuận trước thuế	60.618	(43.648)	239%
Thuế TNDN	14.091	12.980	9%
Lợi nhuận sau thuế	46.527	(56.628)	182%

Lợi nhuận trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018 tăng 103,155 tỷ đồng với cùng kỳ năm 2017 chủ yếu do các nguyên nhân sau:

- Doanh thu HĐTC tăng 35,15% chủ yếu do nhận lợi nhuận được chia từ Công ty TNHH Khu công nghiệp Thăng Long tăng so với cùng kỳ năm 2017;
- Lợi nhuận từ liên kết Công ty CP Thủy điện Bắc hà tăng so với cùng kỳ năm 2017.
- Tổng chi phí năm 2018 giảm 3% so với năm 2017

3. Giải trình hồi tố:

- Điều chỉnh dự phòng đầu tư tài chính 1,9 tỷ đồng vào Công ty CP Licogi 12 theo Quyết định 1456/QĐ-BXD ngày 12/11/2018 của Bộ Xây dựng về giá trị thực tế vốn tại thời điểm bàn giao Công ty mẹ-Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển hạ tầng sang Tổng Công ty Licogi-CTCP.
- Công ty Licogi 15 và Licogi 10 điều chỉnh hồi tố giá vốn một số công trình thi công từ những năm trước 2018

Theo đó, số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được điều chỉnh lại như sau:

Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất		Số liệu trên BCTC đã được kiểm toán năm trước	Số liệu điều chỉnh phân loại lại	Chênh lệch
Giá vốn hàng bán	11	2,378,571,023,761	2,361,509,471,183	(17,061,552,578)
Chi phí tài chính	22	156,284,342,946	158,212,411,138	1,928,068,192
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	(71,761,712,976)	(56,628,228,590)	15,133,484,386
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61	(66,389,065,481)	(57,091,059,130)	9,298,006,351
Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	62	(5,372,647,495)	462,830,540	5,835,478,035

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như đề gửi;
- Lưu TCKT, VP HĐQT



TỔNG GIÁM ĐỐC

TỔNG GIÁM ĐỐC
Phan Thanh Hải



Số: 243./CV-LICOGI

"V/v: Ý kiến kiểm toán ngoại trừ BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2018"

Hà Nội, ngày 10 tháng 4 năm 2019

**Kính gửi: - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Thực hiện Thông tư số 155/2010/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 về hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Ngày 30/8/2018 Tổng Công ty Licogi-CTCP đã thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC. Trên báo cáo tài chính kiểm toán giữa niên độ năm 2018, kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến ngoại trừ trên các cơ sở sau:

Tại Báo cáo kiểm toán số 060418.004/BCTC.KT2 ngày 06 tháng 04 năm 2018 về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Tổng Công ty Licogi - CTCP, Kiểm toán viên đã đưa ý kiến kiểm toán ngoại trừ về một số vấn đề. Các vấn đề này tiếp tục ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Tổng Công ty, cụ thể như sau:

1. Trong các năm trước, Tổng Công ty đã ghi nhận một phần doanh thu và giá vốn của Dự án Khu đô thị Nam Ga Hạ Long trên cơ sở nhận tiền trước. Cơ sở ghi nhận doanh thu này chưa phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - Doanh thu và thu nhập khác (VAS14) và Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp. Nếu Tổng Công ty hạch toán theo VAS 14 thì Doanh thu và giá vốn hàng bán tương ứng đối với dự án này trong năm 2017 tăng lên lần lượt là 38,5 tỷ đồng và 15,7 tỷ đồng. Lỗ kế toán trước thuế trong năm 2017 sẽ giảm đi khoảng 22,81 tỷ đồng.

Trong năm 2018, Tổng Công ty ghi nhận doanh thu và giá vốn của dự án này trong đó có một số lô đất đã được ghi nhận một phần doanh thu từ các kỳ trước. Nếu Tổng Công ty hạch toán theo VAS 14 thì Doanh thu và giá vốn hàng bán tương ứng của dự án này trong năm 2018 tăng lên lần lượt là 8,9 tỷ đồng và 7,3 tỷ đồng. Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm sẽ tăng lên khoảng 1,6 tỷ đồng.

2. Trong các năm trước, Tổng Công ty đã ghi nhận doanh thu của dự án bất động sản khu dân cư Licogi 17 trên cơ sở nhận tiền trả trước của khách hàng. Cơ sở ghi nhận doanh thu này chưa tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán số 14 - Doanh thu và thu nhập khác (VAS14) và Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Nếu Tổng Công ty hạch toán theo VAS 14 thì tại ngày 31/12/2017 số dư "Người mua trả tiền trước ngắn hạn" sẽ tăng 21,1 tỷ đồng, "Hàng tồn kho - Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang" của dự án này sẽ tăng lên 14,2 tỷ đồng và "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" tại ngày 31/12/2017 sẽ giảm khoảng 6,9 tỷ đồng.

Trong năm 2018, Tổng Công ty đã ghi nhận doanh thu của dự án bất động sản khu dân cư Licogi 17 trong đó một phần đã được ghi nhận doanh thu từ các kỳ trước. Nếu Tổng Công ty hạch toán theo VAS 14 thì Doanh thu và giá vốn hàng bán tương ứng của dự án này trong



năm 2018 tăng lên lần lượt là 21,1 tỷ đồng và 14,2 tỷ đồng. Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm sẽ tăng lên khoảng 6,9 tỷ đồng.

3. Tính đến thời điểm 31/12/2017, Tổng Công ty đã thực hiện vốn hóa lãi vay vào khoản mục "Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn" của dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt với tổng giá trị lũy kế là 290,31 tỷ đồng. Kiểm toán viên không thể thu thập thông tin cần thiết để xác định giá trị chi phí lãi vay đã được vốn hóa vào dự án này theo Chuẩn mực kế toán số 16 - Chi phí đi vay (VAS 16).

Ngoài ra, trong năm 2016, trước khi bàn giao dự án sang Công ty con, Tổng Công ty đã tính toán lại chi phí lãi vay của các năm trước và ghi nhận vốn hóa lãi vay cho dự án này vào tài khoản đối ứng "Phải trả ngắn hạn khác" một khoản là 87,46 tỷ đồng (thuyết minh số 21). Việc hạch toán này chưa tuân thủ theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 - "Chi phí đi vay" (VAS16), nếu Tổng Công ty ghi nhận theo VAS16, thì khoản mục chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn và khoản mục phải trả ngắn hạn khác sẽ giảm 87,46 tỷ đồng.

Trong năm 2018, Tổng Công ty tiếp tục vốn hóa lãi vay vào khoản mục "Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn" của dự án này với tổng giá trị là 51,03 tỷ đồng, nâng tổng giá trị vốn hóa lãi vay lũy kế của dự án này tính đến 31/12/2018 là 341,34 tỷ đồng. Chúng tôi không thể thu thập thông tin cần thiết để xác định giá trị chi phí lãi vay đã được vốn hóa vào dự án này theo Chuẩn mực kế toán số 16 - Chi phí đi vay (VAS 16).

4. Tại ngày 31/12/2017, Tổng Công ty đang theo dõi trên khoản mục "Chi phí phải trả ngắn hạn" hạng mục xây dựng bãi tắm của dự án C8 mở rộng số tiền khoảng 4,2 tỷ đồng dựa trên dự toán kinh phí được phê duyệt từ năm 2004. Do hạng mục bãi tắm này đã đình trệ từ lâu, Tổng Công ty chưa xác định thời điểm thực hiện và chi phí ước tính có thể điều chỉnh để xây dựng bãi tắm này.

5. Tại ngày 31/12/2017 và 31/12/2018, tại các công ty con của Tổng Công ty đang ghi nhận một số khoản nợ phải thu mà kiểm toán viên không đánh giá được tính hiện hữu, chính xác và đầy đủ của các khoản nợ phải thu này. Cụ thể: Tại Công ty Licogi 15 nợ phải thu là 46,06 tỷ đồng và 84,29 tỷ đồng, Tại Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước nợ phải thu là 3,69 tỷ đồng và 6,22 tỷ đồng.

Tại ngày 31/12/2017, một số Công ty con của Tổng Công ty (bao gồm: Công ty Cổ phần Licogi 9, Công ty Cổ phần Licogi 17) chưa trích lập đầy đủ các khoản dự phòng phải thu khó đòi cho khoản mục "Phải thu ngắn hạn của khách hàng", "Phải thu ngắn hạn khác" theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC về hướng dẫn chế độ trích lập các khoản dự phòng (TT228). Nếu các đơn vị này trích lập dự phòng đầy đủ các khoản dự phòng các khoản phải thu khó đòi theo đúng hướng dẫn tại TT 228 thì khoản mục "Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi" tại ngày 31/12/2017 sẽ tăng lên 17,06 tỷ đồng và "Lợi nhuận kế toán trước thuế" sẽ tăng lên 17,06 tỷ đồng.

Trong năm 2018, một số khoản công nợ phải thu khó đòi đã tăng tuổi nợ tại một số Công ty con của Tổng Công ty (bao gồm Công ty Cổ phần Licogi 9 và Công ty Cổ phần Licogi 17, Công ty Cổ phần Licogi 10). Tuy nhiên Tổng Công ty chưa trích lập dự phòng bổ sung với tổng số tiền là 4,87 tỷ đồng. Nếu các đơn vị này trích lập dự phòng đầy đủ các khoản dự phòng các khoản phải thu khó đòi theo đúng hướng dẫn tại TT 228 thì "Lợi nhuận kế toán trước thuế" trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất sẽ giảm đi 4,87 tỷ đồng.

3106
3 CÔ
OGI-
XUÂN

6. Tại ngày 31/12/2017 và 31/12/2018, Tổng Công ty đang ghi nhận một số khoản nợ phải trả nhưng kiểm toán viên không thể thu thập được các tài liệu cần thiết để xác định tính hiện hữu, chính xác và đầy đủ của các khoản nợ phải trả này, cụ thể như sau:

- Tại Công ty mẹ là 48,06 tỷ đồng;
- Tại Công ty Licogi 2 là 13,94 tỷ đồng;
- Tại Công ty Licogi 15 là 118,96 tỷ đồng và 134,14 tỷ đồng ;
- Tại Công ty Lắp máy Điện nước là 5,55 tỷ đồng và 14,45 tỷ đồng.

7. Kiểm toán viên không thể thực hiện được đủ các thủ tục kiểm toán cần thiết để xác định tính hiện hữu của hàng tồn kho tại ngày 31/12/2017 của Công ty Cổ phần Licogi 15 với tổng giá trị hàng tồn kho khoảng 36,026 tỷ đồng.

Kiểm toán viên cũng không thể thu thập đủ bằng chứng để đánh giá tính hiện hữu của các tài sản cố định đang trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 và năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty Cổ phần Licogi 20 với số tiền là 32,25 tỷ đồng và 30,31 tỷ đồng.

Mặt khác, Công ty Licogi 20 không thực hiện ghi nhận chi phí khấu hao tài sản cố định vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm với số tiền 5,88 tỷ đồng. Nếu Tổng Công ty ghi nhận bổ sung các chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp" sẽ giảm đi số tiền tương ứng.

Trong năm 2018, Kiểm toán viên không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán cần thiết để xác định tính hiện hữu của hàng tồn kho tại ngày 31/12/2018 của Công ty Cổ phần Licogi 10, Công ty Cổ phần Licogi 15 với tổng giá trị hàng tồn kho là 82,26 tỷ đồng.

8. Tại ngày 31/12/2017, Công ty con - Công ty Cổ phần Licogi 15 của Tổng Công ty chưa ghi nhận khoản phạt vi phạm, phạt chậm nộp các loại thuế và chi phí lãi vay phải trả ngân hàng và các đối tượng khác tính đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2017. Trong năm 2018, Công ty Cổ phần Licogi 15 tiếp tục chưa ghi nhận bổ sung các khoản phạt vi phạm, phạt chậm nộp thuế cũng như cũng như các khoản chi phí lãi vay phát sinh trong năm 2018. Chúng tôi không thể thu thập được các bằng chứng kiểm toán để xác định chi phí lãi vay phải trả nêu trên nên chúng tôi không thể xác định được các điều chỉnh cần thiết liên quan đến lãi/(lỗ) trong báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

Công ty Licogi 10 chưa ghi nhận khoản lãi vay phát sinh trong năm 2018 từ các khoản vay cá nhân với số tiền 326 triệu đồng vào chi phí trong năm. Nếu ghi nhận đầy đủ khoản lãi vay này thì chi phí lãi vay năm 2018 sẽ tăng lên và lợi nhuận trước thuế sẽ giảm đi số tiền tương ứng.

Trong năm 2018, Kiểm toán viên không tiếp cận được với các tài liệu, hồ sơ ghi nhận doanh thu phát sinh tại Công ty Licogi 20 của một số công trình đang được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất với số tiền 18,55 tỷ đồng, chúng tôi không thể xác định liệu có cần điều chỉnh các chỉ tiêu doanh thu, công nợ phải thu và các chỉ tiêu liên quan khác trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.

140-
IG T
CTC
I-TP H

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung các thông tin công bố. ✓

Nơi nhận:

- Như đề gửi;
- Lưu TCKT, VP HĐQT



TỔNG GIÁM ĐỐC

TỔNG GIÁM ĐỐC
Phan Thanh Hải



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-08
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	09-63
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	09-11
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	12
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	13-14
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	15-63
Phụ lục 01: Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn	64-70
Phụ lục 02: Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn	71-75

M.S.D.V

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty LICOGI - CTCP (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

CÔNG TY

Tổng Công ty LICOGI - CTCP tiền thân là Tổng Công ty Xây dựng Nền móng và Kỹ thuật Hạ tầng được thành lập theo Quyết định số 998/BXD-TCLĐ ngày 20/11/1995 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, là doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Xây dựng. Tổng Công ty chuyển đổi mô hình trở thành công ty cổ phần theo Quyết định số 2243/QĐ-TTg ngày 11/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cổ phần hóa Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng - Công ty TNHH MTV. Theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100106440 thay đổi lần thứ 3 ngày 31/12/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Tổng Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần đổi tên từ Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng - Công ty TNHH MTV thành Tổng Công ty LICOGI - CTCP với vốn điều lệ là 900.000.000.000 đồng. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100106440 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 24/11/2010, thay đổi lần thứ 7 ngày 11/01/2018.

Trụ sở chính của Tổng Công ty được đặt tại: Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Dương Xuân Quang	Chủ tịch	Quyết định nghỉ hưu ngày 25/12/2018
Ông Phan Thanh Hải	Ủy viên	
Ông Ung Tiến Đỗ	Ủy viên	Quyết định nghỉ hưu ngày 20/11/2018
Ông Hoàng Quốc Quân	Ủy viên	
Ông Vũ Nguyên Vũ	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 23/10/2018
Ông Nguyễn Thanh Hợp	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 23/10/2018

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phan Thanh Hải	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 11/01/2018
Ông Dương Xuân Quang	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 11/01/2018
Ông Nguyễn Danh Quân	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phùng Văn Thanh	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 07/06/2018
Ông Lê Khắc Duy	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phan Đức Hùng	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Phan Lan Anh	Phó Tổng Giám đốc	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Lê Thanh Huyền	Trưởng ban	
Bà Trần Thị Kim Hoa	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 19/07/2018
Bà Nguyễn Thị Khánh Phương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27/06/2018
Ông Nguyễn Trường Sa	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 27/06/2018

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Phan Thanh Hải
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2019

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty LICOGI - CTCP**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty LICOGI - CTCP được lập ngày 31 tháng 03 năm 2019, từ trang 09 đến trang 63, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại Báo cáo kiểm toán số 060418.004/BCTC.KT2 ngày 06 tháng 04 năm 2018 về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Tổng Công ty Licogi - CTCP, Kiểm toán viên đã đưa ý kiến kiểm toán ngoại trừ về một số vấn đề. Các vấn đề này tiếp tục ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Tổng Công ty, cụ thể như sau:

Dự án khu đô thị Nam Ga Hạ Long và dự án Bất động sản Khu dân cư Licogi 17

Trong các năm trước, Tổng Công ty đã ghi nhận một phần doanh thu và giá vốn của Dự án Khu đô thị Nam Ga Hạ Long trên cơ sở nhận tiền trước. Cơ sở ghi nhận doanh thu này chưa phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - Doanh thu và thu nhập khác (VAS14) và Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp. Nếu Tổng Công ty hạch toán theo VAS 14 thì Doanh thu và giá vốn hàng bán tương ứng đối với dự án này trong năm 2017 tăng lên lần lượt là 38,5 tỷ đồng và 15,7 tỷ đồng. Lỗ kế toán trước thuế trong năm 2017 sẽ giảm đi khoảng 22,81 tỷ đồng.

Trong năm 2018, Tổng Công ty ghi nhận doanh thu và giá vốn của dự án này trong đó có một số lô đất đã được ghi nhận một phần doanh thu từ các kỳ trước. Nếu Tổng Công ty hạch toán theo VAS 14 thì Doanh thu và giá vốn hàng bán tương ứng của dự án này trong năm 2018 tăng lên lần lượt là 8,9 tỷ đồng và 7,3 tỷ đồng. Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm sẽ tăng lên khoảng 1,6 tỷ đồng.

Trong các năm trước, Tổng Công ty đã ghi nhận doanh thu của dự án bất động sản khu dân cư Licogi 17 trên cơ sở nhận tiền trả trước của khách hàng. Cơ sở ghi nhận doanh thu này chưa tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán số 14 - Doanh thu và thu nhập khác (VAS14) và Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Nếu Tổng Công ty hạch toán theo VAS 14 thì tại ngày 31/12/2017 số dư "Người mua trả tiền trước ngắn hạn" sẽ tăng 21,1 tỷ đồng, "Hàng tồn kho - Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang" của dự án này sẽ tăng lên 14,2 tỷ đồng và "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" tại ngày 31/12/2017 sẽ giảm khoảng 6,9 tỷ đồng.

Trong năm 2018, Tổng Công ty đã ghi nhận doanh thu của dự án bất động sản khu dân cư Licogi 17 trong đó một phần đã được ghi nhận doanh thu từ các kỳ trước. Nếu Tổng Công ty hạch toán theo VAS 14 thì Doanh thu và giá vốn hàng bán tương ứng của dự án này trong năm 2018 tăng lên lần lượt là 21,1 tỷ đồng và 14,2 tỷ đồng. Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm sẽ tăng lên khoảng 6,9 tỷ đồng.

Dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt

Tính đến thời điểm 31/12/2017, Tổng Công ty đã thực hiện vốn hóa lãi vay vào khoản mục "Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn" của dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt với tổng giá trị lũy kế là 290,31 tỷ đồng. Kiểm toán viên không thể thu thập thông tin cần thiết để xác định giá trị chi phí lãi vay đã được vốn hóa vào dự án này theo Chuẩn mực kế toán số 16 - Chi phí đi vay (VAS 16).

Ngoài ra, trong năm 2016, trước khi bàn giao dự án sang Công ty con, Tổng Công ty đã tính toán lại chi phí lãi vay của các năm trước và ghi nhận vốn hóa lãi vay cho dự án này vào tài khoản đối ứng "Phải trả ngắn hạn khác" một khoản là 87,46 tỷ đồng (thuyết minh số 21). Việc hạch toán này chưa tuân thủ theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 - "Chi phí đi vay" (VAS16), nếu Tổng Công ty ghi nhận theo VAS16, thì khoản mục chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn và khoản mục phải trả ngắn hạn khác sẽ giảm 87,46 tỷ đồng.

Trong năm 2018, Tổng Công ty tiếp tục vốn hóa lãi vay vào khoản mục "Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn" của dự án này với tổng giá trị là 51,03 tỷ đồng, nâng tổng giá trị vốn hóa lãi vay lũy kế của dự án này tính đến 31/12/2018 là 341,34 tỷ đồng. Chúng tôi không thể thu thập thông tin cần thiết để xác định giá trị chi phí lãi vay đã được vốn hóa vào dự án này theo Chuẩn mực kế toán số 16 - Chi phí đi vay (VAS 16).

Dự án khu đô thị mới C5-C8 và C8 mở rộng

Tại ngày 31/12/2017, Tổng Công ty đang theo dõi trên khoản mục "Chi phí phải trả ngắn hạn" hạng mục xây dựng bãi tắm của dự án C8 mở rộng số tiền khoảng 4,2 tỷ đồng dựa trên dự toán kinh phí được phê duyệt từ năm 2004. Do hạng mục bãi tắm này đã đình trệ từ lâu, Tổng Công ty chưa xác định thời điểm thực hiện và chi phí ước tính có thể điều chỉnh để xây dựng bãi tắm này.

Các khoản công nợ phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Tại ngày 31/12/2017 và 31/12/2018, tại các công ty con của Tổng Công ty đang ghi nhận một số khoản nợ phải thu mà kiểm toán viên không đánh giá được tính hiện hữu, chính xác và đầy đủ của các khoản nợ phải thu này. Cụ thể: Tại Công ty Licogi 15 nợ phải thu là 46,06 tỷ đồng và 84,29 tỷ đồng, Tại Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước nợ phải thu là 3,69 tỷ đồng và 6,22 tỷ đồng.

Tại ngày 31/12/2017, một số Công ty con của Tổng Công ty (bao gồm: Công ty Cổ phần Licogi 9, Công ty Cổ phần Licogi 17) chưa trích lập đầy đủ các khoản dự phòng phải thu khó đòi cho khoản mục "Phải thu ngắn hạn của khách hàng", "Phải thu ngắn hạn khác" theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC và hướng dẫn chế độ trích lập các khoản dự phòng (TT228). Nếu các đơn vị này trích lập dự phòng đầy đủ các khoản dự phòng các khoản phải thu khó đòi theo đúng hướng dẫn tại TT 228 thì khoản mục "Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi" tại ngày 31/12/2017 sẽ tăng lên 17,06 tỷ đồng và "Lợi nhuận kế toán trước thuế" sẽ tăng lên 17,06 tỷ đồng.

Trong năm 2018, một số khoản công nợ phải thu khó đòi đã tăng tuổi nợ tại một số Công ty con của Tổng Công ty (bao gồm Công ty Cổ phần Licogi 9 và Công ty Cổ phần Licogi 17, Công ty Cổ phần Licogi 10). Tuy nhiên Tổng Công ty chưa trích lập dự phòng bổ sung với tổng số tiền là 4,87 tỷ đồng. Nếu các đơn vị này trích lập dự phòng đầy đủ các khoản dự phòng các khoản phải thu khó đòi theo đúng hướng dẫn tại TT 228 thì "Lợi nhuận kế toán trước thuế" trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất sẽ giảm đi 4,87 tỷ đồng.

Các khoản công nợ phải trả

Tại ngày 31/12/2017 và 31/12/2018, Tổng Công ty đang ghi nhận một số khoản nợ phải trả nhưng kiểm toán viên không thể thu thập được các tài liệu cần thiết để xác định tính hiện hữu, chính xác và đầy đủ của các khoản nợ phải trả này, cụ thể như sau:

- Tại Công ty mẹ là 48,06 tỷ đồng;
- Tại Công ty Licogi 2 là 13,94 tỷ đồng;
- Tại Công ty Licogi 15 là 118,96 tỷ đồng và 134,14 tỷ đồng ;
- Tại Công ty Lắp máy Điện nước là 5,55 tỷ đồng và 14,45 tỷ đồng.

Hàng tồn kho và tài sản cố định

Kiểm toán viên không thể thực hiện được đủ các thủ tục kiểm toán cần thiết để xác định tính hiện hữu của hàng tồn kho tại ngày 31/12/2017 của Công ty Cổ phần Licogi 15 với tổng giá trị hàng tồn kho khoảng 36,026 tỷ đồng.

Kiểm toán viên cũng không thể thu thập đủ bằng chứng để đánh giá tính hiện hữu của các tài sản cố định đang trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 và năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty Cổ phần Licogi 20 với số tiền là 32,25 tỷ đồng và 30,31 tỷ đồng.

Mặt khác, Công ty Licogi 20 không thực hiện ghi nhận chi phí khấu hao tài sản cố định vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm với số tiền 5,88 tỷ đồng. Nếu Tổng Công ty ghi nhận bổ sung các chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp" sẽ giảm đi số tiền tương ứng.

Trong năm 2018, Kiểm toán viên không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán cần thiết để xác định tính hiện hữu của hàng tồn kho tại ngày 31/12/2018 của Công ty Cổ phần Licogi 10, Công ty Cổ phần Licogi 15 với tổng giá trị hàng tồn kho là 82,26 tỷ đồng.

Một số sai sót khác

Tại ngày 31/12/2017, Công ty con - Công ty Cổ phần Licogi 15 của Tổng Công ty chưa ghi nhận khoản phạt vi phạm, phạt chậm nộp các loại thuế và chi phí lãi vay phải trả ngân hàng và các đối tượng khác tính đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2017. Trong năm 2018, Công ty Cổ phần Licogi 15 tiếp tục chưa ghi nhận bổ sung các khoản phạt vi phạm, phạt chậm nộp thuế cũng như cũng như các khoản chi phí lãi vay phát sinh trong năm 2018. Chúng tôi không thể thu thập được các bằng chứng kiểm toán để xác định chi phí lãi vay phải trả nêu trên nên chúng tôi không thể xác định được các điều chỉnh cần thiết liên quan đến lãi/(lỗ) trong báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

Công ty Licogi 10 chưa ghi nhận khoản lãi vay phát sinh trong năm 2018 từ các khoản vay cá nhân với số tiền 326 triệu đồng vào chi phí trong năm. Nếu ghi nhận đầy đủ khoản lãi vay này thì chi phí lãi vay năm 2018 sẽ tăng lên và lợi nhuận trước thuế sẽ giảm đi số tiền tương ứng.

Trong năm 2018, Kiểm toán viên không tiếp cận được với các tài liệu, hồ sơ ghi nhận doanh thu phát sinh tại Công ty Licogi 20 của một số công trình đang được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất với số tiền 18,55 tỷ đồng, chúng tôi không thể xác định liệu có cần điều chỉnh các chỉ tiêu doanh thu, công nợ phải thu và các chỉ tiêu liên quan khác trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.

Ý kiến Kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được nêu tại đoạn "Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty LICOGI - CTCP tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

1. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, tổng nợ ngắn hạn của Tổng công ty vượt quá tài sản ngắn hạn là 1.470 tỷ đồng, lỗ lũy kế trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất là 505,73 tỷ đồng chiếm 56,2% vốn điều lệ của Tổng Công ty. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty tin tưởng rằng Tổng Công ty sẽ thực hiện tái cấu trúc Tổng Công ty theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 và năm 2018, đồng thời có thể huy động được nguồn vốn từ các tổ chức tín dụng và từ các nguồn khác để thanh toán các khoản nợ đến hạn (nếu cần thiết) và duy trì nguồn vốn lưu động cần thiết để tiếp tục hoạt động trong tương lai gần. Những sự kiện này cùng với các vấn đề khác nêu tại Thuyết minh số 2.3 cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn về khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty. Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Tổng Công ty vẫn được trình bày trên cơ sở giả định về khả năng hoạt động liên tục.

2. Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến thuyết minh số 2.3 - Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất, theo Quyết định số 1456/QĐ-BXD ngày 12 tháng 11 năm 2018 về giá trị thực tế vốn Nhà nước tại thời điểm bàn giao Công ty mẹ - Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển hạ tầng thành Tổng Công ty Licogi - CTCP, do một số vướng mắc liên quan đến quy định pháp lý liên quan đến khoản chi phí cơ hội theo hợp đồng hợp tác kinh doanh dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị mới Thịnh Liệt giữa Tổng Công ty và Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khu Đông và tình hình thực tế triển khai dự án nên giá trị quyết toán bàn giao không bao gồm chi phí cơ hội. Chi phí cơ hội này sẽ được tính riêng sau khi có ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính Phủ và Tổng Công ty có trách nhiệm nộp trực tiếp về Quỹ hỗ trợ và Phát triển doanh nghiệp sau khi được xác định chính thức.

Các vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến kiểm toán ngoại trừ nêu trên của chúng tôi.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



[Handwritten signature]

[Handwritten signature]

Vũ Xuân Biên

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

Nguyễn Tuấn Anh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1369-2018-002-1

Hà Nội, ngày 10 tháng 04 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		2.044.410.235.536	2.200.781.778.635
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	108.777.989.204	147.359.473.718
111	1. Tiền		77.014.593.664	110.580.326.893
112	2. Các khoản tương đương tiền		31.763.395.540	36.779.146.825
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	20.817.658.400	20.330.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		20.817.658.400	20.330.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.168.217.017.599	1.248.748.426.779
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	1.091.358.112.798	1.092.703.252.986
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	76.032.850.332	87.180.144.308
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	13.803.740.010	15.353.740.010
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	335.770.091.816	406.145.500.823
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(348.747.777.357)	(352.634.211.348)
140	IV. Hàng tồn kho	10	717.764.836.582	755.070.160.518
141	1. Hàng tồn kho		735.172.438.723	779.237.872.051
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(17.407.602.141)	(24.167.711.533)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		28.832.733.751	29.273.717.620
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	15	5.636.352.596	3.623.618.599
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		22.433.589.673	24.876.855.969
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	18	762.791.482	773.243.052

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

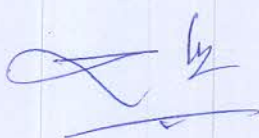
Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		2.383.991.552.128	2.194.892.700.638
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		166.108.699.108	166.331.569.902
212	1. Trả trước cho người bán dài hạn	6	165.000.000.000	165.000.000.000
216	2. Phải thu dài hạn khác	8	1.108.699.108	1.331.569.902
220	II. Tài sản cố định		461.660.515.249	497.523.509.935
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	434.097.206.422	469.924.710.708
222	- Nguyên giá		1.535.428.447.214	1.518.917.498.767
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.101.331.240.792)	(1.048.992.788.059)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	27.563.308.827	27.598.799.227
228	- Nguyên giá		29.335.455.521	29.335.455.521
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.772.146.694)	(1.736.656.294)
230	III. Bất động sản đầu tư	14	2.663.302.754	2.663.302.754
231	- Nguyên giá		2.745.140.454	2.745.140.454
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(81.837.700)	(81.837.700)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	11	1.036.175.743.442	869.350.777.211
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		985.646.601.990	830.960.484.504
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		50.529.141.452	38.390.292.707
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	675.729.332.111	619.070.437.329
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		632.973.233.083	578.453.499.878
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		63.010.545.400	59.260.545.400
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(20.254.446.372)	(18.643.607.949)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		41.653.959.464	39.953.103.507
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	15	40.958.846.445	39.953.103.507
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		695.113.019	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		4.428.401.787.664	4.395.674.479.273

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

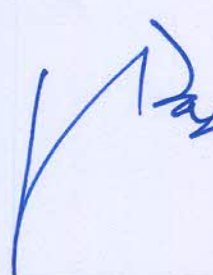
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		3.948.646.073.181	3.944.293.386.010
310	I. Nợ ngắn hạn		3.514.938.278.211	3.296.818.735.819
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	832.622.789.362	846.486.770.315
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17	293.138.569.025	438.474.808.936
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	165.788.856.091	173.559.823.949
314	4. Phải trả người lao động		75.671.832.091	73.492.230.602
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	155.136.598.412	185.587.282.607
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	20	-	7.774.053.343
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	21	170.941.817.109	146.509.949.279
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	22	1.813.117.457.758	1.403.715.875.535
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	23	1.398.278.975	3.173.101.386
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		7.122.079.388	18.044.839.867
330	II. Nợ dài hạn		433.707.794.970	647.474.650.191
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	20	2.103.806.149	1.633.991.983
337	2. Phải trả dài hạn khác	21	321.087.610.790	318.842.406.184
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	22	102.605.579.536	318.968.590.350
341	4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		2.141.720.208	2.291.338.821
342	5. Dự phòng phải trả dài hạn	23	5.769.078.287	5.738.322.853
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		479.755.714.483	451.381.093.263
410	I. Vốn chủ sở hữu	24	479.755.714.483	451.381.093.263
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		900.000.000.000	900.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		900.000.000.000	900.000.000.000
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu		10.121.718.651	10.121.718.651
416	3. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		(99.173.978.319)	(99.173.978.319)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		75.950.358.181	67.747.616.740
420	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		2.083.295.470	2.083.295.470
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(505.733.367.514)	(524.400.198.897)
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(535.713.192.533)	(467.309.139.767)
421b	LNST chưa phân phối năm nay		29.979.825.019	(57.091.059.130)
429	8. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		96.507.688.014	95.002.639.618
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		4.428.401.787.664	4.395.674.479.273


Lê Thị Thanh Nội
Người lập

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2019



Nguyễn Anh Dũng
Kế toán trưởng
Phan Thanh Hải
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2018

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	26	2.601.068.030.086	2.606.759.252.234
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		879.005.046	306.883.963
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.600.189.025.040	2.606.452.368.271
11	4. Giá vốn hàng bán	27	2.325.126.542.284	2.361.509.471.183
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		275.062.482.756	244.942.897.088
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	28	137.061.528.697	101.446.980.095
22	7. Chi phí tài chính	29	112.421.025.433	158.212.411.138
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		109.385.952.427	141.986.916.271
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		26.941.137.205	29.988.228.677
25	9. Chi phí bán hàng	30	43.501.312.922	50.348.290.415
26	10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	31	199.363.932.269	193.722.686.301
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		83.778.878.034	(25.905.281.994)
31	12. Thu nhập khác	32	11.428.243.025	13.292.535.767
32	13. Chi phí khác	33	34.589.294.140	31.035.255.578
40	14. Lợi nhuận khác		(23.161.051.115)	(17.742.719.811)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		60.617.826.919	(43.648.001.805)
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	34	14.935.619.096	12.784.763.512
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		(844.731.632)	195.463.273
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>46.526.939.455</u>	<u>(56.628.228.590)</u>
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		29.979.825.019	(57.091.059.130)
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		16.547.114.436	462.830.540
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	35	333	(634)

Lê Thị Thanh Nội

Người lập

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2019

Nguyễn Anh Dũng

Kế toán trưởng

Phan Thanh Hải

Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤTNăm 2018
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		60.617.826.919	(43.648.001.805)
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		72.920.731.616	83.811.635.208
03	- Các khoản dự phòng		(10.779.771.937)	45.292.645.632
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(152.910.101)	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(166.356.329.655)	(137.063.245.675)
06	- Chi phí lãi vay		109.385.952.427	141.986.916.271
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		65.635.499.269	90.379.949.631
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		86.000.619.026	(318.925.724.801)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(110.620.684.158)	(52.783.693.542)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải)		(207.413.278.231)	305.529.128.778
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(3.018.476.935)	5.495.117.934
14	- Tiền lãi vay đã trả		(84.725.897.914)	(126.655.489.743)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(19.010.276.400)	(10.052.012.666)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		18.667.118	-
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(18.100.838.767)	(15.121.019.151)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(291.234.666.992)	(122.133.743.560)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(54.539.030.738)	(67.639.534.471)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		7.995.405.508	3.916.069.624
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(20.487.658.400)	(161.330.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		21.550.000.000	150.310.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(28.328.596.000)	-
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		133.424.490.699	101.589.425.163
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		59.614.611.069	26.845.960.316
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		2.614.080.267.474	2.632.703.981.484
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(2.421.041.696.065)	(2.585.220.715.667)
35	3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	(7.352.348.853)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		193.038.571.409	40.130.916.964
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(38.581.484.514)	(55.156.866.280)

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi,
Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2018
(Theo phương pháp gián tiếp)

60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		147.359.473.718	202.516.339.998
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>108.777.989.204</u>	<u>147.359.473.718</u>



Lê Thi Thanh Nội
Người lập

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2019



Nguyễn Anh Dũng
Kế toán trưởng



Phan Thanh Hải
Tổng Giám đốc

11
ĐANG
HIỆN
KIỂM
A
KIỂM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2018

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty LICOGI - CTCP tiền thân là Tổng Công ty Xây dựng Nền móng và Kỹ thuật Hạ tầng được thành lập theo Quyết định số 998/BXD-TCLĐ ngày 20/11/1995 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, là doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Xây dựng. Tổng Công ty chuyển đổi mô hình trở thành công ty cổ phần theo Quyết định số 2243/QĐ-TTg ngày 11/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cổ phần hóa Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng - Công ty TNHH MTV. Theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100106440 thay đổi lần thứ 3 ngày 31/12/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Tổng Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần đổi tên từ Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng - Công ty TNHH MTV thành Tổng Công ty LICOGI - CTCP với vốn điều lệ là 900.000.000.000 đồng. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100106440 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 24/11/2010, thay đổi lần thứ 7 ngày 11/01/2018.

Trụ sở chính của Tổng Công ty được đặt tại: Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo đăng ký là 900.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 900.000.000.000 đồng; tương đương 90.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh chính của Tổng Công ty là thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng và phát triển kinh doanh các dự án bất động sản.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty chủ yếu là:

- Thi công xây lắp: các công trình ngầm, các công trình thủy lợi (đê, đập, kênh mương, hồ chứa nước, hệ thống tưới tiêu, ống dẫn, trạm bơm), thủy điện, nhiệt điện, bu-đi-ên, cấp thoát nước, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, các công trình đường dây, trạm biến áp điện, thi công và xử lý nền móng các loại công trình, khoan nổ mìn (Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Đầu tư kinh doanh phát triển các dự án về nhà ở, khu đô thị, khu công nghiệp, đầu tư và kinh doanh phát triển hạ tầng kỹ thuật, đầu tư xây dựng các công trình điện và kinh doanh điện thương phẩm; đầu tư và kinh doanh dịch vụ văn phòng, khách sạn, nhà nghỉ, du lịch và dịch vụ vui chơi giải trí, quản lý và khai thác các dịch vụ tổng hợp tại các khu đô thị mới, khu dân cư tập trung;
- Thi công xây lắp và tổng thầu thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông (đường bộ, cầu đường sắt, cầu đường bộ, sân bay, bến cảng, nhà ga, đường hầm);
- Nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ mới trong lĩnh vực xây dựng, tổ chức đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng cán bộ quản lý, công nhân kỹ thuật chuyên ngành, giáo dục định hướng đưa lao động và chuyên gia Việt Nam đi làm có thời hạn ở nước ngoài;
- Sản xuất kinh doanh và kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm cơ khí, vật tư, máy móc, thiết bị, nguyên nhiên liệu, các chủng loại vật liệu xây dựng, công nghệ xây dựng;
- Tư vấn đầu tư xây dựng bao gồm: quy hoạch, lập và thẩm định, dự án đầu tư xây dựng, khảo sát địa hình, địa chất công trình, địa chất thủy văn, thiết kế, lập tổng dự toán các công trình xây dựng, quản lý dự án, giám sát kỹ thuật thi công, tư vấn đấu thầu và hợp đồng kinh tế về thiết kế, thi công, xây lắp, cung cấp vật tư thiết bị; thí nghiệm, kiểm định chất lượng công trình (không bao gồm tư vấn pháp luật).

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi,
Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh đối với các hoạt động xây dựng và kinh doanh bất động sản của Tổng Công ty có chu kỳ sản xuất kinh doanh thường kéo dài trên 12 tháng. Các hoạt động khác có chu kỳ kinh doanh thường kéo dài dưới 12 tháng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nh

Trong năm 2018, một số đơn vị thành viên của Tổng Công ty hoạt động hiệu quả, đem lại nguồn lợi nhuận lớn trên báo cáo tài chính của các đơn vị thành viên. Điều này làm cho kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tổng Công ty cải thiện đáng kể so với cùng kỳ năm trước

Cấu trúc Tập đoàn

- Tổng Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2018 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh	Hà Nội	51,85%	51,85%	Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng
Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi	Hà Nội	89,06%	89,06%	Sản xuất, kinh doanh sản phẩm cơ khí
Công ty Cổ phần Tư vấn Licogi	Hà Nội	60,00%	60,00%	Tư vấn đầu tư xây dựng
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9 (Licogi 9)	Đông Nai	51,00%	51,00%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty Cổ phần Licogi Quảng Ngãi	Quảng Ngãi	64,77%	64,77%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 10 (Licogi 10)	Đà Nẵng	57,71%	57,71%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty Cổ phần Licogi 15	Thanh Hóa	64,65%	64,65%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty Cổ phần Licogi 17	Hải Dương	56,33%	56,33%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20 (Licogi 20)	Hà Nội	92,58%	92,58%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước - Licogi	Hà Nội	89,82%	89,92%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2 (Licogi 2)	Quảng Ninh	100,00%	100,00%	Kinh doanh bất động sản
Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi	Hà Nội	100,00%	100,00%	Kinh doanh bất động sản

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi,
Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Công ty con cấp 2

- **Tổng Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2018 bao gồm:**

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vật liệu Xây dựng Đông Anh 6 <i>(Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh)</i>	Hòa Bình	28,22%	54,42%	Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển và Vật liệu Xây dựng Đông Anh số 9 <i>(Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh)</i>	Phú Thọ	26,44%	51,00%	Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng
Công ty Cổ phần Licogi 9.2 <i>(Công ty con của Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9)</i>	Đông Nai	40,45%	79,31%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng

- **Tổng Công ty có các công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát quan trọng được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2018 bao gồm:**

Công ty liên kết

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà	Lào Cai	44,11%	44,11%	Sản xuất và kinh doanh điện
Công ty Cổ phần Licogi 14	Phú Thọ	26,42%	26,42%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty Cổ phần Licogi 19	Hà Nội	22,62%	22,62%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bình Long <i>(Công ty liên kết của Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9)</i>	Bình Phước	20,40%	40,00%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vật liệu xây dựng Đông Anh 8 <i>(Công ty liên kết của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh)</i>	Hung Yên	23,63%	45,58%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng

Công ty liên doanh

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Khu Công nghiệp Thăng Long <i>(Công ty liên doanh của Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh - Công ty Liên doanh Sản xuất vật liệu xây dựng Hà Nam)</i>	Hà Nội	37,41%	42,00%	Kinh doanh bất động sản
Công ty Liên doanh Sản xuất vật liệu xây dựng Hà Nam <i>(Công ty liên doanh của Công ty Cổ phần Licogi 15)</i>	Hà Nam	48,48%	75,00%	Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi,
Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI TỔNG CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tổng Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Trong giai đoạn Cổ phần hóa từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2015, Tổng Công ty lập báo cáo tài chính phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và xử lý tài chính theo quy định tại Nghị định số 116/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính Phủ về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển đổi doanh nghiệp 100% vốn Nhà Nước thành Công ty cổ phần và Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/09/2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển đổi doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty Cổ phần.

Tổng Công ty chính thức trở thành Công ty Cổ phần từ ngày 31 tháng 12 năm 2015. Tại ngày lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018, Tổng Công ty đã nhận được phê duyệt từ các cơ quan có thẩm quyền theo Quyết định số 1456/QĐ-BXD ngày 12 tháng 11 năm 2018 về giá trị thực tế vốn Nhà nước tại thời điểm bàn giao Công ty mẹ - Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển hạ tầng thành Tổng Công ty Licoji - CTCP và đã thực hiện điều chỉnh hồi tố số liệu trên báo cáo tài chính. Thông tin về nội dung và các khoản mục điều chỉnh hồi tố được Tổng Công ty trình bày tại thuyết minh số 41 - "Số liệu so sánh".

Tuy nhiên, do một số vướng mắc liên quan đến quy định pháp lý liên quan đến khoản chi phí cơ hội theo hợp đồng hợp tác kinh doanh dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị mới Thịnh Liệt giữa Tổng Công ty - Công ty mẹ và Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khu Đông và tình hình thực tế triển khai dự án nên giá trị quyết toán bàn giao không bao gồm chi phí cơ hội. Chi phí cơ hội này sẽ được tính riêng sau khi có ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính Phủ và Tổng Công ty - Công ty mẹ có trách nhiệm nộp trực tiếp về Quỹ hỗ trợ và Phát triển doanh nghiệp sau khi được xác định chính thức.

Tại ngày 31/12/2018, tổng nợ ngắn hạn của Tổng công ty vượt quá tài sản ngắn hạn là 1.470 tỷ đồng, lỗ lũy kế trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất là 505,73 tỷ đồng chiếm 56,2% vốn điều lệ. Những vấn đề này là dấu hiệu cho thấy sự không chắc chắn mang tính chất trọng yếu về khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty mẹ tin tưởng rằng Tổng Công ty sẽ thực hiện tái cấu trúc Tổng Công ty theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 và năm 2018, đồng thời có thể huy động được nguồn vốn từ các tổ chức tín dụng và từ các nguồn khác để thanh toán các khoản nợ đến hạn (nếu cần thiết) và duy trì nguồn vốn lưu động cần thiết để tiếp tục hoạt động trong tương lai gần. Do đó, báo cáo tài chính hợp nhất cho năm 2018 của Tổng Công ty được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tổng Công ty.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.7 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

05-
TY
HUUH
STO
3C
-TP-

2.8 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng công trình chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Tài sản cố định khác	03 - 05 năm
- Phần mềm quản lý và tài sản cố định vô hình khác	03 - 05 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất không có thời hạn không tính khấu hao.

2.10 . Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, trước ngày 01/01/2015 được tính trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng tương tự như các tài sản khác, kể từ ngày 01/01/2015 không thực hiện trích khấu hao.

2.11 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

2.12 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.13 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được phân bổ dần tối đa không quá 3 năm.

2.14 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

2.15 . Vay

Các khoản vay theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo đối chi tiết theo nguyên tệ.

2.16 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.17 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả chi phí lãi tiền vay phải trả, trích trước chi phí các công trình xây dựng... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.18 . Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính, cụ thể:

- Đối với sản phẩm đúc, Tổng Công ty trích lập dự phòng bảo hành tương ứng với 0,25% doanh thu thực hiện trong thời gian bảo hành quy định tại từng hợp đồng cụ thể.
- Đối với sản phẩm công trình giàn không gian, Tổng Công ty trích lập dự phòng bảo hành tương ứng với 0,25% doanh thu đã thực hiện của các công trình đã hoàn thành, bàn giao và quyết toán xong trong thời gian bảo hành quy định tại từng hợp đồng cụ thể và từ 1% đến 4% doanh thu cho một số công trình có tính chất đặc thù.
- Đối với sản phẩm công trình lắp nhôm, kính, Tổng Công ty trích lập dự phòng bảo hành tương ứng với 0,41% và 0,5% doanh thu đã thực hiện của các công trình đã hoàn thành bàn giao và quyết toán xong trong thời gian bảo hành quy định tại từng hợp đồng cụ thể.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng tỷ lệ dự phòng bảo hành nêu trên đã xây dựng trên cơ sở ước tính hợp lý, phù hợp với nghĩa vụ bảo hành phát sinh thực tế tại Tổng Công ty và theo các quy định hiện hành.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm tài chính trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở năm báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm.

2.19 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản, khoản tiền nhận trước của hoạt động xuất khẩu lao động của Tổng công ty.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.20 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Chênh lệch đánh giá lại tài sản được phản ánh trong các trường hợp: khi có quyết định của Nhà nước về đánh giá lại tài sản, khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước, và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Tổng Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Tổng Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tổng Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tổng Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Tổng Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Tổng Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.21 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Tổng Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Trường hợp bán hàng hóa bất động sản theo hình thức khách hàng tự hoàn thiện hoặc Tổng Công ty hoàn thiện theo yêu cầu của khách hàng thì được ghi doanh thu khi hoàn thành bàn giao phần xây thô cho khách

Đối với bất động sản phân lô bán nền đã chuyển giao nền đất cho khách hàng, Tổng Công ty được ghi nhận doanh thu với phần nền đất đã bán khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng đất cho người mua;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán nền đất;
- Tổng Công ty đã thu hoặc chắc chắn thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán nền đất.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.22 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

2.23 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.24 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

105
NG T
NHỆM
G KIẾ
AA
ANK

2.25 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

- a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang năm sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành (hoặc thuế suất dự tính thay đổi trong tương lai nếu việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả nằm trong thời gian thuế suất mới có hiệu lực), dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

- b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Tổng Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với hoạt động kinh doanh chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

2.26 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tổng Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.27 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Tổng Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tổng Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi,
Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

2.28 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Tổng Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Tổng Công ty một cách toàn diện.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền mặt	11.254.299.017	17.120.607.603
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	65.760.294.647	93.459.719.290
Các khoản tương đương tiền	31.763.395.540	36.779.146.825
	<u>108.777.989.204</u>	<u>147.359.473.718</u>

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
- Tiền gửi có kỳ hạn	20.817.658.400	20.817.658.400	20.330.000.000	20.330.000.000
	<u>20.817.658.400</u>	<u>20.817.658.400</u>	<u>20.330.000.000</u>	<u>20.330.000.000</u>

(*) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 06 tháng đến 01 năm được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,6%/năm đến 5,1%/năm

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

b) Đầu tư góp vốn vào Công ty liên doanh, liên kết

	31/12/2018			01/01/2018		
	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
						Giá trị ghi số theo phương pháp Vốn chủ sở hữu VND
Đầu tư vào công ty liên kết						349.325.660.604
- Công ty Cổ phần Licogi 14	Phú Thọ	26,42%	26,42%	Phú Thọ	26,42%	38.298.200.087
- Công ty Cổ phần Licogi 19	Hà Nội	22,62%	22,62%	Hà Nội	22,62%	2.009.338.056
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bình Long	Bình Phước	20,40%	40,00%	Bình Phước	20,40%	14.644.973.451
- Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà (*)	Lào Cai	44,11%	44,11%	Lào Cai	44,09%	285.310.454.344
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Vật liệu Xây dựng Đông Anh 8	Hưng Yên	23,63%	45,58%	Hưng Yên	23,63%	5.312.694.666
- Công ty Cổ phần Khách Phong Niên				Quảng Ngãi	20,83%	3.750.000.000
Đầu tư vào công ty liên doanh						229.127.839.274
- Công ty TNHH Khu Công nghiệp Thăng Long	Hà Nội	37,41%	42,00%	Hà Nội	37,41%	229.127.839.274
						578.453.499.878

(*) Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà đang ghi nhận chi phí phạt chậm nộp các khoản thuế các năm trước với số tiền khoảng 4 tỷ đồng vào kết quả kinh doanh năm 2018 mà không thực hiện điều chỉnh hồi tố vào kết quả kinh doanh các kỳ trước dẫn đến kết quả kinh doanh năm 2018 của Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà giảm đi số tiền tương ứng. Mặt khác, Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà chưa ghi nhận khoản lãi chậm trả có thể phát sinh do chậm thanh toán cho Công ty Cổ phần Licogi 18 do các bên chưa thống nhất được số liệu.

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty liên doanh, liên kết trong năm: Xem thuyết minh số 40 .

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCF

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Mã CK	31/12/2018		01/01/2018			
		Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào đơn vị khác		63.010.545.400	28.495.334.700	(20.254.446.372)	59.260.545.400	16.333.131.843	(18.643.607.949)
- Công ty Cổ phần Licogi 12	L12	7.895.068.192	2.386.800.000	(5.508.268.192)	7.895.068.192	3.401.190.000	(4.493.878.192)
- Công ty Cổ phần Licogi 13	L13	25.001.671.600	10.598.534.700	(14.403.136.900)	25.001.671.600	11.413.806.600	(13.587.865.000)
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18	L18	10.530.000.000	14.580.000.000	-	10.530.000.000	-	-
- Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkdrinh		13.753.805.608	(*)	-	13.753.805.608	-	-
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí IDICO	PXL	780.000.000	930.000.000	-	780.000.000	690.000.000	(90.000.000)
- Công ty Cổ phần Xây dựng Vinashin - Licogi		1.000.000.000	(*)	(85.673.179)	1.000.000.000	785.503.344	(214.496.656)
- Công ty Cổ phần Quản lý dự án và Xây dựng Licogi		300.000.000	(*)	(257.368.101)	300.000.000	42.631.899	(257.368.101)
- Công ty Cổ phần Gạch Phong Niên (1)		3.750.000.000	(*)	-	-	-	-
		63.010.545.400	28.495.334.700	(20.254.446.372)	59.260.545.400	16.333.131.843	(18.643.607.949)

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá đóng của các cổ phiếu này tại thời điểm 01/01/2018 và 31/12/2018.

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

(1) Trong năm 2018, Công ty Cổ phần gạch Phong Niên tăng vốn điều lệ từ 18 tỷ đồng lên 21 tỷ đồng dẫn đến tỷ lệ kiểm soát của Tổng Công ty giảm từ 20,83% xuống 17,85%. Do đó, khoản đầu tư này được phân loại sang khoản đầu tư dài hạn khác.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi,
Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
BQLDA Nhà máy Thủy điện Sơn La	18.911.229.000	-	39.981.066.639	-
Ban Quản lý Dự án Thủy điện 1 Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkđrinh	70.463.462.337	-	146.650.212.125	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkđrinh	106.894.875.842	-	88.597.615.310	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 8	21.261.594.839	(21.261.594.839)	21.261.594.839	(21.261.594.839)
Công ty Cổ phần Thực phẩm Miền Bắc	15.682.331.835	(15.662.726.396)	15.662.726.396	(15.662.726.396)
Công ty Cổ phần Xây lắp và Bất động sản Điện lực Dầu khí Việt Nam	12.572.632.461	(12.572.632.461)	12.572.632.461	(12.572.632.461)
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch	8.266.093.861	-	7.497.042.065	-
Các khoản phải thu khách hàng của COMETCO sau khi sáp nhập vào Licogi 2	11.557.564.409	(11.557.564.409)	11.557.564.409	(11.557.564.409)
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	5.842.915.873	-	11.685.831.746	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà	4.802.304.866	(1.486.008.779)	41.726.637.004	(1.486.008.779)
Công ty Cổ phần thép Hòa Phát Dung Quất	191.952.299.921	-	-	-
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Hạ tầng và Khai thác mỏ Tân Việt Bắc	12.398.365.185	-	-	-
Phải thu khách hàng khác	610.752.442.369	(78.768.243.251)	695.510.329.992	(105.670.621.193)
	<u>1.091.358.112.798</u>	<u>(141.308.770.135)</u>	<u>1.092.703.252.986</u>	<u>(168.211.148.077)</u>
b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan				
	<u>5.802.304.866</u>	<u>(1.486.008.779)</u>	<u>41.950.637.004</u>	<u>(1.486.008.779)</u>

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 40)

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

 Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi,
 Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn				
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Vĩnh Sáng	-	-	12.040.000.000	-
Công ty Cổ phần Cơ khí XL & TM Hải Thanh	4.402.202.184	-	-	-
Trả trước cho người bán khác	71.630.648.148	(12.193.921.779)	75.140.144.308	(7.315.452.179)
	<u>76.032.850.332</u>	<u>(12.193.921.779)</u>	<u>87.180.144.308</u>	<u>(7.315.452.179)</u>
b) Dài hạn				
Công ty TNHH Đầu tư và Tư vấn Hải Dương (1)	165.000.000.000	-	165.000.000.000	-
	<u>165.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>165.000.000.000</u>	<u>-</u>
c) Trả trước cho người bán là các bên liên quan				
	<u>3.695.789.577</u>	<u>-</u>	<u>3.695.789.577</u>	<u>-</u>

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 40)

(1) Đây là số tiền ứng trước cho Công ty TNHH Đầu tư và Tư vấn Hải Dương theo hợp đồng số 18A/2017/HĐ-QLDA ngày 21/06/2017 với mục đích để Công ty TNHH Đầu tư và Tư vấn Hải Dương đứng ra thay mặt Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi thực hiện giải phóng mặt bằng tại khu đô thị Thịnh Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội.

7 . PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Chi tiết tho đối tượng cho vay				
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vật liệu xây dựng Đông Anh 8	13.803.740.010	-	15.353.740.010	-
	<u>13.803.740.010</u>	<u>-</u>	<u>15.353.740.010</u>	<u>-</u>
b) Phải thu về cho vay là các bên liên quan				
	<u>13.803.740.010</u>	<u>-</u>	<u>15.353.740.010</u>	<u>-</u>

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 40)
Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản cho vay ngắn hạn:

Khoản vay ngắn hạn hỗ trợ vay vốn giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh và Công ty Cổ phần Đầu tư và Vật liệu Xây dựng Đông Anh 8 - Công ty liên kết. Khoản vay theo hình thức tín chấp, áp dụng lãi suất cho vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

 Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi,
 Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

8 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về cổ phần hóa	4.546.324.785	(3.624.299.293)	4.983.508.081	(3.624.299.293)
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	2.207.520.000	-	1.245.249.521	-
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	884.142.754	-	-	-
Phải thu người lao động	3.670.823.407	-	4.881.408.412	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	3.710.096	-	634.898.754	-
Tạm ứng	121.739.598.926	(37.550.487.315)	112.839.665.665	(25.034.897.454)
Ký cược, ký quỹ	8.588.864.270	-	10.601.534.896	-
Phải thu Ban QLDA KĐT Thịnh Liệt (1)	56.934.490.382	(54.986.617.577)	56.287.587.081	(54.986.617.577)
Phải thu khác của COMETCO khi sáp nhập vào Licogi 2	27.423.400.314	(27.423.400.314)	27.423.400.314	(27.423.400.314)
Phải thu BĐH Nhà máy công nghiệp tàu thủy Dung Quất	25.493.403.949	(25.493.403.949)	25.977.490.444	(25.493.403.949)
Phải thu liên quan đến Dự án Thủy điện Cẩm Thủy 2	6.079.942.000	(6.079.942.000)	6.079.942.000	(6.079.942.000)
Phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư - Xây dựng Licogi 9.1 (2)	18.241.013.260	(5.472.303.979)	18.512.222.910	(2.776.813.437)
Phải thu từ chủ đầu tư mới của Dự án KĐT M Yên Thanh (3)	7.282.374.751	-	46.872.815.615	-
Phải thu khác	52.674.482.922	(34.614.631.017)	89.805.777.130	(31.688.237.068)
	335.770.091.816	(195.245.085.444)	406.145.500.823	(177.107.611.092)
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	1.108.699.108	-	1.331.569.902	-
	1.108.699.108	-	1.331.569.902	-
c) Phải thu khác là các bên liên quan				
	4.579.718.912	-	4.454.407.118	-

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 40)

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi,
Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

(1) Khoản mục này là khoản mục tạm ứng cho Ban Quản lý Dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt trong quá trình thực hiện dự án. Dự án này ban đầu do Tổng Công ty - Công ty mẹ thực hiện nhưng sau đó đã được chuyển giao sang cho công ty con - Công ty TNHH Nhà ở và Đô thị Licogi từ ngày 20 tháng 7 năm 2016. Ban Tổng Giám đốc đánh giá khả năng thu hồi của khoản tạm ứng này là thấp nên đã trích lập dự phòng 100% đối với các khoản tạm ứng đã tồn đọng từ lâu.

(2) Khoản phải thu tại Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9 liên quan tới số tiền Công ty Cổ phần Đầu tư - Xây dựng Licogi 9.1 còn phải trả cho Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9 liên quan đến việc chuyển nhượng Dự án KĐT Licogi tại Cà Mau trong năm 2012 với tổng giá trị hợp đồng chuyển nhượng là 67 tỷ đồng. Khoản phải thu này đã quá hạn nhiều năm tuy nhiên Tổng Công ty mới bắt đầu trích lập dự phòng cho khoản phải thu này từ năm 2017 và số trích lập lũy kế đến 31/12/2018 là 5,5 tỷ đồng.

(3) Dự án Khu đô thị mới Yên Thanh, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh do Công ty Licogi 2 thực hiện và đã bị Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ninh thu hồi theo quyết định số 4011/QĐ-UBND ngày 16/12/2015. Theo quyết định này, các chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng sẽ được bồi hoàn bởi chủ đầu tư mới là Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Tân Thành với số tiền được xác định là 46.872.815.615 đồng và sẽ được thanh toán khi Tổng Công ty bàn giao toàn bộ các hồ sơ liên quan đến dự án và đối chiếu kinh phí đã đầu tư vào dự án. Trong năm 2018, Công ty đã thu hồi được phần lớn khoản bồi thường này, số dư còn phải thu tại 31/12/2018 là 7.282.374.751 đồng.

9 . NỢ XẤU

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 8	21.261.594.839	-	21.261.594.839	-
- Công ty Cổ phần Thực phẩm Miền Bắc	15.662.726.396	-	15.662.726.396	-
- Công ty CP Xây lắp BĐS Điện lực dầu khí Việt Nam	12.572.632.461	-	12.572.632.461	-
- Ban điều hành công nghiệp tàu thủy Dung Quất	25.493.403.949	-	25.493.403.949	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư - Xây dựng Licogi 9.1	18.241.013.260	12.768.709.281	18.512.222.910	15.735.409.473
- Phải thu BQL Dự án KĐT Thịnh Liệt	56.934.490.382	1.947.872.805	56.287.587.081	1.300.969.504
- Các khoản khác	231.410.204.010	18.111.705.854	267.319.880.615	47.439.457.926
	381.576.065.297	32.828.287.940	417.110.048.251	64.475.836.903

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi,
Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

10 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	17.095.699.842	-	5.518.375.434	-
Nguyên liệu, vật liệu	109.106.781.367	(3.358.256.805)	114.461.499.177	(4.356.955.156)
Công cụ, dụng cụ	6.563.868.501	-	6.594.822.113	(15.586.977)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	519.039.427.555	(13.466.172.071)	560.928.296.438	(18.245.453.694)
Thành phẩm	81.971.181.875	(583.173.265)	91.235.088.924	(1.439.337.173)
Hàng hoá	1.395.479.583	-	499.789.965	(110.378.533)
	735.172.438.723	(17.407.602.141)	779.237.872.051	(24.167.711.533)

(*) Chi phí SXKD dở dang là chi phí phát sinh của các công trình đang trong quá trình xây dựng dở dang hoặc chi phí của các sản phẩm dở dang. Chi tiết như sau:

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Dự án KĐTMT C5	11.230.909.091	11.230.909.091
Dự án KĐTMT Đồi T5	58.757.086.271	14.529.699.375
Dự án KĐTMT Nam Ga Hạ Long (1)	58.291.145.773	86.131.761.439
Dự án 423 Minh Khai	2.158.762.956	1.015.486.336
Dự án Khu dân cư Licogi 17 (2)	-	22.253.064.685
Công trình Thủy điện ĐắkĐrinh	28.390.205.657	31.164.163.033
Công trình Trụ sở Công an TP HCM	25.232.122.536	25.232.122.536
Công trình Đường sắt đô thị Ba Son	12.775.661.365	21.653.526.636
Công trình Thủy điện Đakre	10.951.659.000	12.813.730.864
Các công trình và sản phẩm dở dang khác	311.251.874.906	334.903.832.443
	519.039.427.555	560.928.296.438

(1) Dự án KĐTMT Nam Ga Hạ Long, Quảng Ninh hiện nay do Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi 2 thuộc Tổng Công ty thực hiện: Tính đến ngày 31/12/2017, Tổng Công ty đã ghi nhận doanh thu của Dự án Khu đô thị Nam Ga Hạ Long với tổng doanh thu lũy kế đến thời điểm 31/12/2017 là 154,96 tỷ đồng trong đó có một phần doanh thu được ghi nhận trên cơ sở nhận tiền trước. Trong năm 2018, Tổng Công ty tiếp tục ghi nhận doanh thu của dự án bất động sản này với tổng doanh thu và giá vốn lần lượt là 87,64 tỷ đồng và 61,04 tỷ đồng, lợi nhuận là 26,6 tỷ đồng.

(2) Dự án Khu dân cư Licogi 17 do Công ty Cổ phần Licogi 17 thực hiện: Trong các năm trước, Tổng Công ty đã ghi nhận tổng doanh thu cho Dự án này khoảng 21,1 tỷ đồng dựa trên số tiền thanh toán trước từ khách hàng. Chi phí tương ứng với doanh thu nói trên là 14,2 tỷ đồng và được ghi nhận vào giá vốn hàng bán từ các năm trước. Năm nay dự án này đã hoàn thành và bàn giao cho khách hàng nên không còn số dư.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi,
Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

11 . TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN**a) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn**

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn là chi phí dở dang của các dự án công trình xây dựng, các dự án bất động sản của Tổng Công ty trong quá trình xây dựng mà có thời hạn thực hiện và luân chuyển trên 12 tháng. Chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn trình bày theo các dự án như sau:

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Dự án KĐTMT Thịnh Liệt (do Công ty Nhà ở và Đô thị Licogi thực hiện) (1)	981.057.030.676	981.057.030.676	826.370.913.190	826.370.913.190
Dự án Thủy điện Cẩm Thủy 2	4.589.571.314	4.589.571.314	4.589.571.314	4.589.571.314
	985.646.601.990	985.646.601.990	830.960.484.504	830.960.484.504

b) Xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	50.529.141.452	38.390.292.707
- Công trình xây dựng Trụ sở làm việc và văn phòng cho thuê tại Lô E7 đường Phạm Hùng (2)	9.671.801.536	9.647.644.263
- Chi phí đền bù hỗ trợ tư vấn đất nông nghiệp (3)	7.084.709.941	7.084.709.941
- Dự án mỏ đá Cà Ty	10.673.582.161	11.435.664.696
- Dự án dây chuyền làm khuôn đúc phụ tùng công nghệ ALPHASET	-	648.634.967
- Đầu tư mở rộng quy mô, nâng cao năng lực sản xuất nhôm định hình tại Nhà máy nhôm Đông Anh	20.876.736.542	317.914.000
- Chi phí xây dựng dở dang khác	2.222.311.272	9.255.724.840
	50.529.141.452	38.390.292.707

Ghi chú:

(1) Dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới Thịnh Liệt - Quận Hoàng Mai với quy mô 351.422 m² có chức năng chính là các khu ở đáp ứng cho số lượng dân khoảng 9.000 người, được nghiên cứu quy hoạch bao gồm: Biệt thự, nhà vườn; Nhà ở cao tầng; Công trình hỗn hợp; Công trình công cộng, Công trình công cộng đơn vị ở: thương mại dịch vụ, câu lạc bộ, đoàn thể, trụ sở hành chính; Trường học; Đường giao thông; Bãi đỗ xe; Cây xanh.

Dự án được Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội ra quyết định cấp phép đầu tư xây dựng vào ngày 17/09/2007 cho Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng sau đó được chuyển giao lần lượt cho Tổng Công ty Licogi - CTCP và Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi.

Trong quá trình thi công, dự án được Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội phê duyệt chủ trương công tác đầu tư và phê duyệt tiến độ thực hiện dự án làm 2 giai đoạn:

- Giai đoạn 1 từ quý 2/2017 đến quý 4/2019: Giải phóng mặt bằng, đầu tư xây dựng đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật và một số cụm công trình nhà ở xã hội.

- Giai đoạn 2 từ quý 1/2020 đến quý 4/2021: Đầu tư xây dựng và kinh doanh các hạng mục còn lại.

Hiện nay, dự án đang trong quá trình triển khai giai đoạn 1- thực hiện công tác giải phóng mặt bằng.

(2) Dự án đã được Sở Quy hoạch - Kiến trúc Hà Nội thông qua thiết kế quy hoạch tổng mặt bằng, phương án thiết kế công trình và có công văn giới thiệu địa điểm lô E6 - Phạm Hùng (8.450 m²) để Tổng Công ty thực hiện dự án vào ngày 03/01/2007.

Tổng Công ty - Công ty mẹ đã đặt cọc tiền đất số tiền 8.450.000.000 đồng với giá 1.000.000 đồng/m² cho lô E6 - Phạm Hùng theo công văn số 2618/KH&ĐT-ĐT ngày 13/12/2006.

Ngày 10/08/2007, Sở Quy Hoạch - Kiến trúc Hà Nội đã điều chỉnh, bố trí lại vị trí xây dựng dự án từ lô E6 sang lô E7 (diện tích khoảng 6.500 m²) và được Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội chấp thuận về việc nghiên cứu lập dự án xây dựng trụ sở văn phòng tại khu đô thị mới Cầu Giấy theo công văn số 1987/QĐ - UBND ngày 11/11/2008.

Tới thời điểm hiện tại, dự án vẫn chưa tiếp tục được triển khai do các bên đầu tư cần phải điều chỉnh lại thiết kế và quy hoạch tổng thể, bổ sung một số chức năng. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đang cố gắng thống nhất kế hoạch thực hiện để tiếp tục triển khai dự án.

(3) Bao gồm các khoản chi phí liên quan đến quá trình đền bù, giải phóng mặt bằng của lô đất khu 2 có diện tích 14.333 m² tại xã Uy Nỗ, huyện Đông Anh. (Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 916065 do UBND Thành phố Hà Nội cấp. Trong đó: Chi phí đền bù, hỗ trợ tư vấn đất nông nghiệp 5.029.072.745 đồng, chi phí xây dựng san lấp mặt bằng 1.810.364.739 đồng và các chi phí khác 245.272.727 đồng). Tổng Công ty đang có chủ trương chuyển đổi mục đích sử dụng sang phân lô bán nền nhưng chưa được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTPC

Báo cáo tài chính hợp nhất

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Trái, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

12 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	249.726.156.207	1.049.838.913.622	211.342.308.841	6.635.661.879	1.374.458.218	1.518.917.498.767
- Mua trong năm	39.500.000	24.699.477.175	6.837.224.563	293.445.454	-	31.869.647.192
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1.591.635.620	2.746.382.767	-	-	-	4.338.018.387
- Tăng khác	71.500.000	501.700.000	491.402.440	176.520.000	-	1.241.122.440
- Thanh lý, nhượng bán	(1.211.369.916)	(10.815.351.415)	(8.640.528.718)	(101.241.818)	-	(20.768.491.867)
- Giảm tài sản không đủ điều kiện ghi nhận	-	(117.220.951)	-	(52.126.754)	-	(169.347.705)
Số dư cuối năm	250.217.421.911	1.066.853.901.198	210.030.407.126	6.952.258.761	1.374.458.218	1.535.428.447.214
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	144.839.160.888	726.331.008.481	170.261.040.680	6.187.119.792	1.374.458.218	1.048.992.788.059
- Khấu hao trong năm	10.837.664.842	49.376.369.429	12.172.518.370	498.688.575	-	72.885.241.216
- Tăng/giảm khác	-	256.718.430	(1.488.225.033)	145.136.850	-	(1.086.369.753)
- Thanh lý, nhượng bán	(908.132.422)	(9.798.374.994)	(8.485.708.030)	(101.241.818)	-	(19.293.457.264)
- Giảm tài sản không đủ điều kiện ghi nhận	-	(117.220.951)	-	(49.740.515)	-	(166.961.466)
Số dư cuối năm	154.768.693.308	766.048.500.395	172.459.625.987	6.679.962.884	1.374.458.218	1.101.331.240.792
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	104.886.995.319	323.507.905.141	41.081.268.161	448.542.087	-	469.924.710.708
Tại ngày cuối năm	95.448.728.603	300.805.400.803	37.570.781.139	272.295.877	-	434.097.206.422

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 209.023.228.888 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 612.085.749.667 đồng.



TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi,
Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

13 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	TSCĐ vô hình khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	28.583.669.806	221.785.715	530.000.000	29.335.455.521
Số dư cuối năm	<u>28.583.669.806</u>	<u>221.785.715</u>	<u>530.000.000</u>	<u>29.335.455.521</u>
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	1.031.164.800	175.491.494	530.000.000	1.736.656.294
- Khấu hao trong năm	-	35.490.400	-	35.490.400
Số dư cuối năm	<u>1.031.164.800</u>	<u>210.981.894</u>	<u>530.000.000</u>	<u>1.772.146.694</u>
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	27.552.505.006	46.294.221	-	27.598.799.227
Tại ngày cuối năm	<u>27.552.505.006</u>	<u>10.803.821</u>	<u>-</u>	<u>27.563.308.827</u>

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: 530.000.000 đồng.

14 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư của Tổng Công ty là hai căn hộ tại số 81/6 Võ Văn Ngân, Phường Linh Chiểu, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh được mua chờ tăng giá để bán với Nguyên giá và hao mòn lũy kế lần lượt là 2.745.140.454 đồng và 81.837.700 đồng và Tổng Công ty không tiếp tục trích khấu hao đối với tài sản này.

15 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	2.722.593.677	531.192.481
Chi phí đi vay	326.313.476	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	2.587.445.443	3.092.426.118
	<u>5.636.352.596</u>	<u>3.623.618.599</u>
b) Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	18.986.384.429	20.892.545.362
Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa	-	3.870.366.444
Tiền thuê đất trả trước	4.721.917.094	6.942.367.748
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	6.178.137.763	5.005.422.742
Chi phí trả trước dài hạn khác	11.072.407.159	3.242.401.211
	<u>40.958.846.445</u>	<u>39.953.103.507</u>

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi,
Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

16 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Công ty Cổ phần Licogi 12	-	-	4.170.897.901	4.170.897.901
Công ty Cổ phần Licogi 13	84.778.239.701	84.778.239.701	120.649.127.148	120.649.127.148
Công ty Cổ phần Licogi 16	44.518.436.687	44.518.436.687	44.385.573.178	44.385.573.178
Công ty CP Đầu tư Xây dựng số 18	25.403.729.985	25.403.729.985	36.893.302.220	36.893.302.220
Công ty CP Đầu tư Xây dựng số 18.1	22.943.507.113	22.943.507.113	26.042.801.293	26.042.801.293
Công ty TNHH Thương mại Kỹ Thuật Việt Hải	69.338.988.325	69.338.988.325	61.789.649.318	61.789.649.318
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Hạ tầng và khai thác mỏ Tân Việt Bắc	17.118.834.082	17.118.834.082	11.527.195.395	11.527.195.395
Xí nghiệp khai thác và chế biến đá XNK An Giang	3.236.951.610	3.236.951.610	3.236.951.610	3.236.951.610
Công ty Cổ phần Sông Đà 7	11.795.665.990	11.795.665.990	28.729.553.757	28.729.553.757
Công ty TNHH 25/10	8.838.589.306	8.838.589.306	-	-
Phải trả các đối tượng khác	544.649.846.563	544.649.846.563	509.061.718.495	509.061.718.495
	832.622.789.362	832.622.789.362	846.486.770.315	846.486.770.315
b) Phải trả người bán là các bên liên quan				
	1.432.899.716	1.432.899.716	5.803.797.617	5.803.797.617
<i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 40)</i>				

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCPNhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi,
Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

17 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
	VND	VND
Khách hàng dự án Nam Ga Hạ Long	102.531.562.500	90.903.807.383
Khách hàng dự án Khu đô thị Đông Hưng Thái Bình và Dự án Bình Giang	25.972.785.973	23.186.504.615
Công ty TNHH MTV Xây dựng Lũng Lô (*)	30.707.123.540	30.707.123.540
Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Dung Quất	6.035.933.373	88.639.320.000
Dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư Licogi 17	-	31.309.161.124
Các đối tượng khác	127.891.163.639	173.728.892.274
	<u>293.138.569.025</u>	<u>438.474.808.936</u>

(*) Thông tin liên quan đến nội dung của khoản công nợ này được trình bày ở thuyết minh số 37- "Kiện tụng, tranh chấp pháp lý"

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

18 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	597.579.931	69.170.597.237	-	133.156.209.452	135.554.171.150	362.260.794	66.537.316.402	-	-	-	-	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	-	5.249.708.384	5.249.708.384	-	-	-	-	-	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	15.932.509.321	-	14.616.352.046	19.010.276.400	-	-	-	-	-	-	11.538.584.967
Thuế Thu nhập cá nhân	12.104.499	1.317.177.015	-	5.165.864.958	4.328.248.960	21.149.099	2.163.837.613	-	-	-	-	-
Thuế Tài nguyên	-	4.296.297.567	-	2.637.604.983	5.165.683.127	-	-	-	-	-	-	1.768.219.423
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	2.784.709.078	-	7.049.646.923	7.724.905.836	-	-	-	-	-	-	2.109.450.165
Thuế bảo vệ môi trường	-	128.040.500	-	652.175.925	671.682.225	-	-	-	-	-	-	108.534.200
Các loại thuế khác	-	-	-	697.535.874	697.535.874	-	-	-	-	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	163.558.622	79.930.493.231	-	4.103.692.392	2.687.095.269	379.381.589	81.562.913.321	-	-	-	-	-
	773.243.052	173.559.823.949		173.328.790.937	181.089.307.225	762.791.482	165.788.856.091					

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

AA
KIỂM
3 KIE
42
CÔNG
KIỂM
111

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCPNhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi,
Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

19 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	67.404.674.915	42.744.620.402
- Chi phí phải trả các công trình xây dựng lớn	64.596.027.740	81.540.647.731
+ Dự án C8 mở rộng (Quảng Ninh)	7.531.367.262	9.590.901.684
+ Dự án C5-C8 (Quảng Ninh)	4.199.894.211	4.199.894.211
+ Dự án Đồi T5 (Quảng Ninh)	3.173.671.294	3.239.771.294
+ Dự án 20 Cộng hòa Hồ Chí Minh	6.823.705.099	6.823.705.099
+ Công trình thủy điện Đăkrinh	16.072.791.214	16.072.791.214
+ Công trình thủy điện Lai châu	-	14.769.871.824
+ Công trình thủy điện Suối Chăn 2	26.794.598.660	26.843.712.405
- Chi phí phải trả các công trình khác và các khoản khác	23.135.895.757	61.302.014.474
	155.136.598.412	185.587.282.607

20 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Doanh thu nhận trước dịch vụ	-	7.274.568.070
- Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác	-	499.485.273
	-	7.774.053.343
b) Dài hạn		
- Doanh thu nhận trước xuất khẩu lao động	2.103.806.149	1.633.991.983
	2.103.806.149	1.633.991.983

21 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	5.276.668.688	4.889.563.922
- Bảo hiểm xã hội	43.524.574.949	36.088.074.067
- Bảo hiểm y tế	1.376.694.938	1.753.688.304
- Bảo hiểm thất nghiệp	852.081.431	958.867.908
- Phải trả về cổ phần hoá	14.342.961.818	14.379.895.847
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	50.000.000	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	105.518.835.285	88.439.859.231
	170.941.817.109	146.509.949.279

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi,
Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

b) Dài hạn

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.030.000.000	70.000.000
- Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khu Đông (1)	60.000.000.000	60.000.000.000
- Phải trả lãi vay vốn hóa - Dự án KĐTMT Thịnh Liệt (2)	87.498.564.715	87.498.564.715
- Công ty TNHH Đầu tư và tư vấn Hải Dương (3)	165.000.000.000	165.000.000.000
- Phải trả ông Nguyễn Đức Miêng	4.989.966.817	4.989.966.817
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.569.079.258	1.283.874.652
	<u>321.087.610.790</u>	<u>318.842.406.184</u>
c) Phải trả khác là các bên liên quan	<u>63.701.579.446</u>	<u>60.656.349.847</u>

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 40)

(1) Ngày 25/09/2014, Tổng Công ty - Công ty mẹ đã ký hợp đồng nguyên tắc hợp tác kinh doanh dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt với Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khu Đông, hiện là cổ đông lớn của Tổng Công ty - Công ty mẹ. Đây là khoản đặt cọc của Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khu Đông cho Tổng Công ty - Công ty mẹ để thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt.

(2) Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 và trước khi chuyển giao cho Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi, Tổng Công ty - Công ty mẹ đã tiếp tục vốn hóa chi phí lãi vay vào dự án KĐTMT Thịnh Liệt với tổng số tiền là 90,6 tỷ đồng trong đó đã thanh toán 3,2 tỷ đồng, phần còn lại được ghi nhận đối ứng với khoản mục phải trả ngắn hạn khác là 87,498 tỷ đồng.

(3) Khoản tiền Công ty TNHH Đầu tư và Tư vấn Hải Dương chuyển cho Tổng công ty - Công ty mẹ để bảo lãnh thực hiện hợp đồng liên quan đến thực hiện công tác giải phóng mặt bằng theo phụ lục hợp đồng số 18A/2017/HĐ-QLDA ngày 21/06/2017 ký kết giữa Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi và Công ty TNHH Đầu tư và Tư vấn Hải Dương. Hiện nay, Công ty TNHH Đầu tư và Tư vấn Hải Dương vẫn đang thực hiện các công việc như trong hợp đồng ký kết với Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Trãi, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

22 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2018		Trong năm		31/12/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	1.196.956.273.563	1.196.956.273.563	2.224.921.144.493	1.891.652.965.389	1.530.224.452.667	1.530.224.452.667
- Tổng Công ty Licogi- CTCP (Công ty mẹ) (1)	571.030.564.873	571.030.564.873	739.569.358.690	477.879.873.441	832.720.050.122	832.720.050.122
- Công ty CP Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh (2)	61.332.542.024	61.332.542.024	117.299.038.154	147.243.453.546	31.388.126.632	31.388.126.632
- Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi (3)	249.697.166.924	249.697.166.924	947.256.815.689	851.983.521.828	344.970.460.785	344.970.460.785
- Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9 (4)	82.456.848.297	82.456.848.297	139.932.560.040	139.680.941.639	82.708.466.698	82.708.466.698
- Công ty Cổ phần Licogi Quang Ngãi (5)	21.926.404.988	21.926.404.988	93.703.450.572	91.584.823.735	24.045.031.825	24.045.031.825
- Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 10 (6)	44.557.722.449	44.557.722.449	66.199.507.252	70.362.038.839	40.395.190.862	40.395.190.862
- Công ty Cổ phần Licogi 17 (7)	40.571.420.172	40.571.420.172	41.745.828.238	52.350.312.544	29.966.935.866	29.966.935.866
- Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi (8)	8.014.147.000	8.014.147.000	40.792.357.966	600.000.000	48.206.504.966	48.206.504.966
- Công ty Cổ phần Licogi 15 (9)	35.785.584.331	35.785.584.331	1.556.613.798	1.361.923.760	35.980.274.369	35.980.274.369
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20 (10)	67.146.804.364	67.146.804.364	35.931.311.346	50.119.090.114	52.959.025.596	52.959.025.596
- Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước (11)	14.437.068.141	14.437.068.141	934.302.748	8.486.985.943	6.884.384.946	6.884.384.946

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

22 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2018		Trong năm		31/12/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nợ dài hạn đến hạn trả	206.759.601.972	206.759.601.972	302.363.243.824	226.229.840.705	282.893.005.091	282.893.005.091
- Tổng Công ty Licogi- CTCP (Công ty mẹ) (1)	193.097.601.972	193.097.601.972	279.658.678.369	211.659.378.039	261.096.902.302	261.096.902.302
- Công ty CP Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh (2)	1.960.000.000	1.960.000.000	1.960.000.000	1.960.000.000	1.960.000.000	1.960.000.000
- Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi (3)	6.336.000.000	6.336.000.000	4.886.291.998	7.244.462.666	3.977.829.332	3.977.829.332
- Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9 (4)	-	-	4.115.200.000	-	4.115.200.000	4.115.200.000
- Công ty Cổ phần Licogi Quang Ngãi (5)	3.667.000.000	3.667.000.000	3.788.076.000	3.667.000.000	3.788.076.000	3.788.076.000
- Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 10 (6)	1.699.000.000	1.699.000.000	2.554.997.457	1.699.000.000	2.554.997.457	2.554.997.457
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20 (10)	-	-	5.400.000.000	-	5.400.000.000	5.400.000.000
	1.403.715.875.535	1.403.715.875.535	2.527.284.388.317	2.117.882.806.094	1.813.117.457.758	1.813.117.457.758

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Bắc, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

22 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2018		Trong năm		31/12/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
b) Vay dài hạn						
- Tổng Công ty Licogi- CTCP (Công ty mẹ) (1)	432.943.343.134	432.943.343.134	352.321.750.021	500.797.281.341	284.467.811.814	284.467.811.814
- Công ty CP Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh (2)	6.678.515.436	6.678.515.436	-	2.515.407.888	4.163.107.548	4.163.107.548
- Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi (3)	12.735.480.000	12.735.480.000	18.604.749.747	7.244.462.666	24.095.767.081	24.095.767.081
- Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9 (4)	15.538.440.311	15.538.440.311	-	6.923.840.311	8.614.600.000	8.614.600.000
- Công ty Cổ phần Licogi Quảng Ngãi (5)	11.035.593.288	11.035.593.288	-	3.667.000.000	7.368.593.288	7.368.593.288
- Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 10 (6)	8.339.069.253	8.339.069.253	11.212.741.013	7.412.738.470	12.139.071.796	12.139.071.796
- Công ty Cổ phần Licogi 17 (7)	828.000.000	828.000.000	-	828.000.000	-	-
- Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2 (8)	22.622.750.900	22.622.750.900	7.019.882.200	-	29.642.633.100	29.642.633.100
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20 (9)	15.007.000.000	15.007.000.000	-	-	15.007.000.000	15.007.000.000
	525.728.192.322	525.728.192.322	389.159.122.981	529.388.730.676	385.498.584.627	385.498.584.627
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(206.759.601.972)	(206.759.601.972)	(302.363.243.824)	(226.229.840.705)	(282.893.005.091)	(282.893.005.091)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	318.968.590.350	318.968.590.350			102.605.579.536	102.605.579.536

(*) Thông tin chi tiết liên quan đến khoản vay được thuyết minh tại Phụ lục 01 và phụ lục 02 đính kèm báo cáo tài chính hợp nhất.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi,
Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

23 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn	1.398.278.975	3.173.101.386
- Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	677.419.379	2.053.503.232
- Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	720.859.596	1.119.598.154
	<u>1.398.278.975</u>	<u>3.173.101.386</u>
b) Dài hạn		
- Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	5.769.078.287	5.738.322.853
	<u>5.769.078.287</u>	<u>5.738.322.853</u>

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

24 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng		
Số dư đầu năm trước	900.000.000.000	10.121.718.651	(79.682.858.319)	58.975.299.808	2.074.997.571	(448.389.041.757)	112.419.324.748	555.519.440.702		
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	(57.091.059.130)	462.830.540	(56.628.228.590)		
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	8.772.316.932	8.297.899	(19.672.836.049)	(3.300.488.533)	(14.192.709.751)		
- Công ty Licogi 9	-	-	-	443.413.380	-	(973.323.388)	(509.129.223)	(1.039.039.231)		
- Công ty VLXD Đông Anh	-	-	-	354.759.836	8.297.899	(1.988.195.104)	(1.634.557.660)	(3.259.695.029)		
- Công ty Licogi 10	-	-	-	-	-	(137.608.851)	(100.828.380)	(238.437.231)		
- Công ty Cơ khí Đông Anh	-	-	-	7.974.143.716	-	(16.573.708.706)	(1.055.973.270)	(9.655.538.260)		
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(15.305.852.500)	(15.305.852.500)		
- Công ty Licogi 9	-	-	-	-	-	-	(3.325.095.900)	(3.325.095.900)		
- Công ty Licogi 10	-	-	-	-	-	-	(395.808.000)	(395.808.000)		
- Công ty Cơ khí Đông Anh	-	-	-	-	-	-	(5.085.450.000)	(5.085.450.000)		
- Công ty VLXD Đông Anh	-	-	-	-	-	-	(6.299.458.600)	(6.299.458.600)		
- Công ty Licogi Quảng Ngãi	-	-	-	-	-	-	(200.040.000)	(200.040.000)		
Điều chỉnh chênh lệch đánh giá lại tài sản khi cổ phần hóa giai đoạn trước (*)	-	-	(19.491.120.000)	-	-	-	-	(19.491.120.000)		
Giảm khác	-	-	-	-	-	752.738.039	726.825.363	1.479.563.402		
Số dư cuối năm trước	900.000.000.000	10.121.718.651	(99.173.978.319)	67.747.616.740	2.083.295.470	(524.400.198.897)	95.002.639.618	451.381.093.263		
Số dư đầu năm nay	900.000.000.000	10.121.718.651	(99.173.978.319)	67.747.616.740	2.083.295.470	(524.400.198.897)	95.002.639.618	451.381.093.263		
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	29.979.825.019	16.547.114.436	46.526.939.455		
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	8.202.741.441	-	(11.681.009.641)	(15.395.650.045)	(18.873.918.245)		
- Công ty Licogi 10	-	-	-	-	-	(45.253.858)	(181.586.282)	(226.840.140)		
- Công ty VLXD Đông Anh	-	-	-	-	-	(770.826.394)	(2.136.145.264)	(2.906.971.658)		
- Công ty Cơ khí Đông Anh	-	-	-	7.948.328.451	-	(7.948.328.451)	(10.170.900.000)	(10.170.900.000)		
- Công ty Licogi 9	-	-	-	254.412.990	-	(616.600.938)	(2.811.018.499)	(3.173.206.447)		
- Công ty tư vấn Licogi	-	-	-	-	-	-	(96.000.000)	(96.000.000)		
- Công ty Licogi 2	-	-	-	-	-	(2.300.000.000)	-	(2.300.000.000)		
Tăng khác	-	-	-	-	-	368.016.005	353.584.005	721.600.010		
Số dư cuối năm nay	900.000.000.000	10.121.718.651	(99.173.978.319)	75.950.358.181	2.083.295.470	(505.733.367.514)	96.507.688.014	479.755.714.483		

(*) Khi trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất các kỳ trước, Tổng Công ty không thực hiện điều chỉnh chênh lệch đánh giá lại tài sản khoản đánh giá lại tài sản khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Licogi 14 khi cổ phần hóa. Trong năm 2017, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty quyết định điều chỉnh sai sót này vào khoản mục "chênh lệch đánh giá lại tài sản" của Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2017.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi,
Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Tỷ lệ</u>	<u>Cuối năm</u>	<u>Tỷ lệ</u>	<u>Đầu năm</u>
	(%)	VND	(%)	VND
Bộ Xây dựng	0,00%	-	40,71%	366.406.910.000
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà Nước (SCIC)	40,71%	366.406.910.000	0,00%	-
Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất Động sản Khu Đông	35,00%	315.000.000.000	35,00%	315.000.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Gia Cường	19,24%	173.128.880.000	22,24%	200.128.880.000
Vốn góp của các cổ đông khác	5,05%	45.464.210.000	2,05%	18.464.210.000
	100%	900.000.000.000	59%	900.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Năm 2018</u>	<u>Năm 2017</u>
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	900.000.000.000	900.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	900.000.000.000	900.000.000.000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	900.000.000.000	900.000.000.000

d) Cổ phiếu

	<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	90.000.000	90.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	90.000.000	90.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	90.000.000	90.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	90.000.000	90.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	90.000.000	90.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	75.950.358.181	67.747.616.740
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	2.083.295.470	2.083.295.470
	78.033.653.651	69.830.912.210

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi,
Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

25 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**a) Tài sản thuê ngoài**

Tổng Công ty ký các hợp đồng với Sở địa chính - Nhà đất Hà Nội theo hợp đồng thuê đất số 146-2003/ĐCND-HĐTĐTN tại nhà G1, đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân, quận Thanh Xuân, Hà Nội để sử dụng với mục đích làm trụ sở làm việc và điều hành sản xuất trong 30 năm từ ngày 01/01/2003. Diện tích khu đất thuê là 1.928 m². Theo các hợp đồng này, Tổng Công ty phải trả tiền thuê đất cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Ngoài ra, các đơn vị thành viên của Tổng Công ty ký các hợp đồng thuê đất để sử dụng với mục đích làm văn phòng, nhà xưởng sản xuất. Theo các hợp đồng này, các đơn vị thành viên phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà Nước.

b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2018	01/01/2018
- Đồng đô la Mỹ (USD)	-	2,21
- Đồng Euro (EUR)	-	94,99
- Đồng Yên Nhật (JPY)	341,99	105.940,00

26 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Doanh thu bán hàng hóa, kinh doanh vật liệu xây dựng	1.429.020.566.552	1.311.820.656.896
Doanh thu cung cấp dịch vụ	28.603.337.248	32.520.851.549
Doanh thu hợp đồng xây dựng	1.020.457.665.850	1.175.519.032.868
Doanh thu hoạt động kinh doanh bất động sản	122.715.507.598	84.361.655.950
Doanh thu hoạt động khác	270.952.838	2.537.054.971

2.601.068.030.086 **2.606.759.252.234**

Doanh thu đối với các bên liên quan

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 40)

1.155.915.455 **196.363.637**

27 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa, vật liệu xây dựng đã bán	1.292.429.855.493	1.178.590.133.117
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	21.561.119.613	21.354.563.123
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	929.068.171.564	1.094.893.823.021
Giá vốn của hoạt động kinh doanh bất động sản	88.515.121.326	62.537.041.226
Dự phòng/hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(6.760.109.392)	-
Giá vốn của hoạt động khác	312.383.680	4.133.910.696

2.325.126.542.284 **2.361.509.471.183**

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi,
Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

28 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	2.449.823.269	8.861.927.742
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	6.398.204	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	132.821.080.663	92.178.304.442
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	253.089.682	241.219.711
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	152.910.101	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.378.226.778	165.528.200
	<u>137.061.528.697</u>	<u>101.446.980.095</u>

29 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lãi tiền vay	109.385.952.427	141.986.916.271
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	1.333.003.545	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	91.220.038	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	1.610.838.423	14.330.036.543
Chi phí tài chính khác	11.000	1.895.458.324
	<u>112.421.025.433</u>	<u>158.212.411.138</u>

30 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.547.019.052	35.287.906
Chi phí nhân công	17.477.426.247	15.393.140.998
Chi phí khấu hao tài sản cố định	667.022.290	621.986.155
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.420.189.436	14.298.257.891
Chi phí khác bằng tiền	11.812.204.233	17.394.074.130
Chi phí bảo hành	677.419.379	3.254.445.624
Hoàn nhập dự phòng bảo hành sản phẩm	(2.099.967.715)	(648.902.289)
	<u>43.501.312.922</u>	<u>50.348.290.415</u>

31 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	15.865.696.738	8.996.437.325
Chi phí nhân công	105.314.278.561	100.352.497.453
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.056.017.331	11.550.448.411
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	(3.886.433.991)	4.934.684.084
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.019.384.662	10.269.662.250
Chi phí khác bằng tiền	57.994.988.968	57.618.956.778
	<u>199.363.932.269</u>	<u>193.722.686.301</u>

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi,
Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

32 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	4.144.288.518	6.216.056.764
Lãi do đánh giá lại tài sản	-	629
Tiền phạt thu được	163.126.500	53.933.000
Thuế được giảm	81.650.940	-
Thu nhập khác	7.039.177.067	7.022.545.374
	<u>11.428.243.025</u>	<u>13.292.535.767</u>

33 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	181.271.950
Chi phí khấu hao tài sản cố định tạm thời không sử dụng	18.991.007.244	12.395.225.992
Các khoản bị phạt	10.144.460.578	9.674.221.596
Chi phí khác	5.453.826.318	8.784.536.040
	<u>34.589.294.140</u>	<u>31.035.255.578</u>

34 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh</i>		
<i>Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Tổng Công ty - Công ty mẹ</i>	-	716.354.028
<i>Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty CP Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh</i>	856.106.074	948.088.899
<i>Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty CP Cơ khí Đông Anh Licogi</i>	4.295.496.742	6.431.983.493
<i>Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty CP Tư vấn Licogi</i>	63.520.165	53.631.598
<i>Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 9 (Licogi 9)</i>	902.335.937	1.394.321.593
<i>Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 10 (Licogi 10)</i>	-	609.076.819
<i>Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty CP Licogi 17</i>	857.931.237	2.317.598
<i>Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2 (Licogi 2)</i>	7.949.578.456	2.608.642.000
<i>Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi</i>	10.650.485	20.347.484
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>14.935.619.096</u>	<u>12.784.763.512</u>

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi,
Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

35 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Tổng Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	29.979.825.019	(57.091.059.130)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	29.979.825.019	(57.091.059.130)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	90.000.000	90.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	333	(634)

Tổng Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

36 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Tổng Công ty bao gồm:

	Giá trị số kế toán			
	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	108.777.989.204	-	147.359.473.718	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.428.236.903.722	(336.553.855.579)	1.500.180.323.711	(345.318.759.169)
Các khoản cho vay	34.621.398.410	-	35.683.740.010	-
Đầu tư dài hạn	44.206.739.792	(19.911.405.092)	44.206.739.792	(18.171.743.192)
	1.615.843.031.128	(356.465.260.671)	1.727.430.277.231	(363.490.502.361)

	Giá trị số kế toán	
	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	1.915.723.037.294	1.722.684.465.885
Phải trả người bán, phải trả khác	1.324.652.217.261	1.311.839.125.778
Chi phí phải trả	155.136.598.412	185.587.282.607
	3.395.511.852.967	3.220.110.874.270

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Tổng Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và

Rủi ro về giá:

Tổng Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Tổng Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2018				
Đầu tư dài hạn	-	24.295.334.700	-	24.295.334.700
	<u>-</u>	<u>24.295.334.700</u>	<u>-</u>	<u>24.295.334.700</u>
Tại ngày 01/01/2018				
Đầu tư dài hạn	-	26.034.996.600	-	26.034.996.600
	<u>-</u>	<u>26.034.996.600</u>	<u>-</u>	<u>26.034.996.600</u>

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Tổng Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Tổng Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Tổng Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Tổng Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Tổng Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Tổng Công ty.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi,
Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u> VND	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u> VND	<u>Trên 5 năm</u> VND	<u>Cộng</u> VND
Tại ngày 31/12/2018				
Tiền và các khoản tương đương tiền	108.777.989.204	-	-	108.777.989.204
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.090.574.349.035	1.108.699.108	-	1.091.683.048.143
Các khoản cho vay	34.621.398.410	-	-	34.621.398.410
	<u><u>1.233.973.736.649</u></u>	<u><u>1.108.699.108</u></u>	<u><u>-</u></u>	<u><u>1.235.082.435.757</u></u>
Tại ngày 01/01/2018				
Tiền và các khoản tương đương tiền	147.359.473.718	-	-	147.359.473.718
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.153.529.994.640	1.331.569.902	-	1.154.861.564.542
Các khoản cho vay	35.683.740.010	-	-	35.683.740.010
	<u><u>1.336.573.208.368</u></u>	<u><u>1.331.569.902</u></u>	<u><u>-</u></u>	<u><u>1.337.904.778.270</u></u>

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi,
Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tổng Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2018				
Vay và nợ	1.813.117.457.758	102.605.579.536	-	1.915.723.037.294
Phải trả người bán, phải trả khác	1.003.564.606.471	321.087.610.790	-	1.324.652.217.261
Chi phí phải trả	155.136.598.412	-	-	155.136.598.412
	<u>2.971.818.662.641</u>	<u>423.693.190.326</u>	<u>-</u>	<u>3.395.511.852.967</u>
Tại ngày 01/01/2018				
Vay và nợ	1.403.715.875.535	318.968.590.350	-	1.722.684.465.885
Phải trả người bán, phải trả khác	992.996.719.594	318.842.406.184	-	1.311.839.125.778
Chi phí phải trả	185.587.282.607	-	-	185.587.282.607
	<u>2.582.299.877.736</u>	<u>637.810.996.534</u>	<u>-</u>	<u>3.220.110.874.270</u>

Tổng Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Tổng Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

37 . KIẾN TỤNG, TRANH CHẤP PHÁP LÝ

Trong năm 2013, Công ty TNHH MTV Xây dựng Lũng Lô ("Công ty Lũng Lô") đã khởi kiện Tổng Công ty - Công ty mẹ liên quan đến khoản tiền mà Công ty Lũng Lô đã ứng trước cho Tổng Công ty - Công ty mẹ để thực hiện dự án đề chấn sóng Nhà máy lọc dầu Dung Quất theo hợp đồng số 08.1/HĐKT - LCC-Licogi.

Theo bản án sơ thẩm số 06/2013/KDTM-ST ngày 06/08/2013 của Tòa án Nhân dân quận Thanh Xuân, Tổng Công ty - Công ty mẹ phải hoàn trả Công ty Lũng Lô số tiền 19.036.257.000 đồng. Tuy nhiên, theo bản án phúc thẩm số 10/2014/KDTM-PT ngày 23/01/2014 của Tòa án Nhân dân Thành phố Hà Nội, bản án sơ thẩm bị hủy, tòa trả lại đơn kiện cho Công ty Lũng Lô và đình chỉ vụ án.

Theo quyết định giám đốc thẩm số 02/2016.KDTM-GDT ngày 22/01/2016 của Ủy ban thẩm phán Tòa án Nhân dân cấp cao Hà Nội, bản án phúc thẩm bị hủy bỏ và hồ sơ vụ kiện được chuyển về Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân để giải quyết tiếp. Theo bản án số 15/2017/KDTM-ST ngày 14/09/2017 của Tòa án Nhân dân Quận Thanh Xuân - Thành phố Hà Nội, Tổng Công ty - Công ty mẹ phải hoàn trả Công ty Lũng Lô 19.206.866.091 đồng. Tuy nhiên, ngày 25/09/2017 Tổng Công ty - Công ty mẹ đã làm đơn kháng cáo gửi lên Tòa án Nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội kháng cáo toàn bộ Bản án nêu trên và đang chờ các bên liên quan giải quyết.

Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã có quyết định theo bản án số 101/2018/KDTM - PT ngày 14 tháng 08 năm 2018 về việc tranh chấp hợp đồng xây dựng tuy nhiên đến ngày 23 tháng 01 năm 2019, Tổng Công ty có đơn đề nghị xem xét bản án theo thủ tục giám đốc thẩm và hoãn thi hành án và đã được chấp thuận theo quyết định số 02/QĐ-CCTHADS ngày 30 tháng 01 năm 2019 của Chi Cục thi hành án dân sự quận Thanh Xuân.

Tại ngày 31/12/2018, Tổng Công ty - Công ty mẹ đang ghi nhận khoản phải trả cho Công ty Lũng Lô là 30.707.123.540 đồng. Tổng Công ty - Công ty mẹ sẽ xử lý các khoản phải trả này khi có quyết định cuối cùng của tòa án.

38 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

39 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động kinh doanh Xây lắp		Hoạt động kinh doanh hàng hóa Vật liệu xây dựng		Hoạt động kinh doanh bất động sản và các hoạt động khác		Hoạt động kinh doanh các bộ phận		Loại trừ		Tổng cộng toàn doanh nghiệp	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	1.020.457.665.850	1.428.141.561.506	151.589.797.684	2.600.189.025.040	-	-	-	-	-	-	2.600.189.025.040	
Chi phí bộ phận trực tiếp	929.068.171.564	1.285.669.746.101	110.388.624.619	2.325.126.542.284	-	-	-	-	-	-	2.325.126.542.284	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	91.389.494.286	142.471.815.405	41.201.173.065	275.062.482.756	-	-	-	-	-	-	275.062.482.756	
Tổng chi phí mua TSCĐ	17.861.638.365	30.484.875.959	-	48.346.514.324	-	-	-	-	-	-	48.346.514.324	
Tài sản bộ phận	1.420.688.937.528	1.988.269.563.309	211.044.471.338	3.620.002.972.175	-	-	-	-	-	-	3.620.002.972.175	
Tài sản không phân bổ	-	-	-	808.398.815.489	-	-	-	-	-	-	808.398.815.489	
Tổng tài sản	1.420.688.937.528	1.988.269.563.309	211.044.471.338	4.428.401.787.664	-	-	-	-	-	-	4.428.401.787.664	
Nợ phải trả bộ phận	1.546.031.000.470	2.163.687.138.661	229.664.134.454	3.939.382.273.585	-	-	-	-	-	-	3.939.382.273.585	
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	9.263.799.596	-	-	-	-	-	-	9.263.799.596	
Tổng nợ phải trả	1.546.031.000.470	2.163.687.138.661	229.664.134.454	3.948.646.073.181	-	-	-	-	-	-	3.948.646.073.181	

Theo khu vực địa lý

Tổng Công ty chủ yếu hoạt động kinh doanh trong lãnh thổ Việt Nam nên Tổng Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

CHIA AN DAN

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi,
Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

40 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Tổng Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư trọng yếu tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Doanh thu		1.155.915.455	196.363.637
Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà	Công ty liên kết	130.909.092	196.363.637
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vật liệu Xây dựng Đông Anh 8	Công ty liên kết	1.025.006.363	-
Mua hàng hóa, dịch vụ		7.253.476.212	92.909.171.423
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vật liệu Xây dựng Đông Anh 8	Công ty liên kết	7.253.476.212	11.000.000.000
Công ty Cổ phần Licogi 12	(*)	-	81.909.171.423
Thu lãi vay		1.308.449.000	1.579.731.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vật liệu Xây dựng Đông Anh 8	Công ty liên kết	1.308.449.000	1.579.731.000
Cổ tức được nhận		128.248.060.663	93.926.365.807
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bình Long	Công ty liên kết	1.914.116.947	3.745.251.865
Công ty TNHH Khu Công nghiệp Thăng Long	Công ty liên doanh	126.333.943.716	90.181.113.942
Góp vốn đầu tư		28.328.596.000	-
Công ty CP Thủy điện Bắc Hà	Công ty liên doanh	4.554.760.000	-
Công ty CP Licogi 14	Công ty liên doanh	23.773.836.000	-

Số dư tại ngày kết thúc năm:

	Mối quan hệ	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng		5.802.304.866	41.950.637.004
Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà	Công ty liên kết	5.802.304.866	41.726.637.004
Công ty Cổ phần Licogi 12	(*)	-	224.000.000
Ứng trước cho nhà cung cấp		3.695.789.577	3.695.789.577
Công ty Cổ phần Licogi 19	Công ty liên kết	3.695.789.577	3.695.789.577
Phải thu khác		4.579.718.912	4.454.407.118
Công ty Cổ phần Licogi 19	Công ty liên kết	4.337.712.455	4.337.712.455
Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà	Công ty liên kết	242.006.457	116.694.663
Phải thu về cho vay		13.803.740.010	15.353.740.010
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp và VLXD Đông Anh 8	Công ty liên kết	13.803.740.010	15.353.740.010
Phải trả người bán ngắn hạn		1.432.899.716	5.803.797.617
Công ty Cổ phần Licogi 14	Công ty liên kết	1.432.899.716	1.632.899.716
Công ty Cổ phần Licogi 12	(*)	-	4.170.897.901
Vay ngắn hạn		117.340.000.000	6.000.000.000
Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh BĐS Khu Đông	Cổ đông lớn	117.340.000.000	6.000.000.000

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi,
Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Phải trả khác		60.000.000.000	60.018.688.206
Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà	Công ty liên kết	-	18.688.206
Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh BĐS Khu Đông	Cổ đông lớn	60.000.000.000	60.000.000.000
Lãi vay phải trả		3.701.579.446	637.661.641
Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh BĐS Khu Đông	Cổ đông lớn	3.701.579.446	637.661.641

(* Ông Dương Xuân Quang - Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng Công ty đồng thời là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Licogi 12. Ông Quang cũng đã nhận quyết định nghỉ hưu từ ngày 25/12/2018.

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Thu nhập của Tổng Giám đốc	720.000.000	364.500.000
Thu nhập của các thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	2.599.101.036	3.082.144.951

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi,
Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

41 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Ban Giám đốc Tổng Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 căn cứ trên Quyết định số 1456/QĐ-BXD ngày 12/11/2018 về giá trị thực tế vốn Nhà nước tại thời điểm bàn giao Công ty mẹ - Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng thành Tổng Công ty Licogi - CTCP và Báo cáo Thẩm tra của Ban chỉ đạo CPH về giá trị thực tế vốn nhà nước tại thời điểm bàn giao Tổng Công ty Xây dựng và phát triển hạ tầng thành Tổng Công ty Licogi - CTCP và Báo cáo tài chính tại các đơn vị thành viên của Tổng Công ty tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2018.

Theo đó, số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được điều chỉnh lại như sau:

	<u>Mã số</u>	<u>Số liệu trên BCTC đã được kiểm toán năm VND</u>	<u>Số liệu điều chỉnh phân loại lại VND</u>	<u>Chênh lệch VND</u>	<u>Ghi chú</u>
a) Bảng Cân đối kế toán hợp nhất					
Phải thu ngắn hạn khác	136	410.585.903.684	406.145.500.823	(4.440.402.861)	(1)
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	252.180.144.308	87.180.144.308	(165.000.000.000)	(2)
Hàng tồn kho	141	762.176.319.473	779.237.872.051	17.061.552.578	(3)
Trả trước cho người bán dài hạn	212	-	165.000.000.000	165.000.000.000	(2)
Tài sản cố định hữu hình	221	463.561.442.424	469.924.710.708	6.363.268.284	(1)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	57.332.477.208	59.260.545.400	1.928.068.192	(1)
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254	(16.715.539.757)	(18.643.607.949)	(1.928.068.192)	(1)
Phải trả người bán ngắn hạn	311	846.530.627.473	846.486.770.315	(43.857.158)	(1)
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	186.080.282.607	185.587.282.607	(493.000.000)	(1)
Phải trả ngắn hạn khác	319	454.330.938.311	146.509.949.279	(307.820.989.032)	(1,2)
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	17.926.462.267	18.044.839.867	118.377.600	(1)
Phải trả dài hạn khác	337	6.343.841.469	318.842.406.184	312.498.564.715	(2)
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	(98.765.815.809)	(99.173.978.319)	(408.162.510)	(1)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	(533.698.205.248)	(524.400.198.897)	9.298.006.351	(3)

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi,
Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

b) Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Giá vốn hàng bán	11	2.378.571.023.761	2.361.509.471.183	(17.061.552.578)	(3)
Chi phí tài chính	22	156.284.342.946	158.212.411.138	1.928.068.192	(1)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh	60	(71.761.712.976)	(56.628.228.590)	15.133.484.386	(1,3)
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61	(66.389.065.481)	(57.091.059.130)	9.298.006.351	(1,3)
Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	62	(5.372.647.495)	462.830.540	5.835.478.035	(1,3)

(1) Điều chỉnh theo Quyết định số 1456/QĐ-BXD ngày 12/11/2018 về giá trị thực tế vốn Nhà nước.

(2) Phân loại các khoản mục theo kỳ hạn của nợ phải trả.

(3) Điều chỉnh ảnh hưởng do điều chỉnh hồi tố giá vốn tại Công ty Licogi 15 và Công ty Licogi 10



Lê Thị Thanh Nội
Người lập



Nguyễn Anh Dũng
Kế toán trưởng



Phan Thanh Hải
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2019

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCF

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Phụ lục 01: Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn

Đơn vị tính: đồng

Tên doanh nghiệp	STT	Tên Tổ chức cho vay	Lãi suất năm	Số dư nợ gốc vay đến 31/12/2018 (VND)	Mục đích vay	Phương thức đảm bảo
Tổng Công ty Licogi-CTCF (Công ty mẹ) (1)	8	Công ty Cổ phần Đầu tư Xuân Cầu	8%/năm	85.000.000.000	Thanh toán nợ đến hạn ngân hàng và các khoản nợ đến hạn khác của Tổng Công ty - Công ty mẹ	Tài sản đảm bảo là 12.000.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh.
	9	Công ty TNHH HAKUBA	14%/năm	51.730.555.554	Bổ sung vốn lưu động	Tài sản đảm bảo là 28.650.727 cổ phiếu phổ thông được tự do chuyển nhượng và giao dịch do công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà phát hành. Giá trị cổ phiếu thế chấp là 80.000.000.000 đồng.
	10	Ông Nguyễn Xuân Thắng	8,5%/năm	20.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động	Tài sản đảm bảo là 2.563.566 cổ phiếu thuộc sở hữu của Tổng Công ty - Công ty mẹ tại Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9 (Licogi 9).
	11	Công ty TNHH MTV YAMAGATA	14%/năm	24.588.000.000	Bổ sung vốn lưu động	Tài sản đảm bảo là 8.000.000.000 cổ phiếu phổ thông được tự do chuyển nhượng và giao dịch do công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi phát hành.
	Tổng cộng			832.720.050.122		



TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Phụ lục 01: Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn

Đơn vị tính: đồng

Tên doanh nghiệp	STT	Tên Tổ chức cho vay	Lãi suất năm	Số dư nợ gốc vay đến 31/12/2018 (VND)	Mục đích vay	Phương thức đảm bảo
Công ty CP Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh (2)	1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Đông Hà Nội	Quy định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ	16.299.931.101	Bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, mở Thư tín dụng L/C	Bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
	2	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Lương Sơn	Quy định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ	4.500.000.000	Vay vốn lưu động phục vụ xây dựng các công trình dân dụng, chuẩn bị mặt bằng, buôn bán vật liệu xây dựng	Đảm bảo bằng tài sản của Tổng Công ty với tổng giá trị 7.055.727.280 đồng.
	3	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Đoàn Hùng	6,5%/năm	4.438.628.060	Bổ sung vốn lưu động	Quyền sử dụng đất tại Công ty Đầu tư Phát triển và VLXD Đông Anh 9. Tổng giá trị: 6.810.000.000 đồng và một số tài sản khác giá trị 1.792.600.000 đồng
	4	Vay huy động vốn cá nhân và các đối tượng khác	Quy định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ	6.149.567.471	Bổ sung vốn lưu động	Không có tài sản đảm bảo.
	Tổng cộng			31.388.126.632		
Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi (3)	1	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh	Quy định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ	40.608.931.491	Bổ sung vốn lưu động	Hợp đồng thế chấp quyền phải thu.
	2	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội	Quy định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ	53.402.593.645	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh thanh toán, mở L/C	Đảm bảo bằng tài sản theo các Hợp đồng cầm cố/thế chấp/bảo lãnh/ký quỹ được giao kết.



TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Phụ lục 01: Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn

Đơn vị tính: đồng

Tên doanh nghiệp	STT	Tên Tổ chức cho vay	Lãi suất năm	Số dư nợ gốc vay đến 31/12/2018 (VND)	Mục đích vay	Phương thức đảm bảo
Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi (3)	3	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương	Quy định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ	123.207.506.823	Bổ sung vốn lưu động và phục vụ cho thi công dự án nhà máy thép Hòa Phát - Dung Quất, Quảng Ngãi theo Hợp đồng thi công lắp dựng số 221.2017.HPDQ-CKDA ngày 30/11/2017	Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị, nhà xưởng và quyền phải thu.
	4	Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Long Biên	Quy định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ	28.448.016.337	Phục vụ hoạt động sản xuất và kinh doanh sản phẩm nhôm, đúc cơ khí, kết cấu thép và giàn không gian	Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị, tài sản gắn liền trên đất và hàng tồn kho luân chuyển của Công ty với giá trị thế chấp tối thiểu là 19.000.000.000 đồng và các tài sản khác theo quy định của Ngân hàng từng thời kỳ.
	5	Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	Quy định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ	99.303.412.489	Bổ sung vốn phục vụ cho nhu cầu dịch vụ thương mại	Hợp đồng cầm cố tiền gửi cho giá trị là 10% giá trị tiền ịch, thế chấp hàng hóa trong kho với giá trị là 42.750.000.000 đồng và quyền phải thu với giá trị là 47.250.000.000 đồng.
		Tổng cộng		344.970.460.785		

6/1/2019
 IN K
 CH
 AN G
 A

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Phụ lục 01: Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn

Đơn vị tính: đồng

Tên doanh nghiệp	STT	Tên Tổ chức cho vay	Lãi suất năm	Số dư nợ gốc vay đến 31/12/2018 (VND)	Mục đích vay	Phương thức đảm bảo
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9 (4)	1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đồng Nai	Áp dụng cho từng lần nhận nợ	31.893.872.223	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh thanh toán phục vụ cho SX kinh doanh	Đảm bảo bằng tài sản theo các Hợp đồng cầm cố/thế chấp/bảo lãnh/ký quỹ được giao kết.
	2	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Biên Hòa	Áp dụng cho từng lần nhận nợ	49.975.050.361	Tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Đảm bảo bằng tài sản theo các Hợp đồng cầm cố/thế chấp/bảo lãnh/ký quỹ được giao kết và tài sản vẫn phòng công trình hình thành từ dự án được xây dựng trên các khu đất
	3	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Nam Đồng Nai	Áp dụng cho từng lần nhận nợ	839.544.114	Bổ sung vốn lưu động	Tài sản đảm bảo là tiền ký quỹ, hợp đồng tiền gửi, thẻ tiết kiệm và giấy tờ có giá; trái phiếu chính phủ và tín phiếu kho bạc; hợp đồng tiền gửi, thẻ tiết kiệm tại các tổ chức tín dụng khác; bất động sản, phương tiện vận tải; giá trị sản lượng dở dang và quyền đòi nợ hình thành từ phương án.
	Tổng cộng			82.708.466.698		
Công ty Cổ phần Licogi Quảng Ngãi (5)	1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Quảng Ngãi	Xác định theo từng Hợp đồng cụ thể	23.445.031.825	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C	Được đảm bảo bởi các Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất, quyền khai thác khoáng sản và tài sản hình thành trong tương lai.
	2	Vay huy động vốn cá nhân	11%/năm	600.000.000	Bổ sung vốn lưu động	Không có tài sản đảm bảo.
	Tổng cộng			24.045.031.825		

TỔNG CÔNG TY LICOGLI - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Phụ lục 01: Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn

Đơn vị tính: đồng

Tên doanh nghiệp	STT	Tên Tổ chức cho vay	Lãi suất năm	Số dư nợ gốc vay đến 31/12/2018 (VND)	Mục đích vay	Phương thức đảm bảo
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 10 (6)	1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	Áp dụng cho từng lần nhận nợ	34.167.497.194	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh	Tài sản đảm bảo là các hợp đồng thế chấp tài sản.
	2	Vay huy động vốn cá nhân	8,5%/năm	6.227.693.668	Bổ sung vốn lưu động	Không có tài sản đảm bảo.
	Tổng cộng			40.395.190.862		
Công ty Cổ phần Licogi 17 (7)	1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bắc Hải Dương	Được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ	19.984.198.267	Bổ sung vốn lưu động	Các máy móc thiết bị, phương tiện vận tải thuộc sở hữu của Tổng Công ty và tài sản khác thuộc bên thứ ba.
	2	Vay huy động vốn cá nhân	1,16%/năm	9.982.737.599	Bổ sung vốn lưu động	Không có tài sản đảm bảo.
	Tổng cộng			29.966.935.866		
Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi (8)	1	Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khu Đông	10%/năm	6.000.000.000	Thực hiện các hoạt động để triển khai dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt	Không có tài sản đảm bảo.
	2	Công ty TNHH Kinh doanh Bất động sản MİK HOME	10%/năm	40.092.357.966	Thực hiện các hoạt động để triển khai dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt và mua 11 căn hộ chung cư tại Dự án Khu nhà ở cao tầng, văn phòng làm việc và nhà ở thấp tầng tại Thịnh Liệt.	Không có tài sản đảm bảo.
	Tổng cộng			10.092.357.966		
Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi (8)						

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Phụ lục 01: Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn

Đơn vị tính: đồng

Tên doanh nghiệp	STT	Tên Tổ chức cho vay	Lãi suất năm	Số dư nợ gốc vay đến 31/12/2018 (VND)	Mục đích vay	Phương thức đảm bảo
Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi (8)	3	Vay huy động vốn cá nhân	10 - 12%/ năm	2.114.147.000	Thực hiện các hoạt động để triển khai dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt	Không có tài sản đảm bảo.
	Tổng cộng			48.206.504.966		
	1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thành Đô	Áp dụng cho từng lần nhận nợ	20.702.759.000	Bổ sung vốn lưu động	Hợp đồng thế chấp tài sản.
Công ty Cổ phần Licogi 15 (9)	2	Vay huy động vốn cá nhân	Áp dụng cho từng lần nhận nợ	15.277.515.369	Bổ sung vốn lưu động	Không có tài sản đảm bảo.
	Tổng cộng			35.980.274.369		
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20 (10)	1	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội	8,5%/năm	19.417.108.511	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh thi công công trình, xử lý nền móng	Các tài sản thuộc quyền sở hữu của Công ty theo từng Hợp đồng thế chấp cụ thể với Ngân hàng.
	2	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Hồ	Quy định tại từng văn bản nhận Nợ	33.541.917.085	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C phục vụ sản xuất kinh doanh	Các tài sản thuộc quyền sở hữu của công ty theo từng hợp đồng thế chấp cụ thể với ngân hàng.
Tổng cộng				52.959.025.596		
Công ty Cổ phần Láp máy Điện nước (11)	1	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Thả nổi có điều chỉnh	4.900.956.630	Bổ sung vốn lưu động	Không có tài sản đảm bảo.
	2	Vay huy động vốn cá nhân	9% - 9,5%/năm	1.983.428.316	Bổ sung vốn lưu động	Không có tài sản đảm bảo.
Tổng cộng				6.884.384.946		

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Phụ lục 02: Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn

Đơn vị tính: đồng

Tên doanh nghiệp	STT	Tên Tổ chức cho vay	Lãi suất năm	Số dư nợ gốc vay đến 31/12/2018 (VND)	Mục đích vay	Phương thức đảm bảo
Tổng Công ty Licogi-CTCP (Công ty mẹ) (1)	1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	Thả nổi	9.939.260.000	Dự án đầu tư nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2015 - Giai đoạn 2	Toàn bộ tài sản hình thành từ dự án
	2	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	Thả nổi	25.935.842.316	Mua sắm tài sản	Toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự được hình thành trong tương lai; số dư tiền gửi từ hoạt động sản xuất kinh doanh bằng VND và ngoại tệ tại Ngân hàng và các TCTD khác; doanh thu chuyển về tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng.
	3	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	Thả nổi	248.592.709.498	Phục vụ dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt và mua sắm tài sản	Toàn bộ tài sản thuộc Dự án đã hình thành và hình thành trong tương lai.
	Tổng cộng			284.467.811.814		
Công ty CP Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đồng Anh (2)	1	Ngân hàng TMCP Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Huyện Lương Sơn	Thả nổi	200.601.558	Mua xe đầu kéo HOWO và Sơ mi rơ moóc 13m	Được đảm bảo theo hợp đồng số 10/2015.
	2	Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hòa Bình	Thả nổi	123.833.806	Tài trợ tiền thanh toán mua 1 xe nâng dầu theo Hợp đồng mua bán hàng hóa số 03/0317/HĐMB ngày 01/03/2017	Bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Phụ lục 02: Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn

Đơn vị tính: đồng

Tên doanh nghiệp	STT	Tên Tổ chức cho vay	Lãi suất năm	Số dư nợ gốc vay đến 31/12/2018 (VND)	Mục đích vay	Phương thức đảm bảo
Công ty CP Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh (2)	3	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	Thả nổi	112.416.524	Mua xe ô tô phục vụ mục đích đi lại	Được đảm bảo bởi 1 xe ô tô pickup, 05 chỗ ngồi, nhãn hiệu MITSUBISHI, màu xám, sản xuất năm 2014 và các tài sản đảm bảo khác cho toàn bộ nghĩa vụ nợ.
	4	Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội	Thả nổi	3.726.255.660	Đầu tư nâng cấp cải tạo dây chuyền sản xuất tấm lợp AC số 01 giai đoạn 1 tại xí nghiệp tấm lợp AC Đông Anh, Hà Nội	Đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
	Tổng cộng			4.163.107.548		
Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi (3)	1	Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Đông Anh	Quy định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ	5.439.317.334	Thanh toán các chi phí hợp lý cho Dự án Đầu tư dây chuyền làm khuôn đúc phụ tùng bằng công nghệ Alphaset công suất 2.000 tấn/năm	Đảm bảo bằng tài sản theo các Hợp đồng theo các cam kết bảo lãnh/Hợp đồng bảo đảm được giao kết.

Phụ lục 02: Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn

Đơn vị tính: đồng

Tên doanh nghiệp	STT	Tên Tổ chức cho vay	Lãi suất năm	Số dư nợ gốc vay đến 31/12/2018 (VND)	Mục đích vay	Phương thức đảm bảo
Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi (3)	2	Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Đông Anh	Quy định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ	14.542.449.747	Thanh toán các chi phí Đàm bảo bằng tài sản theo các Hợp đồng theo hợp lý đầu tư hợp pháp các cam kết bảo lãnh/Hợp đồng bảo đảm được của Dự án Đầu tư mở giao kết, trong đó có Hợp đồng bảo đảm số rộng quy mô, nâng cao năng lực sản xuất nhóm 18/2018/HĐBB/NHCT144-CKDA ngày 11/05/2018.	
	3	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương	Quy định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ	4.114.000.000	Đầu tư thực hiện Dự án Đầu tư nâng cao năng lực thiết bị gia công chế tạo giàn không gian năm 2015	Bảo đảm bằng toàn bộ tài sản hình thành trong tương lai từ vốn tự có của Công ty và từ vốn vay Ngân hàng.
	Tổng cộng			24.095.767.081		
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9 (4)	1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai	7,80%	2.245.000.000	Thanh toán tiền mua 4 xe trộn bê tông HOWO/SINOTRUK dung tích bồn trộn 10m3; Hợp đồng mua bán số 1010/SV/HĐMB/2017 ngày 23/10/2017	Được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có của 04 xe trộn bê tông HOWO/SINOTRUK dung tích bồn trộn 10m3 với giá trị thế chấp là 4.560 triệu đồng.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Phụ lục 02: Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn

Đơn vị tính: đồng

Tên doanh nghiệp	STT	Tên Tổ chức cho vay	Lãi suất năm	Số dư nợ gốc vay đến 31/12/2018 (VND)	Mục đích vay	Phương thức đảm bảo
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9 (4)	2	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai	10,60%	4.650.000.000	Đầu tư dự án nhà máy trộn bê tông tươi công suất 250m ³ /h và trạm trộn đá đảm cấp phối 100m ³ /h; Các hợp đồng đảm bảo khác được giao kết cùng ngày hoặc sau ngày ký hợp đồng tín dụng này.	Được đảm bảo bằng toàn bộ dự án "Nhà máy trộn bê tông tươi công suất 250m ³ /h và trạm trộn đá đảm cấp phối 100m ³ /h; Các hợp đồng đảm bảo khác được giao kết cùng ngày hoặc sau ngày ký hợp đồng tín dụng này.
	3	Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	7,60%	1.719.600.000	Thanh toán tiền mua xe ô tô con Mercedes-Benz E300 AMG mới 100% theo Hợp đồng bán hàng số 534/2017/HĐBH ngày 11/10/2017	Bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay với tổng giá trị tài sản tạm tính 2.580.000.000 đồng.
	Tổng cộng			8.614.600.000		
Công ty Cổ phần Licogi Quảng Ngãi (5)	1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ngãi	Thả nổi	7.368.593.288	Tài trợ dự án đầu tư hệ thống dàn giáo, đá đỡ và vốn tự có của dự án hệ thống dàn giáo, đá đỡ phục vụ thi công và khai thác mỏ núi đá Cà Ty, xã Sơn Tịnh, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi	Thế chấp toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có của dự án hệ thống dàn giáo, đá đỡ phục vụ thi công và khai thác mỏ núi đá Cà Ty, xã Sơn Tịnh, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi số 02/2015/711559/HĐBD ngày 01/10/2015.
	Tổng cộng			7.368.593.288		
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 10 (6)	1	Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Nam Đà Nẵng	Quy định tại từng văn bản nhận nợ	12.139.071.796	Đầu tư xây dựng nhà xưởng sản xuất, mua từ vốn vay.	Bảo đảm bằng các máy móc thiết bị hình thành từ vốn vay.
	Tổng cộng			12.139.071.796		

TỔNG CÔNG TY LICOGI - C.TCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Phụ lục 02: Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn

Đơn vị tính: đồng

Tên doanh nghiệp	STT	Tên Tổ chức cho vay	Lãi suất năm	Số dư nợ gốc vay đến 31/12/2018 (VND)	Mục đích vay	Phương thức đảm bảo
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2 (8)	1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh	Thả nổi	5.601.441.000	Đầu tư xây dựng chung cư đời T5	Quyền sử dụng đất và tài sản là nhà ở hình thành trong tương lai thuộc dự án Đầu tư xây dựng Nhà chung cư đời T5
	2	Vay huy động vốn cá nhân	Theo lãi suất TG có kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Hạ Long	24.041.192.100	Triển khai đầu tư dự án xây dựng tòa nhà Văn phòng và căn hộ tại lô CT7 - Khu đô thị Thịnh Liệt	Quyền mua căn hộ tại dự án.
	Tổng cộng			29.642.633.100		
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20 (9)	1	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Chi nhánh Tây Hà Nội	9,5%/năm	13.500.000.000	Đầu tư 02 dây chuyền máy khoan cọc nhồi phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;	Bao đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
	2	Vay huy động vốn cá nhân	Áp dụng theo lãi suất của Ngân hàng BIDV	1.507.000.000	Bổ sung vốn lưu động	Không có tài sản đảm bảo.
	Tổng cộng			15.007.000.000		
		Tổng cộng		385.498.584.627		

